

G I A I - P H Ầ M

BACH KHOA

TỪ MINH vấn đề bầu cử Tổng Thống tại Hoa kỳ • VÔ
PHIẾN ăn uống sự thường • DOHAMIDE cuộc sống
núi rừng Cao nguyên : sắc tộc Jeh, một năm tắm một
lần • WILL DURANT lịch sử và kinh tế (NGUYỄN
HIỂN LÊ và TRẦN LƯƠNG NGỌC dịch) • BÌNH
NGUYỄN LỘC sợ và máu • NGUYỄN VĂN XUÂN
giai thoại một thời : ông Hiền-Lân và trận Trà-kiệu •
TRẦN KIM THẠCH Cộng-hòa Tân-gia-ba, một Thủy-sĩ
của Đông-Nam-Á ngày nay • XUÂN QUANG trả lời
các bạn đọc hỏi về Yoga • ĐÀO TRƯỜNG PHÚC
mưa đầu mùa • CAO TRƯỜNG HUY nhớ một phương
• VŨ HỮU ĐỊNH trên đường về Lâm Đồng ; tới Đại
Ninh tìm nhà bạn • PHẠM TẤN HẦU ngày ở trại tiếp
cư Đă nẵng • VŨ PHAN LONG ôi Trần Tế Xương.

SINH HOẠT thời sự khoa
học • thời sự thể giới
• thời sự văn nghệ •

380

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

870đ.

MỘT NĂM

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

TỪ MINH vấn đề bầu cử Tổng Thống tại Hoa kỳ	05
VÕ PHIẾN ăn uống sự thưởng	15
DOHAMIDE cuộc sống núi rừng cao nguyên : sắc tộc JEH, một năm tắm một lần	19
WILL và ARIEL DURANT lịch sử và kinh tế (Bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ và TRẦN LƯƠNG NGỌC	23
BÌNH NGUYỄN LỘC sợ và máu	29
NGUYỄN VĂN XUÂN giai thoại một thời : ông Hiền Lân và trận Trà-kiệu	35
TRẦN KIM THẠCH Cộng-hòa Tân-gia-ba, một Thụy-sĩ của Đông- Nam-Á ngày nay	39
XUÂN QUANG trả lời các bạn đọc hỏi về Yoga	49
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC mưa đầu mùa (truyện ngắn)	55
CAO TRƯỜNG HUY nhớ một phương (thơ)	66
VŨ HỮU ĐỊNH rên đường về Lâm đồng ; tới Đại ninh tìm nhà bạn (thơ)	67
PHẠM TẤN HẦU ngày ở trại tiếp cử Đà nẵng ; Bé thơ cũng lụy	67
VŨ PHAN LONG ôi Trần Tế Xương ; Phương	68
SINH HOẠT	
TỪ DIỆP thời sự khoa học	71
TỪ MINH thời sự thế giới	73
THU THỦY thời sự văn nghệ.	76

● Xin quý bạn đọc ghi giùm số 380 vào ô chữ nhật, ở góc cuối
bìa, để sau này tiện tra cứu.

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon

GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách nhận được trước 1-11-72

— Einstein đời sống và tư tưởng của Nguyễn-Hiến-Lê do Lửa-Thiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang gồm 2 phần ; Phần I : Đời sống và tư tưởng, Phần II : Trích văn, Tập văn (vài tư tưởng và vài ý kiến của Einstein), Phụ lục : Tôi gặp Einstein. Giá 220 đ.

— Địa-lý - Kinh tế Hoa-kỳ của Sơn-Hồng-Đức do Lửa Thiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 252 trang gồm 3 phần : Địa lý hình thể, Địa lý kinh tế, Tổng kết, với nhiều bản đồ và hình vẽ. Giá 420 đ.

— Kế - toán căn - bản Quyền I Chu-kỳ kế-toán của Hoàng ngọc Khiêm do Lửa Thiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 220 trang gồm 5 chương : Đối chiếu-biên, Tính lợi tức kinh doanh, Chu kỳ kế toán v.v... biên soạn rõ ràng, ăn loát đẹp. Bản đặc biệt. Giá bán thường 680 đ.

— Thiền đạo tu tập của Chang Chen-Chi (Trương Trùng Cơ), bản dịch Như-Hạnh, Kinh-Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 442 trang, diễn

dịch công phu theo nguyên tác « The practice of Zen » gồm 4 phần : Bản chất của Thiền, Thiền đạo tu tập, Bốn nan đề của Thiền, Phật và Thiền định.

— Chuyện hai người tập truyện của Hoàng ngọc Tuấn do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 5 của tác giả được xuất bản dày 170 trang gồm 7 truyện ngắn và Phụ lục « Nhật ký sau một tác phẩm ». Giá 260đ.

— Thần đêm u ám nguyên tác « Le dieu des ténèbres » trong Tủ sách « Nouveaux horizons » của các tác giả : R. Crossman, A. Koestler, I. Silone, R. Wright, A. Gide, R. Aron, bản dịch của Đinh Bá Kha, Phú Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản trong Tủ sách Kim Văn của Ủy ban dịch thuật, do dịch-giả gửi tặng. Sách dày 508 trang đã được Giải thưởng Dịch thuật sách biên khảo Pháp văn 1971. Bản đặc biệt. Giá bán thường 600 đ.

— Có những mùa trăng tập truyện của Mang Viên Long do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 133 trang gồm 6 truyện ngắn mới nhất của tác giả. Phụ lục là phần « Từ điển Việt-Nam » do Vũ Bằng chủ biên, Nguyễn đình Vượng thực hiện. Giá 100 đ.

Bạn đọc thân mến

Vì lý do kỹ thuật, SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU chưa ra mắt bạn đọc vào kỳ này được, và lại phải dành cho kỳ tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và cũng xin giới thiệu trước là số đặc biệt này sẽ gồm những bài nhận xét và phân tích, với cái nhìn mới mẻ, về Nguyễn Du và Truyện Kiều của các cây bút : Nguyễn văn Trung, Trần ngọc Ninh, Bùi hữu Sùng, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Doãn quốc Sĩ, Vũ văn Kính .. Các bản dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du của hai nhà thơ Quách Tấn và Vũ hoàng Chương.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Cuộc vận-động bầu cử Tổng-thống tại Hoa-kỳ

Ngày 7-11 tới đây, dân chúng Mỹ sẽ đi bỏ phiếu bầu vị Tổng-Thống thứ 38 của lịch-sử Hoa-kỳ. Tuy còn những 7 ngày nữa người ta mới bầu nhưng vì cán cân lực lượng quá chênh lệch nên người ta đã chắc chắn rằng ông Richard Nixon, hiện là vị Tổng-Thống thứ 37 sẽ trở thành vị Tổng-Thống thứ 38. Mặc dầu kết quả bầu cử không còn là một bất ngờ, nhưng cuộc vận động bầu cử vẫn không thiếu phần hào hứng.

Đặc biệt là cuộc vận động tranh cử này chỉ có một chiều, vì nếu ông McGovern, ứng-cử-viên Dân-chủ đã đi khắp nước Mỹ hò hét la lối, tố cáo, hứa hẹn, để kiếm phiếu thì ông Nixon, ứng-cử-viên Cộng-hòa lại hết sức trầm tĩnh, tự giam mình trong tháp ngà Bạch-ốc gần như bất động. Mặt khác, hai ứng-cử-viên Phó Tổng-Thống thuộc cả đảng Cộng-hòa lẫn Dân-chủ đều hướng về cuộc bầu cử Tổng-Thống năm 1976 hơn là cuộc bầu cử hiện tại, vì cả hai đều có tham vọng ra ứng cử Tổng-Thống vào khóa 4 năm sắp tới này.

Vận động một chiều

Cuộc bầu-cử càng tới gần thì liên danh Dân-chủ McGovern-Shriver lại càng hoạt động mạnh mẽ. Cả hai ứng-cử-viên đều thi nhau đi thăm viếng các tiểu-bang, các đô-thị trên toàn quốc để kiếm phiếu.

Đề thu hút cử-tri thuộc các khuynh

hướng chống đối ngay trong nội bộ đảng Dân-chủ, ông George McGovern đã im cách hòa-giải với các đối-thủ trong đảng của ông. Ông đã đến yết kiến cựu Tổng-Thống Johnson để năn nỉ ông này nhảy vào chính-trường yểm trợ gà nhà. Nhưng vì ông McGovern đã hết lời thỏa mạ Johnson 4 năm về trước nên Cựu Tổng-Thống Hoa-kỳ chỉ ủng-hộ ngoài miệng và lấy cớ là đã quá già yếu nên không thể tích cực tham gia vào cuộc bầu-cử được. Ngược lại, hai đối thủ cũ của ông McGovern là cựu Phó Tổng-Thống Humphrey và Thượng Nghị-sĩ Muskie đã vui vẻ đi cõ động cho ông.

Ông Richard Daley, Thị-trưởng Chicago, người đã bị McGovern hạ sát ván tại Đại-hội Đảng vào tháng 7 vừa qua đến nỗi mất cả quyền đại diện Đảng tại Đại-hội, cũng vì tình đoàn kết trong Đảng mà tới hôn ông McGovern và ngồi cùng xe với ông này đi diễn hành trước cử-tri Chicago. Lễ dĩ nhiên là gia-đình Kennedy đã huy động toàn lực để ủng hộ George (McGovern) và Sarge (Shriver). Từ bà Rose Kennedy mẹ, của cố Tổng-thống Kennedy, rồi Ted Kennedy, Ethel Kennedy (vợ của Robert) cho tới cả Caroline, con gái của Tổng-Thống John Kennedy mới 14 tuổi, cũng rầm rộ đi biểu-tình đòi McGovern làm Tổng-Thống.

Nhưng sự có mặt của gia đình Kennedy đôi khi cũng bất lợi cho ứng-cử-viên Dân-chủ, vì lần nào xuất hiện chung với Thượng Nghị-sĩ Ted Kennedy, McGovern cũng đều bị lu mờ cả. Tại Pittsburg một người đàn bà từ đám đông nhẩy tới đây McGovern ra đề được sờ vào Ted Kennedy và nói rằng: « Tôi nóng ruột chờ đến năm 1976. » Khi các ký giả hỏi Kennedy là ông sẽ làm gì vào năm 1976 thì ông Thượng Nghị-sĩ trả lời: « Lúc đó tôi sẽ đang đi vận động cho ông McGovern được tái đắc cử Tổng-Thống. »

Đi tới đâu ông cũng nói với cử-tri rằng hiện thời còn có những người Mỹ và người Á-châu chết vì chiến tranh để phục vụ cho giới tài-phiệt. Và ông đặt câu hỏi: « Các bạn có muốn tình-trạng này kéo dài thêm 4 năm nữa không ??? » Và đám đông trả lời: « Không ! Không ! »

Tại Chicago McGovern tuyên bố với quần chúng rằng: « Hôm nay tôi xin báo tin cho quý vị là tôi sẽ đắc cử ». Dân chúng chỉ còn biết cười để trả lời vì ngay ngày hôm trước cuộc thăm dò dư luận Harris đã cho biết là số dân chúng ủng hộ Nixon nhiều hơn McGovern là 34%.

Lợi dụng vụ các đảng viên Cộng-hòa lặn vào Đại bản-doanh đảng Dân-chủ ở Watergate để đặt các máy ghi-âm và do thám, ông McGovern đã tố cáo chính-phủ Nixon là tham nhũng nhất trong lịch sử. Trong vụ Watergate người ta được biết rằng đảng Cộng-hòa có những ngân-khoản

không chứng-minh được, ông McGovern tố là đảng Cộng-hòa vi phạm luật bầu cử, chi tiêu quá mức luật-định. Ông tố cáo là Tổng-Thống Nixon cố tình kéo dài chiến tranh Việt-Nam và hứa là nếu đắc cử ông sẽ sang Hà-nội để năn nỉ Bắc-Việt thả tù binh. Một cử-tri hỏi: « Nếu vậy tức là ông đi ăn xin à ? » Không ngần ngại ứng-cử-viên Dân-chủ đáp: « Đi ăn xin còn hơn là ném bom ».

Trước các hoạt động mạnh mẽ của McGovern, ông Nixon vẫn điềm nhiên không trả lời. Các cộng-sự-viên của ông khuyên ông nên giữ nguyên địa-vị của một vị nguyên-thủ quốc-gia, không nên xuống võ-dài tỷ-thí với đối-thủ. Vì vậy mà ông chỉ ngồi bất động trong Bạch-ốc và gửi bộ hạ đi các nơi cổ động mà thôi. Cũng vì vậy mà người ta thấy các Bộ-trưởng Morton, Schultz, Volpe, Richardson, Butz, Hodgson, các Cố-vấn Finch, Knauer, các Thượng Nghị-sĩ Dole và Goldwater, Dân-biểu Jack Kemp, các Thống-dốc Reagan và Rockefeller đã chia nhau mỗi người một vùng để đi cổ động cho ông Nixon. Ngoài ra Julie Eisenhower cũng tới St-Louis và Phó Tổng-Thống Agnew tới Las Vegas.

Sau khi gán cho ông Nixon đủ tính xấu nào là tham nhũng, nào là hiếu chiến, nào là tạo ra nạn thất nghiệp nạn lạm phát mà thấy ông Nixon vẫn không trả lời, ông McGovern tức quá thách ông Nixon ra tranh-luận trước máy truyền hình. Nhưng ông Nixon vẫn làm thinh không đáp. Bà Eleanor McGovern cũng được chồng đẩy ra

thách thức bà Pat Nixon ra tranh-luận trước máy truyền hình. Ông McGovern tin rằng với tài biện-luận của bà vợ mình thì bà Nixon sẽ bị đánh bại. Thật vậy, trước kia ông McGovern đã gặp bà Eleanor trong một cuộc thi tranh-luận và ông đã bị Eleanor đánh bại ! Nhưng trước sự thách-thức của bà Eleanor McGovern, bà Pat Nixon lại chỉ mỉm cười không đáp.

Giận quá ông Mc Govern phân vua với cử-tri : « **T**ổng Thống núp trong Bạch-cung rồi gửi gia-nô (lackeys) đi cò-động. Nhưng rồi cũng có lúc cử-tri hỏi : Nixon đâu ? Và lúc đó Nixon sẽ bắt buộc phải chui ra ».

Khi nhà báo hỏi ông Nixon bao giờ ông sẽ « chui ra » thì ông trả lời : « Tôi sẽ không xuất hiện vào lúc này hay bất cứ một lúc nào khác trong suốt cuộc cò động bầu cử. »

Vì ông Nixon tỏ ra hết sức xa vời với đối thủ của ông nên cuộc vận động bầu cử Tổng-Thống hiện thời chỉ có một chiều. Và ông McGovern chỉ còn biết độc-thoại khi người mà ông gọi là « **Vua Richard** » (King Richard) không chịu đối thoại với ông.

Tuy vậy cuộc vận-động bầu cử vẫn không mất phần hào hứng vì mỗi khi ứng-cử-viên đảng Dân-chủ đi tới đâu thì cả một không khí chợ-phiên đi theo đến đó. Các người ủng hộ McGovern đội mũ mang tên McGovern, mặc áo mang hình McGovern, chân nhầy, tay vỗ, miệng hô to : « Chúng tôi muốn George, chúng

tôi cần George, chúng tôi yêu George ».

Nếu hai ông Chánh không chịu đối thoại với nhau thì trong cuộc bầu-cử năm nay hai ông Phó lại không ngừng đả kích nhau vì cả hai đều có tầm mắt hướng về cuộc bầu cử năm 1976.

Hai ông Phó hướng về năm 1976

Vì ông Nixon cố tình né tránh, người ta có cảm tưởng ông McGovern đang nói một mình giữa sa mạc. Do đó mọi con mắt đều đổ dồn về cuộc đấu võ giữa hai ứng-cử-viên Phó Tổng-Thống Spiro Agnew và Sargent Shriver. Cuộc tranh tài giữa hai ông này trở nên hết sức hào hứng vì cả hai đều hy vọng được Đảng của mình cử ra ứng-cử Tổng-Thống vào năm 1976. Cả hai đều cố tạo cho mình một hình ảnh quen thuộc trong dân chúng để không những lấy được thiện-cảm của Đảng mà còn của cả cử-tri toàn-quốc.

Năm 1976 Tổng-Thống Nixon sẽ chấm dứt nhiệm kỳ thứ hai và không được quyền ứng-cử thêm lần nữa. Vì vậy ông Agnew đang tìm đủ mọi cách để ra khỏi vùng bóng tối mà chức vụ Phó Tổng-Thống đã chum lên ông từ 4 năm qua. Trong cuộc vận động bầu cử hiện thời người ta không còn thấy một Spiro Agnew vụng về, mở miệng ra là nói hớ nữa. Năm 1968, nếu ứng-cử-viên Tổng-Thống Nixon phải biệt-phái nhiều nhân - viên tới để kiểm soát sự phát-ngôn bừa bãi của ứng-cử-

viên Phó Tổng-Thống, thì năm nay ông Agnew đã có một ban tham-mưu riêng gồm toàn những chuyên-gia có đầy đủ kinh-nghiem về bầu-cử. Cách đây 4 năm, đảng Dân-chủ đã hạ ông Agnew bằng cách thực hiện một chương-trình tuyên truyền trên máy truyền-hình chỉ gồm có mấy chữ « Spiro Agnew làm Phó Tổng-Thống » xuất hiện trên màn-ảnh nhỏ trong một tràng cười rộ lên chế riếu. Năm nay ông đã trở thành một ứng-cử-viên cử khôi có những lời nói chín chắn đánh thép và đôi khi rất có duyên. Tại Las Vegas, ông Agnew tố cáo : « thái độ lạt lọng của một ứng-cử-viên thất vọng mà tôi khỏi phải nói tên ».

Khi Sargent Shriver lên tiếng bênh vực người nghèo thì ông Agnew trả lời : « Ông bạn Sargent Shriver đã nói rằng ông ấy biết cảnh nghèo ra sao. Vì theo ông ta thì cha của ông cả đời phải hừng hực làm việc để nuôi 8 miệng đói ăn. Và 8 miệng phải nuôi đó là Mẹ Sargent Shriver, Sargent Shriver và 6 con ngựa để họ cưỡi khi chơi polo ! »

Để nói lên sự giàu có của ông Sargent Shriver ông Agnew, người thuộc cùng Tiểu-bang Maryland với Sargent Shriver, còn đặt ra một chuyện khôi hài. Ông kể : « Khi còn nhỏ, tôi và Sargent Shriver đã có sống chung với nhau tại Maryland. Tôi còn nhớ rõ thắng lợi Sarge lấu cá. Mỗi lần chúng tôi chơi đi trốn, đi tìm với nhau, tôi đều bị thua vì khi tới phiên tôi đi trốn thì Sarge đều bỏ tiền ra mướn thám tử riêng để tìm tôi ! »

Ứng-cử-viên Phó Tổng - Thống Dân-chủ cũng không vừa. Với một gia-đình nhà Kennedy — nhà vợ — đông đảo đứng đằng sau, ông đã nhảy vào vòng chiến với một sự nồng nhiệt hiếm có. Mỗi ngày ông làm việc 16 giờ, đọc cả chục bài diễn văn, bắt hàng ngàn bàn tay. Để lấy lại sức mỗi bữa cơm ông ăn năm sáu miếng bít-tết. Lúc nào cũng diêm dúa trong bộ đồ do thợ may danh tiếng Cardin cắt từ Paris gửi về, ông Sargent Shriver ra ra trước đám đông bắt chước giọng nói của ông Nixon để làm cho cử-tri cười. Tại Las Vegas, Sargent Shriver bắt chước Nixon, đầu cúi xuống, cầm bạnh, lưng vươn ra, nhại giọng nói : « Tôi tin tưởng vào hệ-thống chánh-trị Hoa-kỳ ». Cử-tọa nhầy lên cười sặc sụa. Nhưng ngay sau đó Shriver lấy lại giọng của mình để đả kích Nixon : « Ai không tin tưởng vào hệ thống chính-trị Hoa-kỳ? Nhưng ông Nixon tin ở hệ-thống nào đây? Ông ấy tin tưởng ở một hệ-thống bất-bình-dẳng thuế-khoá để cho những người giàu sự như Ronald Reagan (nguyên tài tử điện ảnh và hiện là Thống-đốc Liên-bang California) khỏi phải đóng thuế. Ông Nixon tin tưởng vào một hệ-thống có đầy người thất-nghiệp. Nếu ông ấy đã tin như vậy thì chúng ta cũng giúp cho Nixon và Agnew thất nghiệp luôn bằng cách đẩy các ông ấy ra khỏi chính quyền ! »

Về chính-sách kinh-tế của Tổng-thống Nixon, Sargent Shriver nói : « Khi tôi còn đi học, người ta dạy

tôi là không thể nào nạn lạm phát, nạn thất nghiệp và nạn vật giá leo thang lại có thể xuất hiện cùng một lúc. Ấy thế mà Nixon tạo được cùng một lúc 3 hiện tượng này. Thật là kỳ tài ! »

Nhưng đôi khi ông Shriver cũng tỏ ra ngây thơ. Ông không hiểu tại sao mọi người lại cười rộ lên khi ông nói rằng : « Mỗi năm tôi kiếm được 108.600 Mỹ-kim (khoảng 44 triệu đồng V.N.) và tiêu hết như những người Mỹ khác, kiếm đồng nào sào đồng ấy, chả để dành được xu nào. »

Tuy ăn mặc diện, nhưng Shriver lúc cần không ngần ngại cởi áo, lột cà vạt, sẵn tay lên nhảy múa với các cử-tri. Ông hoạt động mạnh quá đến nỗi McGovern phải nói rằng : « Nếu Shriver ứng-cử với người khác, chắc chắn là tôi sẽ bỏ phiếu cho ông ta. » Nếu McGovern đã kích « King Richard » thì Shriver tìm đủ mọi cách để tấn công « Tricky Nicky » (anh Nicky mưu mô, ám chỉ ông Nixon) bao nhiêu điều không hay không phải theo Shriver đều là lỗi tại « Tricky Nicky » hết.

Cặp bài trùng George McGovern và Sargent Shriver đã được nhiều tài tử điện ảnh và ca-sĩ ủng hộ. Cô đào phản chiến Jane Fonda vừa ở Bắc Việt trở về ủng hộ George và Sarge hết mình. Shirley Mac Lane bỏ ra hàng chục ngàn Mỹ-kim để tài trợ cuộc tranh cử của đảng Dân-chủ. Các tài-tử, các cô đào như Warren Beatty, Gene Kelly, Burt Lancaster,

Paul Newman, Anthony Perkins và Tina Sinatra tuyên bố ủng hộ McGovern. Trong khi Frank Sinatra, cha của Tina, lại cùng với June Allyson, Fred Astaire, Pat Boone, Zsa Zsa Gabor, Cary Grant, George Hamilton và Dorothy Lamour ủng hộ ông Nixon.

* * *

Cho tới ngày 7-11 tới, nước Hoa-kỳ sẽ tiếp tục là một hội-chợ vĩ đại với những trò vui nhộn nhất. Nhưng hội chợ này được tổ chức 4 năm một lần cũng là một dịp mua vui cho dân chúng Mỹ để họ quên bớt tính cách tẻ nhạt máy móc của đời sống hàng ngày tại một quốc gia quá văn minh. Sáng ngày 8-11 khi Tổng-Thống Nixon chính thức được tái đắc-cử người ta sẽ thấy ông McGovern nhắc điện thoại gọi Bạch-Cung để khen ngợi ứng-cử-viên may mắn và hứa sẽ giúp ông Nixon thành công trong 4 năm tới. Mọi thù hận, đã kích được quên mau. Tại khắp nơi người ta lại cuốn cờ, dẹp biển, tháo đèn để 4 năm nữa tổ chức lại trò vui. Khi nhận ra ứng cử, ông Sargent Shriver đã nói với vợ là Eunice rằng : « Thắng hay bại không thành vấn đề, chúng mình hãy chơi cho vui đã. » Có lẽ đó là một quan-niệm đứng đắn và khôn ngoan nhất về dân-chủ của một dân-tộc dân-chủ lớn nhất thế-giới.

TỪ-MINH

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, *Nguyễn-Trường-Tập* (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Tăng cường sinh lực bằng

C E T O N I C

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Ăn uống sự thường

Có lần, trong một bữa cơm khách ở Hán thành, vị chủ nhiệm một tờ báo ấn hành mỗi ngày hơn nửa triệu số, khoe rằng ông đã có dịp ghé thăm Sài gòn, đã thưởng thức nước mắm Việt-nam, đã mua về một ít cho cả nhà dùng thử, đều thấy ngon.

Người nói có lý đề hãnh diện : Đến viếng một nước xa xôi trong một thời gian ngắn mà đã chịu được một món ăn có mùi vị mạnh mẽ như nước mắm, đã chịu được lại còn thấy cả cái hay của nó để đem lòng ưa thích, thì quả thật là người có thiên tư.

Còn về phần kẻ nghe, dường như cũng đã không dấu nổi cả một sự vênh váo : « Ông bạn đã khiếp chưa nào ? Bền xừ tôi, cái ăn cái uống siêu như vậy đó. Ấy là ông bạn mới biết qua loa mà đã thán phục nước mắm : thấu triệt nó, còn kinh hãi đến đâu. Nhưng sức mấy mà một người ngoại quốc thấu triệt nổi cái tinh túy của nước mắm ? Còn lâu ạ ! » Tôi cười thầm trong bụng.

Sự vênh váo lộ bịch bắt nguồn từ những kỷ niệm xa xôi, ngày còn nhỏ dại, sinh sống ở một làng quê.

Ngày ấy, mỗi lần có gánh nước mắm bán dạo ghé vào nhà là cả một sự xôn xao. Bởi vì thường thường không một ai trong gia đình mà đủ tự tin vào tài nội trợ của mình để có thể một mình kiêu hãnh quyết định về giá trị một thứ nước mắm.

Người bán hàng mắt nhắm chiếc gáo nhỏ xíu làm bằng sọ quả dừa xiêm đẹt, chỉ lớn hơn thứ gáo của bạn hàng dầu vốn làm bằng sọ quả mù u, lớn hơn một chút thôi. Người hàng mắt nhắm vục gáo vào « thông », múc lên lưng gáo, rót một tí vào cái chén con sạch sẽ, đưa mời. Cô tôi đón lấy chén, đưa lên mũi, ngửi qua, mắt nhìn ngưng lại giữa khoảng không, ngẫm ngẫm, thăm định... Xong, một cách thận trọng, cô mới le lưỡi nhắm tí nước mắm. Rồi lặng lẽ trầm tư, cô trao chén về phía thím tôi..

Nhưng bà tôi sốt sắng, nóng nảy, đã vội vàng đưa tay vẫy gọi. Và thím chuyển ngay chén mắm sang bà. Lại ngửi, lại nếm. Sau đó, đến lượt thím tôi : lại ngửi, lại nếm...

Thím phát biểu :

— Khá hơn thứ năm các kỳ trước.

Cô tôi tán đồng dè dặt :

— Nhắm qua thì nó dịu hơn, nhưng chị chớp cho lâu lâu thử coi...

Bà tôi nhận định :

— Nè, mấy đứa thấy sao ? Cái màu kỳ này tao không vừa ý, mà mùi vị của nó cũng chưa đảm đâu.

Người bán hàng vội vã cười hề hề :

— Bà nói vậy, con chịu. Bà tài thật, không cãi vào đâu được. Thưa, lứa nước này thiếu nắng. Nó còn hơi

« sống » đó mà. Thừa, bà mua xong, đem ra « giang » ít lâu, nó bắt nắng, dậy mùi, thơm không thể tả, Màu nó cũng vàng óng lên chứ không như vảy dầu. Hề hề... Với bà thì cần gì phải bay vẽ, những cái đó bà biết hết mà. Hề hề...

Trong khi người bán hàng xoắn xuýt quanh bà, thì cô tôi thông thả trao đổi một nhận xét với thím :

— Nước kỳ trước, mới nhấp không thấy ngon lắm, nhưng thâm thâm nó ngọt hoài trên lưỡi : càng nhấp càng ngọt. Nước kỳ này không có hậu. Chị nhớ không : Năm ngoái mình cũng gặp phải...

Thím tôi vừa gục gặc nhẹ nhẹ vừa bưng chén mắm lên nhấp lại một tí nữa để chiêm nghiệm. Người bán hàng tai nghe tiếng được tiếng mất những lời bàn tán thấp giọng giữa hai người đàn bà, liền quay lại, ngờ vực, can thiệp liền : « Thừa... Thừa... v.v... »

Cuộc thưởng thức phẩm bình kéo dài. Số người được mời tham dự vào mỗi lúc một đông. Chén nước mẫu hàng được chuyền mời người này người kia : những người khách đàn bà vừa mới đến nhà, và lắm khi cả những người đàn ông trong gia đình nữa.Ồ, góp lời vào cuộc trưng cầu ý kiến về một chuyện có tính cách nghệ thuật rõ rệt như vậy có gì phương hại đến phong cách của hạng mày râu đâu ?

Trên lãnh vực chuyên môn này, các nhà nghệ sĩ có cái lưỡi được nồng mùi mắm của chúng ta ít ra

phải gặp một nhà nghệ sĩ lớn của Tây-phương, tức cha Gaucher khả kính, nửa đời chuếch choáng, chân nam đá chân chiêu, lão đạo hành trình trên đường nghệ thuật, hơi thở nồng nặc mùi rượu cứu nguy tu viện Prémontrés : « *Patatin, patatan, tarabin, taraban...* »

Thật vậy, muốn thâm định cho đúng giá trị chân chính của một giọt nước mắm ngon, cũng như của giọt rượu trong thiên truyện nọ của Alphonse Daudet, không thể dùng thứ máy móc tinh vi nào được cả. Chỉ có thể lấy cái lưỡi của một thiên tài làm chuẩn. Nước mắm, cũng như rượu, cũng lại như trà vậy.

Tiếc thay, người ta đã xun xoe quá nhiều chung quanh những giai thoại về cái tài phát giác ra hạt trấu lộn trong gói trà Tàu bằng khứu giác, chung quanh những tay tổ được rước đi từ nhà hăm này đến nhà hăm kia, dùng lưỡi thử thử rượu nho truyền thống vùng Champagne ở Pháp v.v..., mà không quan tâm đúng mức đến khoa thưởng mắm của dân tộc. Thiết tưởng một người đứng giữa hăm rượu với một người đứng giữa nhà thùng, sự chọn lựa của kẻ sau này còn khó khăn hơn nhiều.

Ngày xưa các cô tôi thường kêu trời sau mỗi lần đi « vạn » mua mắm. Một « nhà thùng » — một hàm hộ — chắt chứa nhiều tấn nước mắm, hàng chục hạng khác nhau : Dẫn thân vào đó, nếm thử này một chút nhắm thử kia một tí, chẳng bao lâu cả vị giác

cùng khứu giác bắn loạn lên, không còn phân biệt đâu vào đâu nữa...

* *

Tôi đã nghĩ đến sự bối rối của các cô một hôm vào xem một xưởng nước mắm ở Cà-mau. Còn người chủ xưởng thì cười ngất về sự bối rối đó.

— Nấm mắm? Bây giờ có ai mua bán kỳ cục như vậy đâu?

Tôi sửng sò, nghếch người ra. Con người quê kệch tha hồ trải qua bao nhiêu cảnh vật đời sao dời của thời đại vẫn không hề tưởng tượng rằng cái món nước mắm gần gũi hàng ngày đã trải qua những biến thiên ghê gớm như thế. Bây giờ bậc thang giá trị của nước mắm được qui định căn cứ trên chất đạm. Bây giờ không còn có thứ nước thơm hơn thơm kém, thứ nước có hậu và không có hậu v.v...; chỉ có những thứ nước bảy chất, tám chất, mười một chất, mười ba chất v.v... Mỗi « chất » là mỗi phần trăm chất đạm: đưa chuyên viên phân tích xong, căn cứ vào giá biểu xem mỗi « chất » giá bao nhiêu, làm một bài toán nhân. Thế là xong. Việc gì có chuyện nấm với người trong đó?

Dĩ nhiên, cũng bấy nhiêu chất nhưng tùy thứ cá dùng làm nguyên liệu, tùy lẽ lối chế tạo riêng biệt, mỗi thứ nước mắm có mỗi mùi vị khác nhau. Nhưng nêu ra làm chi những sự phiến toái rắc rối ấy? Chút hương vị loáng thoáng, nếu quả có, bây giờ và ở đây nó cũng chẳng đáng quan tâm mấy. Nó làm sao đương đầu nổi

với vị dấm pha vô ào ào? Với vị đường? Với mùi mù - tạt? v.v... Trong chai nước chấm bánh cuốn ngày nay chẳng hạn, phần « tham dự » của nước mắm có được là bao mà đòi hỏi nào hương nào vị nào màu nào sắc cho rầy rà? Miễn mặn và đủ « chất » là được rồi. Thế cho nên trong nhiều tiệm ăn quán nhậu, các chai tàu iều, nước tương, nước mắm Tàu đã thay thế ngang xương lọ nước mắm cổ truyền nặng mùi. Không thấy đó sao?

Giữa cái thứ gọi là nước mắm Tàu, nó không khác nước muối là bao nhiêu, với thứ nước mắm muôn mùi nghìn vị của ta, mà vẫn xảy ra sự thay thế cho nhau được: Quá xá rồi! Thành thử lúc này ăn mắm mà khen chê ngon dở, phân biệt mùi vị v.v... lại hóa ra là một sự lảm càm lạc hậu, già nua, lỗi thời, lại lộ cái chân tướng của thể hệ tiền chiến, không theo kịp con người « hôm nay ».

Người Việt hôm nay, chắc chắn chả mấy chốc sẽ bắt kịp cái khả năng ăn mắm của những người ngoại quốc, bên Tây bên Mỹ. Tôi trót cười thầm ông bạn Đại-hàn đầy thiện chí: Oan cho ông ta quá.

* *

Người Việt nam mất đi cái tinh tế đối với nước mắm mà lạ ư? — Không đâu. Trong cái ăn cái uống của dân tộc đã có những thay đổi động trời hơn nữa. Chẳng hạn bây giờ đi đường khát nước, người Việt-nam trong các đô thị Việt-nam làm

sao tìm được bát nước chè đề uống ? Chỉ có thể uống nước ngọt mà thôi : coca, xá xị, nước cam, nước rau má, nước... sinh tố (!) v.v.,

Vào tiệm ăn xong, có tách trà Tàu đề súc miệng. Nhưng còn tô nước chè Huế, chè vối, đề giải khát cho khách bộ hành thì thật sự mất tích ở chỗ công cộng.

Khảo sát những xã hội gồm nhiều giống dân di cư đến, như xã hội Hoa-kỳ, người ta đề ý thấy một khi từ bỏ quê hương đến gia nhập vào xứ lạ, di dân thường thường rời bỏ y phục cổ truyền và ngôn ngữ dân

tộc trước, rồi sau cùng mới chịu quên đi các món ăn dân tộc. Còn như chúng ta, chúng ta chẳng phải lưu lạc đi đâu, sống ngay trên đất nước, thế mà...

« Về chi ăn uống sự thường ... » Cái chuyện người Việt có một ngày mất nước chè, phải giải khát bằng coca, sinh tố v.v... sau những cuộc thảo luận đến khản cổ về những vấn đề văn hóa dân tộc, tình tự dân tộc v.v., chuyện ấy mà cũng đã được tiên định ? Gì mà chu đáo oái oăm quá vậy ?

VÕ PHIỄN
10-1972

Một cây bút có thể giá trong văn học hiện đại Trung-quốc

TỪ VU

với truyện dài

BÁCH TÀN

bản dịch của Vi Huyền Đắc

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

CHIA VUI

Được hồng thiệp báo tin nhà thơ HẠ-ĐÌNH-THAO làm lễ thành hôn cùng cô NGUYỄN-THỊ HỒNG-SÂM vào ngày 23-10-1972 tại Tam-kỳ — Quảng-Tín.

Xin chân thành chúc THAO-SÂM trăm năm hạnh-phúc

LÊ-NGỘ-CHÂU, TƯỜNG-LINH, HOÀNG-LỘC, LÊ-VĂN-TRUNG, TRẦN-CÔNG-NGHỊ, vợ chồng THÀNH TÔN và vợ chồng LÊ-ĐÌNH PHẠM-PHÚ.

Cuộc sống núi rừng Cao-nguyên

Sắc tộc JEH

một năm tắm một lần

Tại trại tạm cư Nguyễn-Huệ thuộc Ty Phát-triển Sắc-tộc tỉnh Kontum, người ta kiểm điểm được 3.326 kể cả đàn ông đàn bà trẻ con người Thượng thoát trông hơi khác người Thượng mà người ta thường nhận thấy trên đất Cao-nguyên do ở chỗ thân hình họ nhỏ thó và thấp lùn hơn.

Đó là sắc dân Jeh (cũng có tài liệu viết là Dié), dân số trước kia được ghi nhận vào khoảng 18.000 (1) bao gồm cả một phần cư ngụ trên đất Lào thuộc mạn Đông Cao-nguyên Boloven. Trên phần đất Việt-Nam, người Jeh sanh sống tại Dakglai, Dakpek, Mang Buk, Bong Hong, tức vùng chiến lược quan trọng có quốc lộ 14 băng ngang qua để thông ra miền duyên hải Hội-An, Trung phần.

So với các sắc tộc thiểu số khác trên Cao-nguyên, sắc tộc Jeh là một trong vài sắc tộc được xem như còn sơ khai nhất, cư ngụ tại những vùng hẻo lánh nhất, cô lập nhất đối với xã hội bên ngoài.

Các sắc tộc thiểu số cư ngụ trên Cao-nguyên thuộc 2 nhóm chủng tộc Malayo-polynesian và Môn-Khmer ; người Jeh thuộc nhóm thứ hai và là một sắc tộc yếu thế nhất đã liên tục bị dồn ép ngày càng đi sâu vào rừng núi. Vào thế kỷ 19, sắc tộc Jeh bị sắc

tộc Sedang hiểu chiến lẫn ép, suýt bị diệt chủng vì bị đưa vào một địa thế thiếu đất trồng trọt hoa màu sanh sống.

Năm 1927, người Pháp đặt chân đến vùng người Jeh cư ngụ ; người Jeh tưởng người Pháp hỗ trợ người Sedang nên đã kháng cự trong tuyệt vọng và mãi đến khoảng 1935 mới được yên sống.

Người Jeh cư ngụ thành từng làng biệt lập đối với các làng lân cận, mặc dầu cùng thuộc sắc tộc Jeh. Do đó, không có một người lãnh đạo thống nhất, giữ trách vụ Tủ-trưởng, theo quan niệm thông thường đối với các sắc dân sơ khai còn sống trong tình trạng bộ lạc Cao-nguyên.

Mỗi làng Jeh bao gồm từ một đến lối 10 cái nhà dài từ 5 đến 200 thước, sàn thấp, nóc cũng thấp đôi khi sát xuống mặt đất. Mỗi nhà như vậy được chia thành nhiều gian và mỗi gian là một gia-đình, ngăn cách bằng một hành lang chính giữa, dùng chung cho các gia-đình. Ngoài cửa chính ở đầu hành lang, mỗi gian đều trở ra

(1) Frank M. Lebar, Gerald C. Hickey, John K. Musgrave *Ethnic Groups of Mainland Southeast Asia*. New Haven : Human Relations Area files Press, 1964, trang 140

ngoài bằng một lối ra vào, có thể giờ lên giờ xuống như cánh cửa sò.

Một vài làng Jeh có một nhà làng, làm nơi hội họp, tiếp khách, cúng tế, và đồng thời, nơi tụ họp và các trai trẻ trong làng ngủ đêm. Làng nào không có nhà làng thì các nhà ở có dành một gian cho việc hội họp, tiếp khách chung kê trên.

Đêm đến, dân làng tụ họp tại nhà làng, ngồi quanh đồng lửa, ca hát, kể chuyện xưa, hoặc trao đổi tin tức với khách các làng lân cận đến viếng.

Với cuộc sống hồn nhiên đó, người Jeh tượng trưng cho khả năng hạn hữu của con người chống chọi với thiên nhiên, với bệnh tật, với thời khí, trong hoàn cảnh cô lập thiếu thốn phương tiện trợ giúp từ bên ngoài. Người Jeh phải thờ cúng các quyền lực thiên nhiên từ trời, đất, cây, đá... bao quanh, lúc nào cũng lo sợ một nguyên nhân nào đó gây nên đau khổ, chết chóc và tin rằng những vụ giết trâu tế lễ sẽ giúp được tai qua nạn khỏi.

Và cũng do đó, người Jeh, một năm chỉ tắm có một lần trong một cuộc tắm tập thể với ngại thức long trọng.

Như các sắc tộc thiểu số sống trong các vùng núi non hiểm trở đất Cao-nguyên, người Jeh sanh sống bằng nghề làm rẫy và săn bắn; nghề rẫy được thực hiện qua cuộc đốt rừng, chọc lỗ.

Lúa được trồng tại những địa thế thích hợp và là món ăn chính của

người Jeh. Nhưng tại một vài làng ở vào địa thế hiểm trở, đất hẹp, thì chỉ trồng mía và khoai môn.

Hàng năm, cứ vào khoảng tháng chạp, tháng giêng, người Jeh bắt đầu phát rẫy và trồng trọt. Mùa làm rẫy luôn luôn phải bắt đầu bằng một lễ tắm tập thể.

Trước hết, toàn thể dân làng cùng hùn nhau lại mua một con trâu. Trâu là một sinh vật có giá trị tinh thần rất lớn đối với người Jeh; xương đầu con trâu có phết máu thường được cất giữ và treo thành hàng trong nhà làng, buộc chặt vào vách sơ chạy thoát đi, hàm ngậm cỏ. Người Jeh tin tưởng rằng thần linh, ngự trị trong xương đầu con trâu, che chở hoa màu các rẫy và phò trợ sự phồn thịnh của buôn ấp.

Đến ngày do ông chủ làng ấn định, dân làng tụ họp lại cùng dựng trước sân nhà làng một cây tre, chịu đựng bằng 4 cây cọc chắc chắn. Cột tre sơn màu trắng, đỏ và đen. Màu trắng thì dùng lớp phẩn trong ruột tre; màu đen thì dùng than tán nhuyễn; còn màu đỏ thì dùng đất đỏ pha nhồi với nếp nấu nhão. Trên thân tre suốt đến ngọn có treo những chiếc lồng bằng tre đan lủng lẳng những sợi nhỏ cũng bằng tre.

Ở dưới gốc, cột tre có cắm một số lát tre chuốt nhỏ và dẹt, đằng ngọn có treo một chiếc giỏ đan nhỏ hình tháp mỗi góc có lòng thông những sợi tre chuốt nhỏ.

Chuẩn bị xong xuôi, con trâu được dẫn đến cột vào cọc tre bằng một

sợi giây đan bằng mây ; trên đầu con trâu, có miếng phủ, sơn nhiều màu, đan bằng tre, hai đầu sừng có buộc một sợi chỉ cũng bằng tre.

Sáng tinh sương, trước khi gà gáy sáng, toàn thể dân làng tụ họp lại tại sân nhà làng. Sau khi ông chủ làng khăn vái thân linh che chở dân làng, ông nhép cử hành lễ tắm tập thể, một người đàn ông được chọn đi lấy chiếc ná treo trong nhà làng (chiếc ná này phải là chiếc ná đã được dùng để giết người ít ra cũng một lần rồi).

Trong khi dân làng đứng thành hình vòng tròn, đánh chiêng, nhảy múa hào hứng, người đàn ông được lựa chọn kẻ trên lớp tên, bắn phát đầu tiên vào con trâu. Tiếp đến, toàn thể dân làng thay phiên nhau dùng chiếc ná của mình mang theo, bắn tên vào con trâu cho đến khi con trâu gục ngã.

Tập tục muốn rằng con trâu khi chết phải nằm hướng đầu về phía mặt trời mọc, cho nên khi con trâu gục ngã, dân làng phải luôn luôn canh chừng, sửa hướng nằm của con trâu như trên. Khi con trâu tắt thở rồi, không được sửa hướng nằm cho nó nữa.

Nếu chẳng may, con trâu tắt thở nằm đầu về hướng khác thì cả làng sẽ rất buồn bực lo lắng, vì đó là một điềm chẳng lành cho cả làng. Ngược lại, nếu con trâu tự nhiên nằm chết hướng đầu về mặt trời mọc thì cả làng reo hò vang dậy.

Tiếp đó, các mũi tên cắm phập vào thân con trâu được rút ra chắt đóng, và dân làng nôi lửa thui con trâu.

Xương thịt trâu được phân chia ra để nấu nướng thức ăn, ngoại trừ xương đầu, óc và gan phải để riêng tại cột trụ, dành cho thể thức tế lễ sau cuộc tắm tập thể.

Sau khi chuẩn bị xong xuôi, đến một giờ nhứt định, toàn thể dân làng từ già trẻ bé lớn, đàn ông đàn bà, đều kéo nhau ra suối, bỏ làng trống không người.

Đây là cuộc tắm tập thể hàng năm với niềm tin sẽ gội rửa tất cả xấu xa, bệnh tật, tránh được tai nạn, nhứt là sấm sét.

Khi lên bờ, mặc y phục lại xong, mỗi người đều phải đi qua chỗ ông chủ làng đang đứng. Ông chủ làng lấy một chiếc lá đặt lên đầu mỗi người dân làng, miệng đọc những câu xua đuổi tà ma ác quỷ, biểu lộ ước vọng đem đến những điều mới mẻ, may mắn trong những ngày sắp tới.

Người dân làng đưa tay vịn lấy chiếc lá trên đầu, bước trái sang một bên nhường chỗ cho người khác rồi thả chiếc lá cho trôi theo giòng suối.

Người Jeh tin rằng chiếc lá trôi đi sẽ mang theo luôn những xấu xa, phiền toái, bệnh tật ra khỏi con người mình.

Trở về làng, ông chủ làng y phục chỉnh tề, lại cử hành lễ cúng, ngồi xếp bằng, hướng về cột trụ buộc trâu

và hướng mặt trời mọc. Trước mặt ông chủ làng, bày ra một đĩa đựng huyết và gan trâu; kế đó là ghè rượu chính bên ngoài có thoa huyết trâu và trước ghè rượu là xương đầu con trâu đặt hướng về cột trụ tức hướng mặt trời mọc.

Sau khi khấn vái thần linh, ông chủ làng uống rượu cần ghè rượu chính; tiếp đến là những người già cả trong làng.

Mỗi gia đình đều mang đặt chung quanh sân nhà làng một ghè rượu cần; ông chủ làng phải đi một vòng thưởng thức hợp rượu đầu của mỗi vò rượu và thức ăn của mỗi gia đình. Xong, dân làng cùng ăn uống say sưa suốt ngày đêm cho đến hết thức ăn, vừa ăn, vừa đánh chiêng, nhảy múa rộn rịp; sáng hôm sau, lại tiếp tục ăn đầu con trâu.

Sau đó, mới bắt đầu phát rẫy, chọc lỗ làm mùa.

Lễ tắm tập thể kể trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Jeh, nên từ đó, suốt năm, trên nguyên tắc, người Jeh trong làng sẽ không tắm nữa, cho đến sang năm.

Việc tắm trong làng được người Jeh xem là một điều tối kỵ, đem đến tang tóc cho dân làng.

Lập luận giải thích từ bên ngoài cho biết việc sợ tắm của người Jeh nguyên là do bản tánh nhác lười sơ khai và nhút là tâm trạng sợ bị sét đánh. Trong vùng người Jeh cư ngụ, trời lại hay lạnh.

Trên thực tế đây là một trở ngại chánh yếu, trong buổi giao thời, người Jeh mới tiếp xúc với người Kinh, lúc đầu chịu cho một số con

em về các thị trấn, ngụ tại các ký túc xá để đi học, nhưng khi được biết các con em bị buộc phải tắm, thì liền thay đổi thái độ, không hưởng ứng chương trình kể trên nữa. Ngoài ra, các con em đã được gọi đến trường, không dám cho trở về làng, e ngại cả làng sẽ bị sét đánh.

Do đó, người Jeh chưa tiếp xúc với thế giới bên ngoài, trông có vẻ rất lam lũ và dơ bẩn.

Một đôi khi, người Jeh đi làm rẫy ngoài phạm vi buôn ấp cư ngụ, được nhận thấy cũng có tắm suối.

Cũng như việc tắm trong làng, việc sanh đẻ trong buôn ấp cũng là một điều không chấp nhận được. Thường khi các sản phụ gần ngày sanh, người chồng phải dựng một cái chòi riêng ngoài bìa làng, cùng sống ở đấy với bà mẹ và chỉ có người chồng được lui tới.

Sau khi sanh xong, phải cúng một con gà, mời chủ làng đến chứng kiến và uống rượu, rồi sản phụ và đứa con mới được mang vào làng.

Sự tình cờ của lịch sử, do hậu quả của cuộc chiến khắc nghiệt, đã đột ngột đưa hơn một ngàn người Jeh kể trên từ những buôn ấp núi rừng heo lánh cô lập hiểm trở về với khung cảnh đô thị Kontum, có điện, có nước máy, có nhà hộ sinh v.v... điều kiện sống gần với văn minh hơn. Sự kiện này có lẽ đã và đang tạo nên ở những người Jeh khốn khổ này một thứ tâm trạng giao động mãnh liệt chắc chắn sẽ gợi nên cho các nhà nhân-chúng học những dữ kiện mới trong công cuộc khai triển hiện tượng thích nghi văn hóa của các dân tộc sơ khai. Đặc biệt, hiện tượng thích nghi này lại diễn ra trong những điều kiện bất bình thường do chiến tranh và chết chóc.

DOHAMIDE

14-X-1972

Lịch sử và kinh tế

L.T.S. Trên Bách Khoa số 336 (1-1-1971) trong bài « Một công trình non nửa thế kỷ » ông Nguyễn Hiến Lê có giới thiệu bộ « Lịch-sử Văn-minh » của hai Ông Bà Will và Ariel Durant, một bộ sách mà dịch ra Pháp ngữ dày đến 32 cuốn. Sau khi hoàn thành bộ sách vĩ đại này ông Will Durant lại bỏ ra hai năm (1965-67) để viết phần kết luận cho toàn bộ, gồm những suy tư của ông về lịch sử văn minh, lấy nhan đề là « Bài học của lịch sử ». Cuốn « Bài học của lịch sử » hiện nay đã được các Ông Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch xong và trong ít lâu nữa nhà xuất bản Lá Bối sẽ cho ra mắt bạn đọc. Chúng tôi đã xin phép hai dịch giả để giới thiệu trước cùng bạn đọc Bách Khoa một vài chương trong cuốn sách cô đọng này.

Karl Marx cho rằng lịch sử là sự tác động của kinh tế : sự cạnh tranh giữa các cá nhân, các tập đoàn, các giai cấp và các Quốc gia để giành nhau thực phẩm, nhiên liệu, nguyên liệu và sức mạnh về kinh tế. Các chế độ chính trị, các giáo hội, giáo đoàn, các công trình văn hóa hết thảy đều xây dựng trên sự kiện kinh tế. Chẳng hạn, chính cuộc cách mạng kỹ nghệ đã lôi kéo theo chế độ dân chủ, chủ nghĩa nữ quyền, sự hạn chế sinh dục, chủ nghĩa xã hội, sự suy tàn của tôn giáo, sự đồi bại của phong hóa, và một văn chương thoát li khỏi sự bảo trợ của hạng quý tộc, mà chủ trương hiện thực đã thay thế chủ trương lãng mạn ; và sau cùng... cuộc cách mạng kỹ nghệ đã lôi kéo theo quan niệm dùng kinh tế để giải thích lịch-sử — tức kinh tế sử quan.

Những nhân vật siêu quần trong các phong trào đó là hậu quả chứ không phải nguyên nhân (1) ; nếu người Hi-Lạp không muốn chiếm eo

biển Dardanelles để buôn bán thì không khi nào người ta được nghe nhắc tới những tên Agamemnon, Achille, Hector ; chính tham vọng kinh tế chứ không phải nét mặt của nàng Hélène « đẹp hơn trời chiều có ngàn ngôi sao trang điểm » đã khiến cho người Hi-Lạp đem một hạm đội vĩ đại tấn công thành Troie ; họ giao hoạt lắm, đã khéo dùng những mỹ từ để che đậy một sự thực kinh tế trần truồng như các điêu khắc gia thời cổ dùng lá nho để thay bộ phận sinh dục của đàn ông (2).

(1) Tác giả muốn nói rằng theo Marx thì thời thế tạo anh hùng, chứ không phải anh hùng tạo thời thế.

(2) Ở đây tác giả nhắc đến một đoạn trong huyền sử Hi-Lạp : Chiến tranh Troie. Troie là một thị trấn ở Tiểu Á. Nàng Hélène, hoàng hậu Sparte (Hi-Lạp) bị Paris, con vua Troie, bắt cóc. Hi-Lạp đem quân qua đánh, vây thành Troie mười năm rồi hạ được. Agamemnon cầm đầu đạo quân Hi-Lạp, và Achille là những anh hùng Hi-Lạp trong trận đó Hector là anh hùng của thành Troie, bị Achille giết. Các điêu khắc gia Hi-Lạp thời cổ tạc nhiều hình khỏa thân và tạc một lá nho thay bộ phận sinh dục của đàn ông,

Không ai chối cãi rằng kinh tế sử quan giảng cho ta hiểu được nhiều biến cố lịch sử. Chính nhờ tiền của Hội nghị Liên bang ở đảo Délos (biển Hi-Lạp) mà người Hi-Lạp đã dựng nên đền Parthénon [ở Athènes, thế kỉ thứ V trước T.L.]; chính nhờ kho vàng của nữ hoàng Ai-Cập Cléopâtre mà nền tài chánh của Auguste mới hồi sinh và ông ta mới cấp dưỡng được Virgile và tặng Horace được một cái trại.

Thời thượng cổ La-Mĩ tấn công Ba-Tur, rồi sau thời trung cổ đem Thập tự quân qua chiếm đánh Jérusalem cũng là để kiểm soát các con đường thương mại sang phương Đông; và hậu quả sự thất bại của Thập tự chiến là người Âu đã tìm con đường khác qua phương Đông mà khám phá ra được Châu Mĩ. Chính nhờ tài chánh của dòng họ Médicis [ở Ý, thế kỉ XIV], mà mới có phong trào Phục hưng ở Florence; nhờ kĩ nghệ và thương mại ở Nuremberg phát đạt, nên tỉnh đó mới sinh được họa sĩ lớn nhất, [kiếm điêu khắc gla, kiến trúc sư], của Đức: Durer (1471-1528). Cách mạng Pháp phát sinh không phải là vì Voltaire đã viết những tác phẩm phúng thích rất hay, và Rousseau đã viết những tiểu thuyết lãng mạn, mà vì các giai cấp trung lưu đã chiếm được địa vị quan trọng nhất trong đời sống kinh tế, cần được tự do về pháp luật để xí nghiệp của họ có thể hoạt động được; và họ muốn có một địa vị về xã hội và chính trị xứng với sự quan trọng thực sự của họ.

Marx không hề bảo rằng cá nhân luôn luôn bị quyền lợi kinh tế thúc đẩy; ông ta không khùng đến nỗi nghĩ rằng vì những lí do vật chất mà Abélard (1) yêu nàng Héloïse, Phật Thích-Ca thuyết pháp hoặc thi hào Keats (2) làm thơ. Nhưng có lẽ ông ta đã đánh giá quá thấp vai trò của các động cơ không phải là kinh tế trong hành động của quần chúng: Vai trò của lòng tin ngưỡng cuồng nhiệt trong các đạo quân Hồi giáo hoặc Y-Pha-Nho chẳng hạn; vai trò của lòng ái quốc mãnh liệt, trong hàng ngũ quân đội của Hitler hoặc trong các đội « thần phong » (kamikaze) của Nhật-Bản; vai trò của sự cuồng loạn tập thể, như trong các cuộc bạo động của Gordon (3) ở Londres từ mừng khai tới mừng tám tháng sáu năm 1870, hoặc trong các cuộc tàn sát từ mừng hai tới mừng bảy tháng chín năm 1872 ở Paris. Trong những trường hợp đó, động cơ của hạng cầm đầu (hạng này thường ở trong bóng tối) có thể là một nguyên nhân kinh tế, nhưng hậu quả tùy thuộc một phần lớn vào sự cuồng nhiệt của đám đông. Trong nhiều trường hợp, quyền hành chính trị hoặc võ bị hiển nhiên là nguyên nhân, chứ không phải là

(1) Abélard (1079-1142) là một triết gia và thần học gia Pháp, có một cuộc tình duyên trắc trở với Héloïse, còn lưu lại một tập thư tình rất cảm động của hai ông bà.

(2) Thi hào Anh (1795-1821) thơ rất đẹp, rất đa cảm.

(3) Gordon (1751-1793) chính trị gia Anh, chống một đạo luật của chính phủ, tổ chức một cuộc mít-tinh vĩ đại, sau đó là một cuộc nổi loạn, khám đường Newgate bị quần chúng thiêu rụi.

hậu quả của các hoạt động kinh tế, chẳng hạn trường hợp đảng Bôn-sơ-vích lật đổ Nga hoàng năm 1917, hoặc trường hợp các cuộc đảo chánh của quân nhân xảy ra thường trong lịch sử các nước Nam Mỹ. Ai dám bảo rằng người Maure (1) chiếm Y-Pha-Nho, người Mông-Cồ chiếm Tây-Á, hoặc người Mogol (2) chiếm Ấn-Độ vì kinh tế của họ mạnh hơn? Trong tất cả những trường hợp đó, những dân tộc nghèo lại tỏ ra mạnh hơn những dân tộc giàu; họ thắng lợi về quân sự mà có được quyền hành về chính trị, rồi quyền hành về chính trị đã đem lại cho họ sự thống trị về kinh tế. Các tướng lãnh có thể đưa ra một thuyết giải thích lịch sử bằng quân sự được.

Đưa ra những hạn chế như trên rồi, chúng ta có thể rút ra một bài học quý báu trong sự phân tích kinh tế của các thời trước. Chúng ta nhận thấy rằng khi bị các rợ vô xâm chiếm thì La Mã đã suy nhược vì không còn hạng nông dân trước kia cung cấp cho các quân đoàn La Mã những người lính ái quốc, cương quyết chiến đấu để bảo vệ ruộng đất, mà chỉ có một hạng nô lệ miễn cưỡng cấy cấy những đồn điền rộng lớn thuộc về một thiểu số địa chủ. Ngày nay các trại nhỏ không thể lợi dụng những máy nông nghiệp tốt nhất được, thành thử nông dân lại phải làm việc dưới quyền một địa chủ lớn hay một giám đốc một *kolkhoze* [nông trường ở Nga], để sản xuất đại qui mô. Có lần tôi đã nói rằng « văn minh là một vật ký-sinh sống bám

vào người cầm cuốc [tức nông dân] », nhưng ngày nay không còn người cầm cuốc: chỉ có những người cầm tay lái một máy kéo hay máy gặt và đập lúa thôi. Chính canh nông đã thành một kỹ nghệ và người tá điền phải lựa chọn, hoặc là làm thuê cho một nhà tư bản, hoặc là làm công cho chính phủ.

Lịch sử cho ta thấy rằng ở trên ngọn thang xã-hội, « hạng người điều khiển người, chỉ điều khiển những người điều khiển các sự vật thô, còn hạng người điều khiển tiền bạc mới điều khiển tất cả ». Vì vậy, mà các ông chủ ngân hàng, theo dõi các khuynh hướng của canh nông, kỹ nghệ, thương mại, thu hút và chi phối tư bản, kinh doanh sao cho số tiền chúng ta kí thác « sinh lợi » ở hai ba chỗ một lúc, hạng người làm mưa làm gió về ngành cho vay lấy lời, do đó làm mưa làm gió trong mọi xí nghiệp, dám mạo hiểm để kiếm thật nhiều lời, hạng người đó leo lên được cái ngọn kim tự tháp kinh tế. Từ dòng họ Médicis ở Florence, qua các dòng họ Fugger ở Augsburg, Rothschild ở Paris và Londres, sau cùng tới dòng họ Morgan hiện nay ở New York, các ông chủ ngân hàng thời nào cũng dự các cuộc hội họp chính trị, cấp tiền cho chính quyền trong các chiến tranh, và cho các Giáo hội, đôi khi gây ra

(1) Tức dân tộc Ả Rập ở Bắc Phi.

(2) Cũng là giống Mông Cồ, nhưng trò riêng hậu duệ của Tamerlan (Thiệt Mộc Nhi)

các cuộc cách mạng nữa. Có lẽ một trong những bí quyết quyền hành của họ là nhà họ nghiên cứu sự lên xuống của giá cả mà đoán được lịch sử luôn luôn có khuynh hướng lạm phát, và biết rằng con người khôn ngoan thì không bao giờ lại nghĩ tới việc tích lũy tiền bạc.

Nghiên cứu dĩ vãng, chúng ta thấy rõ ràng rằng bất kì chế độ kinh tế nào, tới một lúc nào đó, cũng phải dùng cái lợi để thúc đẩy cá nhân và đoàn thể tăng năng suất lên. Các phương pháp khác (bóc lột bọn nô lệ, đàn áp kẻ phản kháng, kích thích người ta bằng ý thức hệ) đều ít hiệu quả, tốn kém quá hoặc không thể dùng lâu được. Bình thường ra và xét chung thì tùy theo khả năng sản xuất mà chúng ta định giá trị của một người (trừ trong chiến tranh, lúc đó giá trị mới tùy theo khả năng phá hoại).

Mà những khả năng thực tế của mỗi người đều khác nhau, và trong hầu hết các xã hội, đa số các khả năng đều tập trung vào một số người tối thiểu. Sự tập trung tài sản [vào một số người] là hậu quả tự nhiên của sự tập trung các khả năng đó, nó tái hiện hoài hoài trong lịch sử. Nếu mọi điều kiện, hoàn cảnh như nhau, thì sự tự do kinh tế — do luật pháp và đạo đức cho phép — càng cao, mức độ tập trung tài sản cũng càng cao. Chế độ độc tài có thể hãm lại sự tập trung đó trong một thời gian; chế độ dân chủ cho con người được tự do tối đa, trái lại, xúc tiến sự tập trung đó. Cho tới năm 1776,

người Mi tương đối bình đẳng với nhau; rồi từ năm đó trở đi, có cả ngàn yếu tố khiến cho họ cách biệt nhau về thể chất, trí tuệ hoặc kinh tế, thành thử hiện nay cái hố giữa người giàu và người nghèo càng sâu rộng hơn bao giờ hết, từ cái thời La-mã là một đế quốc ở trong tay một bọn phú hào. Trong các xã hội tiến bộ, sự tập trung tài sản có thể đạt tới một mức mà hạng người nghèo vì đông đảo, cũng mạnh như hạng giàu sang nhiều khả năng; sự quân bình bấp bênh đó gây nên một nguy cơ có thể giải được bằng hai cách: hoặc sửa đổi luật pháp để phân chia lại tài sản, hoặc phát sinh một cuộc cách mạng để chia đều sự khốn cùng.

Năm 594 trước T.L., ở Athènes, theo lời Plutarque (1) thì « sự cách biệt về tài sản giữa kẻ nghèo và người giàu đã đạt tới cái mức mà Athènes cơ hồ như ở trên bờ một vực thẳm; chỉ có mỗi một cách để tránh những cuộc nổi loạn... là thành lập một chính thể chuyên chế. » Nhận thấy rằng tình cảnh của mình mỗi ngày một thêm khốn đốn, vì chính quyền ở trong tay bọn chủ nhân mà tòa án thì thiên vị, luôn luôn xử ức họ, hàng người nghèo bèn tính chuyện làm cách mạng. Hạng người giàu nổi dóa vì hạng người nghèo có ý không chịu thừa nhận quyền chủ nhân của mình, bèn chuẩn bị phản ứng lại bằng bạo động. Nhưng rồi

(1) Một trong bảy hiền nhân của Hi-lạp thời cổ, vừa là chính-trị gia, vừa là thi sĩ, triết gia (khoảng 640 — 548 trước T.L.)

lượng tri đã thắng; các phần tử ôn hòa vận động mà bầu được Solon làm Thống-đốc (archonte). Solon là một nhà kinh doanh trong giới quý tộc, lên cầm quyền, bèn phá giá đồng bạc, làm nhẹ gánh của mọi người mắc nợ (nên nhớ, chính ông là một chủ nợ); giảm tất cả các món nợ của tư nhân, bỏ lệ nhốt khám vì thiếu nợ; hủy hết các sổ thuế chưa đóng và các sổ lời mà người cầm cố phải trả; đặt một sổ thứ thuế lợi tức có tính cách lũy tiến, làm cho người giàu phải chịu một thuế-suất gấp mười hai lần thuế-suất đánh vào người nghèo; tổ chức lại các tòa án cho dân chủ hơn; sau cùng ra sắc lệnh rằng con cái các tử sĩ hi sinh cho Athènes được chính phủ nuôi nấng, dạy dỗ. Bọn nhà giàu la ó, cho rằng như vậy không khác gì tịch thu mà không bồi thường tài sản của họ; còn bọn cấp tiến thì trách Solon [ôn hòa quá] không phân chia lại ruộng đất; nhưng chỉ ít năm sau, mọi người đều nhận rằng những cải cách của Solon đã tránh được cho Athènes một cuộc cách mạng.

Thế kỉ thế hai trước T.L. khi sự tập trung tài sản ở Ý tới một mức nguy hại, Viện Quý tộc La Mã, vốn nổi tiếng là khôn khéo, lại không chịu hòa giải. Tibère Gracchus (160-133) một nhà quý tộc được bầu làm « tribun » — một chức bảo hộ quyền lợi của dân chúng — đề nghị chia lại ruộng đất, cho mỗi người giữ được tối đa là 13 héc-ta, còn bao nhiêu thì tịch thu, chia cho hạng vô sản ở La Mã. Viện Quý tộc bác bỏ

đề nghị đó, cho là trái phép. Tibère bèn hô hào dân chúng: « Các anh em chiến đấu và hi sinh tánh mạng để cho kẻ khác làm giàu và sống xa xỉ; người ta bảo rằng các anh em làm chủ thế giới, nhưng không một người nào trong số các anh em làm chủ được một tấc đất ». Rồi bất chấp luật pháp La Mã, ông vận động ứng cử « tribun » một khóa nữa, trong cuộc bầu cử, một cuộc nổi loạn dấy lên, ông bị giết (133 trước T.L.). Em ông là Caius cũng theo chủ trương của ông, nhưng cũng không ngăn được bạo động xảy ra một lần nữa, và ra lệnh cho tên nô lệ đâm chết mình; tên nô lệ vâng lệnh, rồi tự tử (121 trước T.L.): Viện Quý Tộc ra lệnh tàn sát ba ngàn đảng nhân của Caius. Sau đó, Marius cầm đầu giới bần dân, nhưng rút lui khi thấy phong trào muốn hướng về cách mạng. Catilina đề nghị hủy bỏ hết các món nợ, tổ chức một đạo quân cách mạng gồm các « cùng dân »; nhưng ông ta thua tài hùng biện như đồng tổ của Cicéron, rồi chết trong khi đấu tranh chống lại nhà nước (62 trước T.L.). Jules César thử dùng một chính sách dung hòa, bị bọn quý tộc hạ sát (44 trước T.L.) sau năm năm nội chiến, Marc Antoine làm bộ ủng hộ chính sách của César để thỏa mãn tham vọng cùng những mạo hiểm riêng tư của ông; Octave đánh bại ông ta ở Actium và thành lập chế độ « principat » (hoàng đế) trong hai trăm mười năm (từ 30 trước T.L. tới 180 sau T.L.), chế độ đó duy trì cuộc « Thái bình La-Mã »

(Pax Romana), giữa các giai cấp trong xã hội và các dân tộc sáp nhập vào Đế quốc.

Sau khi Đế quốc phương Tây và tổ chức chính trị của nó sụp đổ (476 sau T.L.), tiếp theo là hai thế kỉ băng hoại, rồi tài sản lại lần lần được phục hưng, tái tập trung, phần lớn ở trong tay các giáo chức đạo Ki-Tô. Một phương diện của cuộc Cải cách tôn giáo (thời Trung cổ) là chia lại tài sản bằng cách một mặt chấm dứt ở Đức và Anh sự góp tiền cho Giáo hội La-Mã, mặt khác thế tục hóa các của cải, lợi tức của giáo hội. Cách mạng Pháp gây những cuộc nông dân bạo động và những tàn sát ở thành thị đề tính chia lại tài sản một cách chuyên hoành, nhưng hậu quả chung là của cải cùng đặc quyền chỉ chuyển từ giai cấp quý tộc xuống giai cấp trung lưu hữu sản thôi. Từ 1933 đến 1952, rồi từ 1960 đến 1965, chính quyền Mĩ hai lần dùng lại phương

pháp hòa bình của Solon, đã chia tài sản lại một cách hòa dịu ; có lẽ một vị nào đó trong chính quyền đã chịu nghiên cứu sử ! Giới đại tư sản Mĩ đã lớn tiếng mặt sát nhưng sau cũng chịu khuất phục, để rồi lại tập trung tài sản trở lại.

Tất cả những sự kiện lịch sử đó cho ta rút ra được kết luận gì ? Sự tập trung tài sản có vẻ là một điều tự nhiên và không sao tránh được ; để bù lại, cứ lâu lâu, đều đều lại có một cuộc phân chia lại một phần tài sản, hoặc bằng cách bạo động, hoặc bằng cách ôn hòa. Xét theo khía cạnh đó thì lịch sử kinh tế không khác gì trái tim của xã hội nó đập chậm chậm : trong thời gian trái tim phồng ra, của cải được một thiểu số tập trung lại để rồi tới thời gian trái tim bóp lại thì nhất định sẽ phải phân phát ra để lưu thông.

NGUYỄN HIỂN LÊ và
TRẦN LƯƠNG NGỌC

Kính mời Người đi vào một MÙA TRÁI ĐẤT
trong vô hạn MÙA HOA TRỜI :

Đi về một mạch đường thanh
Bàn chân tận ước bước xanh da trời.

* * *

Hỡi hoa hay cỏ cho dài,
Mai đồng trời đất cất vài ly môi.

T R O N G

TUYỆT HUYẾT CA

THƠ

ĐẶNG - TẤN - TỚI
VẬN ĐỘNG XUẤT BẢN

SỢ và MÁU

Khi một quyển sách viết về một vấn đề hơi chuyên-môn tí-tí mà được đại chúng đọc tới, thì người đọc thường chờ đợi vài lời phê bình để giúp họ tín-nhiệm hoặc bất tín-nhiệm quyển sách. Chúng tôi đã đợi mười tháng, y như một số bạn đọc, và rất mừng mà thấy sách «*Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt-nam*» được đếm xỉa tới.

Có bị bác-bỏ, chúng tôi cũng rất cảm ơn các vị đã đề ý đến sách. Hễ cảm ơn trên mặt báo rồi thì chỉ còn đợi dịp cảm ơn khi gặp mặt mà thôi. Nhưng sách nói trên lại không phải là sáng tác, thành thử khi có hai ý-kiến trái ngược nhau, người đọc sách cần tài-liệu bổ-túc chứ không thể tự mình cân nhắc bằng cách dung-hòa nhận xét riêng của mình cùng với nhận xét của nhà phê bình.

Xin nói rõ rằng đây là tài-liệu bổ-túc dành cho những bạn cần tin-tức khoa-học chứ không phải là bài trả lời những bài phê-bình. Có vị viết bài mà không nói tới quyển sách, có lẽ vì không muốn mịch lòng ai, hoặc vì thấy rằng sách không xứng đáng được nói tới. Cả hai thái độ đều được chúng tôi kính nể. Nhưng vấn đề do các bài phê bình gián tiếp cứ còn, lại là vấn đề quan trọng, thành thử mới có loạt bài bổ-túc tin tức khoa học này mà nếu các báo vui lòng cho đăng, thì bài sẽ ra mắt bạn đọc khá thường xuyên.

Trong quyển sử của chúng tôi, chúng tôi chỉ nói đến sợ mà không có đả động tới máu vì các lẽ sau đây :

-1) Một quyển sử của một tác giả Việt chỉ nói đến sợ, chúng tôi cũng phải bác sử-thuyết ấy bằng vấn-đề sợ.

-2) Trong sách có ba đối-tượng : người kim Việt-Nam, người kim Mã lai, và người Mã lai ở dưới các năm mộ ở Bắc-Việt. Người thứ ba ấy không có để lại một giọt máu nào cả, thì nếu nói đến máu, y sẽ bị bỏ rơi.

-3) Các sách Âu-Mỹ cũng chỉ chú trọng tới «sợ» mà thôi ? Tuy trong vòng mấy năm nay ở Âu-Mỹ có cuộc tranh-luận về sự hơn kém quan-trọng giữa hai chứng tích đó, nhưng chúng tôi chưa thấy cái gì chính thức về sự ngã-ngũ của các cuộc tranh-luận. Và lại nếu quả «máu» được chánh thức xem là chứng tích quan trọng vào bậc nhất, thì «sợ» vẫn giữ ghế hạng nhì chứ không phải là cái gì đáng được vứt đi. Nhưng thật ra thì, nếu có thể được, người ta đối chiếu đủ thứ hết chứ không phải chỉ đối chiếu sợ hoặc máu không mà thôi, như quý vị sẽ thấy sau đây.

Nhưng khi có một đòi hỏi về chứng tích máu thì chúng tôi phải trình ra, không vì lý do nào mà làm thỉnh được hết, bởi người đòi hỏi có lý do đòi hỏi, bạn đọc cũng muốn biết sự thật ra sao, những người không đọc sách cũng cần biết thì một bài ngắn

về máu là cần thiết cho tất cả mọi người.

Trước hết, xin trình sơ lược rằng ở Á-Đông chỉ có dân của hai quốc gia là được nghiên-cứu kỹ-càng hơn cả : đó là dân Nhật-Bồn và dân Việt-Nam ở miền Bắc. Tại sao lại miền Bắc ? Không có cuộc chọn lựa nào cả đâu mà chỉ vì các cuộc nghiên-cứu đã được thực-hiện thuở Y-khoa Đại-học còn đặt tại Hà-nội, Sài-gòn chưa đủ điều-kiện làm. Nhà nghiên-cứu nào không phải là bác-sĩ cũng đặt trụ-sở tại Hà-nội để nhờ tin tức của Đại-học đó.

Tác-giả của những cuộc nghiên-cứu ấy không phải chỉ là người Pháp mà chính người Việt đã tham gia đông đảo. Đa số là bác-sĩ mà nay có người đã là Giáo-sư Y-khoa, nhưng ở đây chúng tôi gọi tất cả bằng Ông mà không gọi quý vị đó là Bác-sĩ hoặc Giáo-sư, là gọi theo tài-liệu, còn tài-liệu mà gọi họ bằng Ông là tại có người không phải là Y-sĩ, có người chỉ là Sinh-viên Y-khoa thuở họ nghiên-cứu.

Qua tài-liệu, ta sẽ thấy rằng khoa-học nghiên-cứu cả chỉ tay nữa, chớ không riêng vì máu hay sợ.

Luận-án của ông Đồ-Xuân-Hợp được coi là đồ-sộ (1941). Tác-giả đã nghiên-cứu về bộ xương của người V.N. Luận-án này về sau được công-trình của các ông Chippaux và Olivier bổ-túc.

Luận-án về bắp thịt của ông Đào-Huy-Hách (1932) được cho rằng không kém những công-trình nghiên

cứu đồng tánh-cách của người Nhật, tại đất Nhật chút nào.

Luận-án của ông Nguyễn-Hữu-Thuyết (1938) về chỉ tay và lằn bàn tay cũng rất được chú ý.

Hai nhà nghiên-cứu về răng được Bác-sĩ Pierre Huard, Giáo-sư Y-khoa Hà-nội (tiền chiến) ghi tên mà sót họ, chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý vị ấy, chép lại với sự sơ sót của người khác. Đó là hai ông Jakowski (có họ mà thiếu tên) và Tiệp (có tên nhưng thiếu họ, mà sót cả dấu ở cái tên nữa.)

Quý vị sau đây đã nghiên-cứu về tạng, phủ : Sambuc, Bigot, Komsam (có họ mà thiếu tên) và Diệp (có tên mà thiếu họ, và có thể thiếu cả dấu giọng ở cái tên nữa).

Luận-án về cơ quan sinh-dục ngoài của phụ-nữ, về sinh-lý phụ-nữ (kinh kỳ và tuổi quá thì) về sanh-xuất là của ông Đặng-Trần-Hoàng (1951).

Hai ông Machado và Scuza đã nghiên-cứu về sinh-vật linh-thái-học tại phòng nghiên-cứu của Giáo-sư Vallois (1938). Công-trình này được ông Tôn-Thất-Tùng tiếp-tục.

Sợ cũng có người mình góp phần nghiên-cứu mà tên tuổi đã được chúng tôi kê ra rồi, trong quyền sử.

Về máu, ta không có góp phần.

Tài-liệu còn ghi tên hai vị rất có tiếng nhưng không cho biết công-trình nghiên-cứu của quý vị đó thuộc loại nào : đó là quý vị Phạm-Biêu-Tâm và Dương-Bá-Bảnh.

Còn không biết bao nhiêu là công

trình nghiên-cứu về cơ thể của con người V.N. nhưng đây không phải là bài chuyên-môn về chủng-tộc-học nên chúng tôi không trích đầy đủ mà chỉ kể đến những công-trình của người Việt-Nam cho đến năm 1951 mà thôi. Sau 1951 chắc ta còn góp sức nghiên-cứu nữa nhưng chúng tôi thiếu tài-liệu nên không thể trình ra hơn những gì mà chúng ta vừa thấy trên đây.

Xin trích một câu về máu của người V.N. ở miền Bắc, thấy ở một bài tạp-chí tổng-kết về những công trình nghiên cứu chủng-tộc-học tại V.N. Bài báo do Giáo-sư Y-khoa Pierre Huard viết, nhan là: « *Những nghiên-cứu chủng-tộc học* » đăng ở tạp-

chí *Bulletin de la Société des études indochinoises*, đệ tứ tam cá nguyệt 1951.

« *Những thành phần sinh-hóa của máu của người Việt miền Bắc có tỷ-lệ chồng chất lên với tỷ-lệ thành phần sinh-hóa của máu của người Malai Nam-Dương, chồng chất lên nhau được mà không tạo sự sai lệch* ».

Đề phòng chúng tôi có hiểu lầm tiếng Pháp rồi dịch sai đi, hoặc dịch kém, khiến người đọc không hiểu được, chúng tôi xin trích nguyên văn: « *Les constituants biochimiques du sang des Nord-Vietnamiens ont des taux superposables à ceux des Malais d'Indonésie* ».

Nhận xét

Giáo-sư Pierre Huard không có nói rằng máu Việt-nam và máu Mã-lai Nam-Dương là một, vì trong máu không phải chỉ có thành phần sinh-hóa không mà thôi, mà còn cái khác nữa. Giáo sư đã thú nhận rằng yếu-tố Rhésus chỉ mới bắt đầu được nghiên cứu (vào năm Giáo sư viết bài nói trên). Ba năm sau, Pháp rút lui toàn diện, công việc chắc chưa xong, không rõ Bắc Việt và Sài-gòn có tiếp-tục hay không thì chúng tôi không có tin tức nào cả.

Nhưng ta nên hiểu rằng khi khoa-học mang công trình nghiên cứu của họ mà đi đối chiếu lung tung với các nước lân-cận là cái phần căn-bản đã được xem như là xong rồi. Yếu-

tố Rhésus cũng rất là quan trọng, nhưng chỉ quan trọng về phương diện phản-ứng giữa mẹ con trong thai-nghén nhưng không quan trọng vào bậc nhất trong việc truy tìm chủng tộc. (Số lượng các Gènes rất là quan trọng vì nó chi-phối sự di-truyền và sự cấu-thành của thể-chất con người, nhưng yếu-tố này đã được biết trước cả các công trình nghiên-cứu nói trên: giữa các chủng da vàng, yếu tố ấy không khác nhau và sự khác biệt giữa khối chủng da trắng và khối chủng da vàng rất là nhỏ).

Vậy về mặt khoa-học, máu của ta chưa chắc đã giống máu Mã-lai Nam-Dương 100 %, nhưng không có phản lại máu đó và nếu những cuộc đối

chiếu bồ túc mà có cho thấy yếu tố Rhésus ở hai thứ máu đó khác nhau đi chẳng nữa, cũng không làm đảo lộn thuyết của chúng tôi vì các nhà chủng-tộc học đã cho biết rằng Lạc bộ Trãi, thành phần quan trọng trong dân tộc ta, có lai giống với Mông Cổ, còn Lạc bộ Mã thì thuần chủng Mã-lai.

Nhưng chúng tôi tiên-đoán rằng một cuộc đối-chiếu bồ-túc về sau này sẽ không cho thấy khác biệt nào hết đâu, bằng vào một câu khác của giáo sư Pierre Huard, cũng vẫn dẫn từ bài báo nói trên :

« Nhiều trường hợp khá đầy đủ đã được quan sát để cho chúng ta bỏ rơi cái huyền thoại về sự hỗn chủng, có phân nửa của chủng này và phân nửa của chủng khác (nơi một người lai giống). Những tánh cách chủng tộc không hề pha trộn với nhau mà chỉ tiếp dính với nhau thôi và sẵn sàng để rời nhau hầu phục hồi giống thuần túy cũ ». (Assez de faits ont été observés pour abandonner le mythe de l'hybride, fusion moitié-moitié de deux races. Les caractères raciaux ne sont pas fondus mais simplement accolés et prêts à se disjoindre pour reconstituer des races pures). Đây là lần đầu tiên mà chúng tôi có một ý-niệm rõ-rệt về sự hỗn chủng. Từ bao lâu nay đã có nhiều nhà bác học nói như vậy, nhưng chúng tôi không tin vì họ không phải là Y-sĩ như Giáo-sư Pierre Huard.

Ta phải hiểu thế nào về câu trên

đây ? Ta có một số công dân có lai Tàu kể từ Mã-Viện cho đến đời nhà Tống, nhưng không còn giọt máu Tàu nào cả trong huyết-quản của những công dân ấy vì họ không có bị lai đi lai lại mãi với người Trung-Hoa như trường hợp của người Thái (Quảng-dông) và người Mân-Việt (Phúc-kiến) bởi hai chủng Hoa-Việt vốn đã không kết hợp với nhau được lại phải rời nhau Giáo sư P. Hua d không có cho biết phải mất mấy trăm năm, mấy ngàn năm mà hai thành phần ấy rời nhau nếu không có sự lai giống liên tục, nhưng ta cũng có thể biết, bằng vào câu trên đây : sự không thể pha trộn vĩnh-viễn và sự tách rời, được biết, nhờ các cuộc nghiên cứu của khoa chủng-tộc-học trên con người của những người lai căn ; như thế thì không cần mất đến một trăm năm, người lai căn cũng đủ khả-năng trở về giống giống cũ, bởi trước thế kỷ 19 chắc không có những cuộc nghiên cứu này vì huyền-thoại hỗn chủng còn kéo dài đến ngày nay ở Âu-Châu thì sự thật được biết, chưa lâu, và cuộc theo dõi người lai căn để nghiên cứu là chuyện về sau này.

Câu trên đây không dính dáng gì đến chủng Mã-lai hết, nhưng ta cần tìm hiểu đề mà hiểu câu dưới đây rất là quan-trọng :

« Dân Lạc bộ Tiãi ở Đông Dương (Tác giả dùng danh từ Mongo'oïdes, chúng tôi tự ý dịch ra như trên) là nhóm dân gốc ở Trung-Á bành trướng xuống phương Nam. Đó là dân đến sau, họ trùm lấy dân tiền sử

ở Việt Nam. Cơ thể của họ phức tạp mà ngoài tánh cách Mông Cồ, những yếu tố phương Nam đã xuất hiện. Khi mà tánh cách Mông Cồ bị tánh cách phương Nam đè bẹp thì ở nút đường đi, ta gặp mẫu người Mãlai nơi họ »

Ta cần nhớ lại câu trên : hai tánh cách chủng tộc không hề pha trộn với nhau và sẵn sàng rời nhau. Dân Lạc bộ Trãi là dân nào thì chưa ai biết cả chỉ có chúng tôi là quả-quyết rằng họ cũng là Mãlai y hệt như dân Lạc bộ Mã. Cái din đó, sau khi yếu tố Mông Cồ lia ra khỏi con người của họ, thì họ không trở thành Tây hay Tàu hay Ấn-Độ mà lại trở thành Mãlai thì có phải chăng căn-bản gốc của họ là Mãlai, bằng vào cái luật : *Khởi phụ: nòi giống thuần túy cũ* nói trong câu trên ?

Giáo sư P. Huard đối chiếu máu chưa xong nên ông chưa khẳng định trong kết quả của cuộc đối chiếu, nhưng hai câu viết thêm làm cho một cuộc đối chiếu bồ-túc không còn cần thiết nữa khi mà dân Lạc bộ Trãi đánh rơi tánh cách Mông Cồ thì trở thành Mãlai mà không trở thành chủng nào khác cả : hai chủng tộc dính tiếp nhau mà không pha trộn với nhau, một chủng tộc rời ra, còn lại một : cái còn lại là Mãlai. Thế là rõ.

Sự tiên đoán của chúng tôi không phải là dựa trên cảm giác nào, mà căn cứ vào hai điểm chủng-tộc học mà giáo sư P. Huard đã viết thêm.

Bây giờ ta nhìn lại các thứ dân nửa đen nửa trắng ở Nam Mỹ để tìm hiểu thêm về những gì ta vừa thấy : dân nửa đen nửa trắng ở Nam Mỹ cứ nửa đen nửa trắng hoài mà không có trở thành cái gì cả. Nhưng sự kiện đó vẫn không mâu thuẫn với lời của giáo sư P. Huard. Ở Nam Mỹ có sự lai giống liên tục từ mấy trăm năm nay, y hệt như ở Quảng-đông, Quảng-tây và Phúc-kiến. Nếu vì một lẽ gì mà sự lai giống liên tục ấy chấm dứt thì lần lần dân Nam Mỹ sẽ đen hết bởi người đen đa số, người trắng thiểu số, yếu tố đen mạnh hơn về số lượng thì nó sẽ thắng thế.

Bác sĩ P. Huard có đưa ra một thí dụ : khi một người Tây lai Việt kết hôn với một người Tây thuần chủng thì đứa con của họ có thể giống Việt hơn là người cha lai căn hoặc người mẹ lai căn của đứa con. Như thế thì sự trở về nòi giống cũ mạnh hơn là sự ở lại với nòi giống mới vì trong cuộc hôn nhân nói trên, giòng giống mới đã chiếm ba phần tư tánh cách chủng tộc rồi mà còn trở lại giòng giống cũ dễ dàng đến thế thì khi hai người lai kết hôn với nhau, có thể không còn gì là cái giòng mới cả.

BINH NGUYỄN LỘC

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 68, 70, 81, 88, 95, 107, 122, 130, 145, 177.) **Giá 23.000đ.**

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Ông Hiền - Lân và trận Trà - Kiệu

Khi quân Cần Vương do Nguyễn-duy-Hiệu lãnh đạo ứng dậy thì một trong những mục tiêu họ phải thanh toán là nhà thờ Trà Kiệu, nơi giáo dân rất đông, có lực lượng mạnh và là thế lực cản trở rất nhiều cho ý chí chống Pháp. Bởi vậy một lực lượng đông đảo quân dân được phái đi đánh cứ điểm này. Nhiều thủ lĩnh đã cầm đầu đội quân bao vây Trà-Kiệu, hiện nay chưa sưu tầm được danh tánh ; chỉ biết trong các thủ lĩnh quan trọng nhất có ông Hiền-Lân. Ông đã bị giết trong trận đó khi đại quân bị thất bại. Tôi đã tìm hỏi những người thuộc hàng con cháu ông để biết rõ lý do sự thất bại và được biết mấy chi tiết sau đây.

Kể lại trận này, tôi không có mục đích gọi lại những cảnh thương tâm của cuộc chiến đấu đẫm máu giữa giáo dân và những người theo lý tưởng *bình Tây, sát Tả*. Tôi chỉ muốn nêu lại một sự thật nhỏ của lịch sử. Mỗi bên có cái nhìn khác nhau. Những người theo Công giáo (1) thì cho là quân bao vây ấy đáng lẽ thành công mà hóa ra thất bại là do một phép lạ. Còn bên những người chiến bại thì lại cho là lỗi ở kỹ thuật lãnh đạo. Dù thế nào chúng ta cũng phải đề

phép lạ sang một bên vì trong chiến tranh không thể có phép lạ nào khác hơn phép lạ của thuật lãnh đạo và ý chí chiến đấu. Quân Cần Vương thất bại, chính vì lý do này.

Trước hết, tôi thuật lại truyền thuyết thường được nhắc tới và ông Hà Ngọc Anh trong quyển «Non nước Quảng Nam» (tác giả tự xuất bản 1969 — Đà Nẵng) cũng kể theo những đồng bào Công giáo :

Đồi Bửu Châu

Đó là một ngọn đồi nằm trong địa phận xã Xuyên Kiệu, quận Duy Xuyên, cách quận lỵ 3 cây số về hướng Tây.

Đồi cao 43 thước có 72 bậc lên, xây bằng đá xanh, xưa là nền trụ cờ của người Chiêm Thành. Đồi hình dung như một quả chuông khổng lồ, nằm úp giữa khoảng trời đất bao la. Đứng trên đồi trông bao quát tứ phía, nào Ngũ hành Sơn phía Bắc, Cù lao Chàm phía Đông. Trên đỉnh đồi nổi bật một ngôi nhà nguyện Công giáo dâng kính Đức Bà, các giáo dân gọi là nhà thờ Trà Kiệu.

Theo truyền thuyết, cách đây 80 năm, khi vua Tự Đức băng hà, chủ trương «Bãi Đạo», «Bình Tây Sát Tả»

(1) Trận này, phía Công-giáo cho là chiến thắng tối quan trọng vang danh toàn quốc.

của Triều đình Huế được triệt để thi hành đến địa phương này. (1)

Dân cư ở đây 95 % là người Công giáo, gốc ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-đông (di dân đến lập nghiệp) kết hợp thành khu vực riêng biệt sống cùng hành đạo từ năm 1684, đã bị binh Triều (2) đến tấn công tàn sát.

Ngày 1 tháng 9 năm 1885, giáo dân bị yếu thế phải rút lui lên đồi Pửu Châu để chống đỡ với 5 khẩu súng nạp hậu (loại súng hỏa mai) cùng 50 viên đạn, ngoài các vũ khí thô sơ như dao, mác, gậy gộc. Họ vừa chống đỡ vừa thấp nển cầu nguyện kêu hiệu trợ lực: "Giê-su, Maria Giuse" trước tượng Đức Mẹ đồng trinh.

Cũng theo truyền thuyết, sau 20 ngày bị quân triều đình vây hãm, giữa phút lâm nguy từ cảnh đến trong gang tấc, đột nhiên hàng ngũ binh triều đang ào ạt tấn công trở nên rối loạn. Voi trận thúc mấy cũng không chịu đi. Quân lính bên triều đình thấy nhiều tối thiểu niên mặc áo trắng, áo đỏ, gươm đao sáng chói từ trên đồi đánh tràn xuống. Trên đỉnh nhà thờ có một người đàn bà đứng hiên ngang quân lính bắn mãi không trúng. Bên giáo dân có hai người là bà Chính và bà Nhã thấy rõ hiện tượng lạ hô hoán lên, toàn thể gia đình phần khởi xông xuống từ chiến lũy lui quân triều. Trận cuối cùng này bên giáo dân chết 50 người, còn quân triều thiệt hại gấp đôi. Quân triều phải rút

lui bỏ căn-cứ và ý định chiếm đồi Pửu-Châu. »

Truyền-thuyết đẹp như một bài thơ nhưng dưới con mắt nhà viết sử chắc không đứng vững. Vậy chúng ta thử đi tìm sự thật ở nơi con cháu Hiền Lân.

Ông Lân, người An Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam, vốn là một người đồ cử nhân. Ông không ra làm quan ở nhà dạy học. Không rõ vì lý do gì được gọi là Hiền (phải chăng, như thánh hiền)? Ông gia nhập lực lượng Cần Vương là điều dễ hiểu. Chúng ta cũng nên biết qua là thời bấy giờ, hầu hết những sĩ phu nào còn lương tâm, còn lý tưởng phụng sự nho giáo và Chính thống đều dễ ngã theo phe Hàm Nghi hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp. Nhưng họ bị mấy khuyết điểm lớn sau đây: lãnh tụ Nguyễn Duy Hiệu thừa lòng ái quốc nhưng hay niêm nghi mà nghi là có thể giết. Hiệu không phải là người rành thao lược. Các tướng dưới trướng đều là hạng không có tài năng gì đáng kể mà hay tự cao, tự đại, thích tranh dành quyền lợi với nhau.

Khi họ dẫn quân vây vùng Trà Kiệu thì dân Trà Kiệu đã có tổ chức

(1) Đây là cuộc khởi nghĩa của Văn Thân theo hịch Cần Vương của vua Hàm Nghi. Nguyễn Duy Hiệu và các lãnh tụ khác bỏ thành tỉnh Quảng Nam, lên vùng núi non lập tân tỉnh và chiến đấu "bình Tây (Pháp) sát Tả (Công giáo)".

(2) Đúng ra, gọi là Cần Vương, vì sau này, binh triều (Đồng Khánh) sẽ do Nguyễn Thân lãnh đạo.

chiến đấu bằng gươm, súng và hơn hẳn họ yếu tố này : đoàn kết, thống nhất ý chí hành động và có đức tin rất mạnh, mạnh một cách không gì lay chuyển nổi. Thời bấy giờ, ở nhiều vùng, để biết ai theo Công giáo, ai không, tại các ngã vào chợ, người ta vẽ các hình thập tự. Người lương cứ bước qua, song giáo dân đều tránh và do đó có thể bị bắt, bị hành hạ. Huống chi nhà thờ Trà Kiệu là cơ sở của Công giáo có lịch sử rất lâu dài mà không phải nơi nào trên toàn quốc cũng có được. Phải nói niên hiệu 1684 là một niên hiệu đáng ghi nhớ : đó là thời kỳ đạo mới tới xứ ta và do đó những người ở khu vực này đều là đạo gốc, đạo dòng đã qui tụ thành một lực lượng mạnh cho đến nỗi đại quân chủ-yếu của Cần Vương phải bao vây với ý đồ tiêu diệt toàn bộ. Nếu thành công, chúng ta đoán chắc cả vùng Trà Kiệu đã bị làm cỏ sạch ráo vì vấn đề tôn giáo chính trị, quân sự : phá vỡ được Trà Kiệu, giặc Pháp mất một khối đông đảo những người có liên hệ với họ, chặn đứng tai mắt của họ ở nông thôn và tiêu hủy cứ điểm chiến lược quan trọng. Huống chi các tướng đều nóng nảy, hiếu sát, lại bao vây lâu ngày làm sao khỏi sinh thói chém giết bừa bãi.

Đó cũng là lý do khiến quân cổ thủ bên trong hết sức lo ngại. Họ chỉ còn 2 con đường rất minh bạch và hời hững : hoặc sống, hoặc chết hết. Chết không toàn thân, chết không dất chôn. Rồi dẫn theo đó là những vụ trả thù kéo dài bất tận. Lúc bấy giờ,

quân Cần Vương đã tiến lên và lấy rơm chắt đóng bao quanh nhà thờ, chuẩn bị biến cả khu vực này thành biển lửa. Sự thành công của họ chỉ là vấn đề thời khắc... Các tướng bấy giờ họp nhau tại chợ Trà Kiệu để chờ mừng chiến thắng, nhưng thực sự là để tranh công với nhau. Diệt được cứ điểm trọng yếu bậc nhất này xem như không còn gì đáng quan ngại về phương diện tôn giáo — mà họ vẫn cho là lực lượng nội ứng, nội thù — nữa, họ có quyền tự hào là một chiến thắng lẫy lừng. Như thế thì công về ai ? Đó là đầu dây mối nhợ cuộc tương tranh. Họ cãi nhau hăng hái, say sưa có thể biến thành một cuộc chiến thứ hai sau cuộc chiến đang diễn ra trên đồi Bửu Châu. Họ không biết là khi vây địch bốn mặt, không dành một lối thoát nhỏ nào là đưa địch vào thế cùng mà "cùng tắc biến".

Quả thật, những người Công giáo thấy chỉ còn có cách duy nhất là phải chết để sống. Họ liền bày ra một kế mới : trên đầu mỗi người đều lấy mo cau tẽ thành loại mũ như cái mấn để tránh các mũi tên (và cả đạn nữa ?) bắn tới. Tay họ đều cầm loại sào tre dài, vót nhọn, gọi là sào rơm. Mỗi người hăng hái đứng lên. Ta cũng đừng quên là họ thiếu nước uống vì ở trên đồi cao, và gạo, lúa của họ phần lớn đều bị quân Cần Vương lén cho thuốc độc vào nên ăn uống vô cùng thiếu thốn. Bây giờ, họ chỉ còn liều mạng lao tới phía trước, phá tung vòng đai lửa tiến xuống. Chắc mục đích của họ là phá

một đường máu về Hội-an chớ không có ý định chiến thắng một lực lượng đông đảo như thế. Họ từ trên lao xuống, khí thế hết sức mạnh và quân ở bên dưới bị đánh bất ngờ, chỉ cần chết vài ba người là nhốn nháo cả lên. Rồi vì thiếu các thủ lĩnh chỉ huy, họ chỉ đánh đá qua loa, dầy xéo nhau mà chạy. Các thủ lĩnh thì còn mãi lớn tiếng tranh công, tới khi thấy đại quân rối loạn, biết có đại biến thì đã trễ. Họ cũng đứng lên chiến đấu, nhưng không nổi vì bên kia đã chiếm được thượng phong, lòng người cực hăng hái và rất có

thề, do tín ngưỡng cao độ hay tưởng tượng cao độ, họ thấy thần linh — như ta thấy thần tiên — cứu trợ, nên càng hăng hái hơn nữa quyết chiến hơn nữa.

Ông Hiền Lân, một trong những thủ lĩnh quan trọng đã bị đâm chết bởi một cây sào rơm. Đại quân tan vỡ và quân Cần Vương phải khó khăn mới tập hợp lại được.

Từ đó, họ bỏ ý định tiêu diệt khu vực này vì quân Pháp và quân Triều (Đỗ) Khánh đã phản công mạnh.

NGUYỄN VĂN XUÂN



Cộng-hòa Tân-gia-ba

một Thụy-sĩ của Đông-Nam-Á ngày nay

L.T.S. Hiệp-hội quốc-tế IGU và tổ chức UNESCO đã mời G.s. Trần-Kim-Thạch sang hội-thảo về "Địa-dư Vùng" ở Tân-gia-ba vào tháng 9-1972. Dưới đây là những cảm nghĩ của G.s. Thạch sau cuộc viếng thăm quốc-gia tân-lập này của vùng Đông-Nam-Á.

Năm 1965, vào đầu tháng 8, Đông Nam Á bỗng dưng có thêm một nước mới, có độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ : đó là Cộng-hòa Tân-gia-ba, tức Majulah Singapura. Qua tháng 9 năm đó, Liên Hiệp Quốc được thêm hội viên thứ 117, nơi rộng phần đất của cơ quan này 585,8 cây số vuông và thêm vào khối dân, vốn đã đông đúc, 2.000.000 người (1) nữa ! Thật là một việc hi hữu trong lịch sử địa lý và chánh trị của loài người : một nước bé nhỏ nhất, với một tỷ lệ dân số cao nhất (trung bình 3.550 người mỗi cây số vuông), đã bước từ trạng thái nô lệ sang trạng-thái mở-mang mà không có một cuộc chiến-tranh giải-phóng nào ! Quả thật là một điều may mắn.

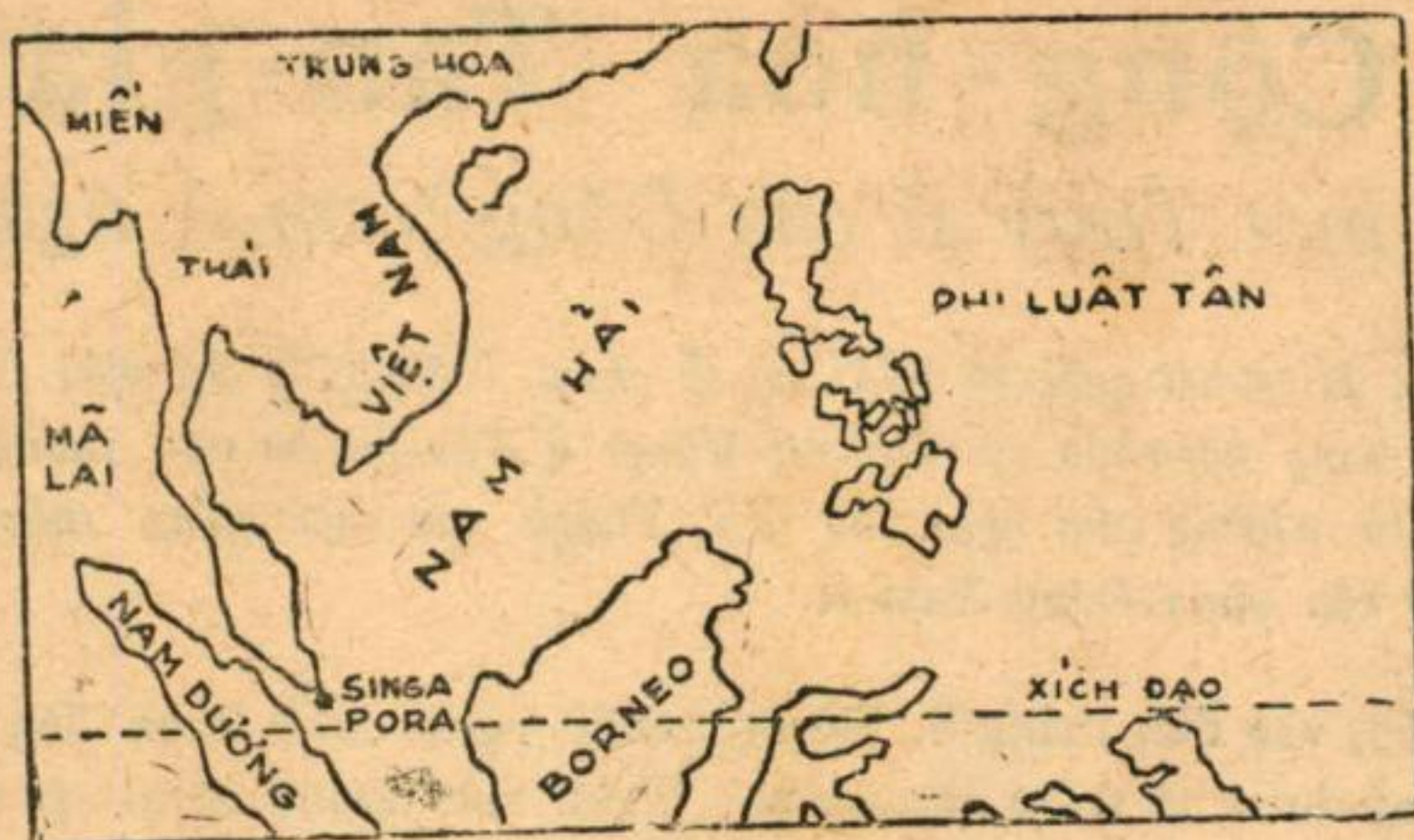
Địa lý.

Cộng hòa Tân-gia-ba là nhóm hải đảo nằm trong eo biển Malacca, giữa bán đảo Mã Lai ở phía bắc, và hải đảo Sumatra ở phía nam. Trong 44 hải đảo đó, chỉ có một đảo to lớn nhất, mà chu-vi tròn trềm Mũi Cà Mau của chúng ta, với chiều dài 34 cây số, và chiều ngang 24 cây số. Thật là vùng mưa thuận gió hòa. Bước chân khỏi phi cơ, không khí tự nhiên dễ

chịu ngay, nhờ chan hòa gió biển. Trời mát quanh năm, từ 28 đến 30 độ bách phân. Mưa cũng rơi quanh năm, với một tỷ lệ trung bình của cột nước là 242,97 phân. Nằm giữa một vùng toàn núi lửa, phía đông có núi lửa Borneo, phía nam có núi lửa Sumatra, phía bắc có núi lửa Mã Lai, Tân-gia-ba chẳng biết núi lửa là gì, và cũng chẳng biết cả động đất và sóng thần nữa. Đồi thấp nằm lom khom khắp nơi, mà cái cao nhất không hơn mấy trái đồi ở Vũng Tàu và ở Huế. Sông thì tua tủa từ trung tâm của hải đảo ra, cho nên quá ngắn. Con sông dài nhất không hơn lạch Cầu Bông hay lạch Bến Ngự. Nếu bạn có một chiếc xe hơi thì chỉ trong một ngày cũng đủ dạo chơi kỹ khắp nước. Còn ngồi trên phi cơ, khi đáp xuống gần đến phi-đạo rồi, bạn vẫn còn thấy mũi đông và mũi tây của hải đảo.

Cây cối, thú vật không khác gì miền đồng bằng Cửu Long. Lúc phi cơ hạ thấp để đáp xuống, dọc theo

(1) Về tỷ lệ sắc dân người Trung Hoa (Phước kiến, Triều châu, Quảng đông) chiếm 76,2 % người Mã lai 15 %, người Ấn, Hồi, Tích lan 7%, còn 1,8% là thiểu số bản xứ hay ngoại kiều.



các con rạch vàng chóc vì phù sa, ta thấy lộ lên những hàng dừa, như ở Kiến-hòa hay Cần-thơ. Kế tiếp là một ít ruộng, vườn, rồi một vài thửa đồn điền cao su ở các vùng cao nhất. Tất cả đều loang lổ những vết đỏ và vàng rộng lớn, do nền đất giàu chất sắt làm nên. Hiện thời, rừng chồi, rừng lầy, rừng thưa trên đảo đang bị ủi bằng để xây đường và cất nhà.

Hình chánh

Cộng-hòa Tân-gia-ba trước kia là một nhượng địa người Anh, tức Singapore. Vào các năm 1962-63, nó được sát nhập vào một nước mới, gọi là Đại Mã-lai. Nam-Dương đã có lúc kinh chống với nước này, và suýt đi đến hiểm họa chiến tranh. Nhưng nhờ xung đột đó, nảy sanh ra một nước mới từ nhượng địa Singapore cũ nọ. Hiện nay, Cộng hòa Tân-gia-ba (Singapura) có một Tổng-thống, và một nội các chính phủ do một Thủ-tướng toàn quyền cầm đầu: đó là Thủ-tướng Lý-Quang-Diệu, người đã được thế giới

nhắc nhở khá nhiều từ mấy năm qua. Về Lập-pháp có Quốc-hội, về Tư-pháp có các Toa án. Về tổ-chức sinh-hoạt, thể chế có tính-chất xã-hội như kiểu nước Anh. Về thể chế chính-trị, đó là nước không liên kết, kiểu Nam-Dương.

Về hành chánh, Tân-gia-ba có 58 «quận» lớn nhỏ mà quận thưa dân nhất là Crawford, có 7.174 người, và quận đông dân nhất là Toa Payoh, có 42.444 người. Quốc ngữ là tiếng Mã, nhưng tiếng Mã là tiếng phổ-thông, tiếng Tamil và tiếng Anh mới là tiếng nói chính thức. Tiếng Anh còn là ngôn-ngữ hành-chánh nữa.

Singapore là thành phố lớn duy nhất và cũng là thủ-đô, chiếm 1/20 diện tích toàn quốc. Nông dân thưa thớt, còn thị dân thì quá đông đúc, sống chồng chất lên nhau. Cứ 10 thị dân, mới có 1 nông dân. Đó là tỷ số thị dân/ nông dân vô địch trên giới, hơn cả Hoa-kỳ là nước có kỹ-nghệ mở mang vào bậc nhất. Điều này đã được vị đại diện Tân-gia-ba nhắc trong kỳ họp Địa dư của Unesco về Đông Nam Á vừa qua: «Chúng tôi là một nước

đã mở mang ». Nước mở mang trên thế giới không nhiều lắm, còn ở Đông Nam Á, có lẽ chỉ có Tân-gia-ba là đạt được tiêu-chuẩn này (nên nhớ Việt-nam còn ở trong giai đoạn đang mở mang, nghĩa là chậm tiến vậy).

Đời sống nông thôn.

Đời sống nông thôn ít được du khách đề ý đến, vì nó không có những đơn vị hành chánh rõ rệt như làng mạc, xã ấp. Có từng khóm nhà rải rác quanh những rẫy rau, do người Tiểu canh tác. Chiếc nón nang có chòm nhọn bắt hủ di động trên những liếp rau xanh, dùng cung cấp cho thành phố. Đôi gàu được thay thế bằng vòi nước và phân bón là muối diêm hóa học, một sắc thái canh-tân ít thấy ở các nước « đang » mở mang chung quanh Tân-gia-ba. Dừa, trái cây, thuốc lá cũng thường được nhắc đến, nhưng chỉ có đồn điền cao su là hiện đang canh cải ở phía bắc của đảo, với 15 hay 20 ngàn mẫu.

Về chăn nuôi, chỉ có gà và heo là hai thứ được chú trọng. Trâu dần bị máy cày thay thế, cho nên chỉ giữ vai trò lịch sử mà thôi.

Nhờ tỉ-lệ bờ biển rất cao, cao hơn cả nước Anh và xấp xỉ với Ai-nhi-Lan, một số nông dân chuyển sang chài lưới. Có độ 3.200 người Trung Hoa và 800 người Mã-lai và Nam-dương. Nhưng họ không thành công mấy, ở vùng gần bờ. Vì nước biển bị dầu tàu và nước rửa của vùng kỹ nghệ dây bản, cá di trú nơi khác hay chết lẫn chết mòn hết. Ở

vùng xa bờ, với 40 phần trăm ngư dân hoạt động, lượng cá sản xuất chiếm 75 phần trăm tổng số. Tuy nhiên số lượng đó chẳng đủ cung cấp cho thị dân. Cho nên trong các quán ăn, sơn hào hải vị đều được nhập cảng từ Mã lai, Nam dương, Úc châu và Việt Nam. Con số nhập cảng này lên đến hơn 90 phần trăm.

Đời sống đô thị

Bước ra khỏi phi-trường, du khách phải ngạc nhiên trước cái sạch và cái ngăn nắp của thành phố. Đường không có bụi, bờ đường trồng toàn cỏ cắt thật sát, hàng dậu cũng được tỉa gọt đẹp dễ. Nhà cửa hai bên đường rất là khang-trang, gọn ghẽ, lạnh lặn. Hình ảnh của một Singapore lầy lội, hỗn độn, bần thiêu hồi hai mươi năm về trước đã biến mất. Singapore quả thật là một hòn ngọc của Đông-Nam-Á ngày nay.

Vào gần đến thành phố, nhà chọc trời mọc lên như các chiếc nấm, chiếc tháp không-lỗ : phần lớn là những chung cư 10, 12, 14 hay 16 tầng, nằm rải rác khắp nơi, chen lẫn với các công sở, dinh thự, khách sạn, hiệu buôn, ngân hàng cao 20, 30, 40 tầng. Không chỗ nào là không có bóng dáng của các tòa nhà đang xây cất dở. Cứ mỗi 45 phút, Singapore xây được một appartement mới, và phải 5 năm nữa, nạn khan nhà mới giải quyết xong. Thật vậy, vào viếng thăm khu phố cũ, vẫn còn thấy một số nhà Hoa-kiều sống lụp xụp quanh chiếc siêu-thị vĩ đại People's Park Complex. Cứ một số nhà như vậy

bị ủi đi, thì một chung cư 14 tầng mọc lên. Trong 3 năm qua, sự thay thế đã diễn tiến đều đều theo chương trình chỉnh trang và thiết kế đô thị. Có lẽ đó là một kinh nghiệm đáng cho ta học hỏi để áp dụng cho thời hậu chiến sắp đến ở Saigon.

Một khu nhà chọc trời mới sắp hoàn thành trong 5 năm tới. Người ta cho đó là một Manhattan mới của Đông-Nam-Á, gồm chừng hai mươi nhà chọc trời, qui tụ trên một lượn cát, mà cái cao nhất, độ 70 tầng, là Ngân-hàng Hoa-kiều Hải-ngoại.

Thăm viếng chung cư, du khách sẽ thấy gì? Mỗi chung cư cao độ 12 hay 14 tầng, tùy theo số phòng, có thể chứa từ 100 đến 300 appartement. Có các loại appartement một phòng (cho độc thân), hai phòng (gia đình nhỏ) và ba hay bốn phòng (cho gia đình lớn). Bất cứ ai cũng có quyền mua hay mướn một appartement ở chung cư. Mỗi tháng chính phủ trích một phần lương của họ, cho đến khi trả hết. Trung bình một người dân lãnh mỗi năm 1.000 Mỹ-kim (đó là tiêu chuẩn kinh tế của một nước đã mở mang), nghĩa là 400.000 bạc Việt-nam. Họ phải trả độ 1/4 tiền nhà, và trong 10 hay 20 năm, họ có căn nhà rồi (1). Người nào bắt đầu đi làm cũng đều lo sắm nhà. Những người làm ăn khấm khá thì đòi nhà ít phòng thành nhà nhiều phòng, rồi đòi từ chung cư sang nhà rời, từ nhà rời sang biệt-thự. Đứng về mặt dân-số học, điều đó có nghĩa là họ đi từ chỗ có tỉ-lệ dân thật đông (40.000 người một cây số vuông) xuống đến tỉ-lệ trung bình (14.000 người một cây số

vuông) của thành phố.

Tại thủ-đô, phố buôn bán được chia ra làm ba hạng rõ ràng. Phố thượng lưu Orchard Road, là một thứ đường Tự Do ở Saigon, với nhà cửa to lớn, khách sạn tân kỳ, cao từ 20 đến 40 tầng, thương xá đồ sộ, cái nhỏ nhất cũng bằng bốn lần thương xá Tam Đa của ta. Phố trung lưu nằm ở các khu khác, như Geyland, North-Bridge v.v... Còn phố hạ-lưu nằm trong các xóm lao động, như Chinatown (một Chợ-lớn của Tân-gia-ba). Trên thế giới có món hàng gì, thì ở đây có bày bán món đó. Giá cả đắt hơn Saigon từ 1,5 đến 3 lần tùy món hàng. Trước khi đến Tân-gia-ba, ai cũng nghe đồn rằng đó là một thương-cảng quốc-tế, không có thuế. Thật ra, Saigon mới là thương cảng loại này. Ví dụ một máy cassette Sony loại mới nhất giá ở Tân-gia-ba là 28.000 đ. VN (nếu không biết trả thì đến 40.000 đ. VN), còn ở Saigon thì độ 26.000 đ. VN hoặc ít hơn. Đồ mặc không có gì mỹ thuật và thua xa Saigon, nhưng cách trưng bày phẩm vật nơi các cửa tiệm thì rất hấp dẫn. Sở dĩ ta bạo dạn mua hàng ở đây, là vì họ dùng đơn vị mã-kim trên giá hàng (một mã kim độ 150 đ. VN) nên con số chỉ giá rất thấp. Ví dụ một cây dù giá 10 mã kim (loại rẻ nhất của đàn ông) nhưng tính ra có tới 1.500 đ. VN, ta lại thấy đắt ngay. Một cái ví đựng tiền

(1) Giá mua appartement một phòng khoảng 500.000 đ. VN và giá mướn 4.500 đồng V.N. mỗi tháng. Appartement 2 phòng giá mua 750.000 đồng và giá mướn 6.000 đ. v.v.,.

giá 700đ. VN ở thương xá Tax Saigon, được trưng ở Robinsons Tân-gia-ba với giá 9 mã-kim, tức trên 1.350 đ. VN. Một nước như Cộng-hòa Tân-gia-ba, nếu không đánh thuế nơi hàng nhập và xuất cảng, thì lấy đâu ra ngân qui để thăng bằng cán cân chi phó?

Trung-tâm thủ-đô gồm phố xá đông đúc, xe cộ ồn ào, náo nhiệt. Thành phố lớn bằng Saigon chứa độ 163 000 xe hơi và 109.629 xe hai và ba bánh. Tất cả xe đều chạy bên trái. Phần đông là xe Nhật, kể đến là xe Anh, xe Đức, xe Hoa-Kỳ, xe Ý. Các xe đều được ráp tại chỗ, nên rẻ và dễ mua. Thị dân trẻ thích tậu xe để dong chơi, còn thị dân đứng tuổi chọn một trong ba ngàn xe buýt chạy khắp thành phố, mỗi khi muốn đi đâu.

Xe buýt ở đây rộng rãi, chạy đúng giờ và rất rẻ, so với taxi.

Một hệ thống chuyên chở nữa là xe lửa, nối liền thành phố đến Jurong, một khu kỹ nghệ mới, được thành lập ở phía tây nam, và nối liền thành phố với Mã-lai. Đường xe lửa này thường dùng để chở hàng hóa nhiều hơn là du khách.

Hệ thống máy bay quốc nội không thể có được, trong một nước chỉ dài có 34 cây số. Nhưng đường bay ngoại quốc, kể từ 1-10-72, đã do Hãng Hàng không Singapura đảm nhận, khắp cả Ấn-độ-dương, Nam-hải và Đại-dương-châu. Đây là một hãng máy bay có các loại Boeing 707, 737 và có lẽ trong tương lai cả 747 hay Concorde nữa. Nếu có đi một chuyến

Saigon-Singapore rồi, ta mới hiểu rằng hãng máy bay đó, cũng như bao hãng máy bay quốc tế khác, vì tự ái quốc gia, đều được thiết lập để chịu lỗ lã nặng mỗi năm.

Bù lại hệ thống máy bay không mấy công dụng thì hệ thống tàu bè rất phát triển, nhờ truyền thống cũ. Hải cảng Singapore hiện nay nhộn nhịp các chuyến đi về không kém bất cứ hải cảng quốc tế nào. Cứ 11 phút thì có một chuyến tàu ra, một chuyến tàu vào. Con số này vượt hẳn Hồng-kông và Yokohama. Số hàng hóa chở đến và chở đi hàng năm vượt trên 100 triệu tấn. Đề bảo trì số tàu trên mấy ngàn chiếc, hệ thống hải xưởng rất phát đạt với các ụ tàu to lớn, chiếm đến 40 mẫu.

Thị dân làm việc trong các khu kỹ-nghệ rất đông. Thợ thuyền thực hiện cả hai ngành kỹ-nghệ nặng và nhẹ. Kỹ-nghệ nặng đi từ đóng tàu (lối 1.000 tấn) đến ráp xe hơi. Kỹ-nghệ nhẹ, chia làm 230 hãng xưởng lớn, chuyên lo về đóng hộp thực phẩm, máy điện, dụng cụ điện-tử, sản phẩm dầu hỏa, phân bón, đồ chơi trẻ em, quần áo v.v... Tất cả sản xuất lối 1,5 tỉ Mỹ-kim mỗi năm. Đối với một nước không có tài-nguyên thiên-nhiên nào cả, mà ngành kỹ-nghệ phát đạt như vậy, tỉ-lệ phong phú tính theo đầu người suýt soát với Nhật và hơn hẳn Âu-châu rồi.

Ngành truyền-tin và viễn-thông cũng được cải-tiến nhanh chóng. Một vài bằng chứng rõ ràng là điện-thoại, điện-tin. Điện-thoại gồm có 6 số.

Năm 1970, có 161.000 máy điện thoại đã hoạt động. Điện thoại có thể gọi khắp năm châu và ngay cả tàu hay máy bay đang hành trình ở bên ngoài nước. Như vậy, cứ 13 người dân là có 1 máy điện thoại để sử dụng trong việc liên lạc bất cứ ngày đêm và bất cứ nơi nào trên thế giới. Một người bạn của chúng tôi gọi được từ Singapore, trong phòng riêng, về Canada sau 5 phút chờ đợi, một điều vô cùng hi hữu đối với một nước của Đông-Nam-Á. Hiện nay, ở Sentosa, nhà cầm quyền cho xây một đài dây-trời để dùng vệ-tinh làm trạm liên lạc điện-tín và điện-thoại trực tiếp với Anh, Úc, Nhật. Vệ tinh cũng sẽ được dùng cho truyền hình liên-lục-địa nữa.

Kỹ-nghệ và thương-mại

Kỹ-nghệ của Tân-gia-ba có lẽ đáng được lưu ý hơn hết, vì nó là sắc thái của một cường-quốc. Tân-gia-ba giống như Nhật: một kỹ-nghệ biến chế trong một nước không có tài nguyên thiên nhiên.

Trong các loại kỹ-nghệ nặng, có kỹ nghệ đóng và sửa tàu. Hiện nay, ngành này có một số vốn chừng 35 tỉ bạc V.N. và sử dụng độ 15.000 nhân công. Về sửa chữa, ta thấy có 3 ụ chính là 90.000, 120.000 và 350.000 tấn. Về đóng tàu, hiện nay đang có dự án đóng tàu biển cho đến 35.000 tấn mỗi chiếc. Tuy nhiên, hoạt động đóng tàu nhỏ hơn vẫn tiếp tục với truyền thống sẵn có. Một loại tàu và xà-lan đặc biệt được đóng tại Tân-gia-ba mà

chúng tôi có dịp quan sát là những chiếc chuyên về dò tìm dầu hỏa ở ngoài khơi Nam-hải.

Một kỹ-nghệ thứ hai là ráp xe hơi. Đó là loại kỹ-nghệ đã có ở Saigon, với xe La Dalat của hãng Citroen. Tuy nhiên, ở Tân-gia-ba, kỹ nghệ này phát triển nhiều hơn. Hãng Austin của Anh, hãng Mercedes của Đức và hãng Toyota của Nhật đã có xe ráp, qua năm 1973, hãng Renault sẽ có giàn ráp tại đây để đưa xe vào các nước Đông Dương.

Kỹ-nghệ biến chế dầu hỏa rất tân kỳ. Nhờ chiếm ưu thế về vị trí địa dư và chuyên chở, Tân-gia-ba nhập cảng quặng dầu, biến chế và xuất cảng phổ sản. Số vốn đầu tư vào đây lên đến 100 tỉ bạc VN. Mỗi ngày độ 500.000.000 lít dầu thô được lọc trong hai nhà máy tối tân. Đến 1974, sẽ có chừng 1.500 triệu lít được lọc mỗi ngày, khấn cho Tân-gia-ba trở thành một trong những trung-tâm lọc và biến chế dầu hỏa lớn nhất thế-giới. Các phổ sản biến chế hiện nay là chất dẻo, bột giặt và sợi nhân-tạo.

Kỹ nghệ điện-tử đã đầu tư khoảng 3 tỉ bạc VN, và dùng chừng 13.000 chuyên viên, trong 45 nhà máy ngoại quốc hay bản xứ. Vật liệu sản xuất là máy phát thu thanh, cassette, máy hát, truyền hình, đồ chơi điện-tử, và tất cả dụng cụ điện-tử rồi. Ngoài ra, kỹ-nghệ điện cũng sản xuất lõi 2,5 tỉ bạc VN về lò điện, máy giặt, máy lạnh, tủ lạnh, máy quay, máy kéo, máy phát điện, đèn, quạt v.v... Trong các hãng ngoại quốc

đặt nhà máy sản xuất tại đây, có Philips của Hòa-lan, Sony và Mit ubishi của Nhật, G E. của Hoa kỳ.

Tất cả vật dụng sản xuất đều có tiêu chuẩn quốc tế. Để kiểm soát phẩm chất, Viện Định-chuẩn và Khắc-cứu Kỹ-nghệ được thành lập từ 1965 và đến 1969, chứng chỉ Phẩm chất được ban hành. Ngoài ra còn có một số cơ-quan chính phủ khác cũng giúp cho việc nâng cao phẩm lượng sản xuất như Cơ-quan Phát-triển Kỹ-thuật, Nghiệp-vụ Kỹ-nghệ nhẹ, Trung-tâm Sản-xuất Quốc-gia.

Về thương mại, năm 1971, Tân-gia-ba đã có một con số rất cao là 1.843 tỉ bạc V.N., chia ra làm $\frac{2}{3}$ nhập cảng và $\frac{1}{3}$ xuất cảng. Trước nhất, thương vụ với Nhật đạt đến 300 tỉ bạc V.N. Sau đó đến Mã-lai-Á với 260 tỉ và Hoa-kỳ với 200 tỉ. Số còn lại chia cho các nước Anh, Úc, Trung hoa, Tây Đức, Kuwait và nhượng địa Hương cảng. Trong các vật liệu sản xuất, nên kể đến dầu hỏa và phos pho, với con số 200 tỉ bạc. Sau đó là cao su (160 tỉ, mặc dầu bị sút giá nhiều) và hàng vải (160 tỉ).

Để mở rộng nghiệp vụ thương mại, Cộng-hòa Tân-gia-ba không có giới hạn chính-trị, và đôi khi giao-thương với cả các nước đang đối nghịch nhau như Do-thái / Ai-cập, Trung-hoa / Nga, Bắc-cao / Hoa-kỳ.

Nhờ thương-mại và sản-xuất, dân Tân-gia-ba có đời sống cao như các

nước Tây-Âu. Theo báo cáo của Viện Thống kê, năm 1970, mỗi đầu người lãnh 2.904 mã-kim mỗi năm, tức 335.000 đồng V.N. Một gia đình 4 người lãnh 4 lần nhiều hơn, tức 1.340.000 đồng V.N. Các con số này đã đưa Tân-gia-ba vào hàng nước mở mang (như Anh, Mỹ, Nhật), trong lúc các nước Đông-Nam-Á còn thuộc nhóm đang (hay kém) mở mang.

Văn-hóa Giáo-dục

Nhóm người hoạt động mạnh nhất ở Tân-gia-ba là người Trung-hoa, di cư từ các tỉnh miền Nam hay Đông-Nam sang, như Phước-kiến, Quảng-đông, Quảng-tây, Triều-châu, Hải-nam. Họ nắm giữ tất cả các guồng máy kinh tế, chánh trị và giáo dục hiện tại. Người bản xứ là Mã-lai và người di-trú từ phương Tây là Ấn-độ, không làm sao bì kịp.

Mặc dù nắm giữ mọi quyền hành, nhóm Trung-hoa vẫn tỏ ra rất mực khiêm nhường ở bên ngoài : họ cố bầu một Tổng-thống Mã-lai, họ cố tránh sự phân biệt chủng tộc, họ cố xúi dùng Anh-ngữ làm Quốc-ngữ, thế nhưng sức mạnh của họ tiềm tàng mọi nơi và ngay trong cả cơ sở Văn-hóa và Giáo-dục.

Trường tiểu học gồm 5 năm, từ 7 đến 12 tuổi. Có ba loại trường là Hoa, Ấn và ngoại quốc. Trường của Trung-hoa vừa lớn, vừa nhiều, vừa có qui củ. Một số có sắc diện rất tân kỳ. Trong mỗi trường như thế, tiếng quan-thoại là chuyên-ngữ bắt buộc,

song song với Anh-ngữ. Trẻ con cũng có quyền nói cả tiếng địa phương, như Quảng-đông, Phước-kiến hay Hải-nam.

Trường Trung-học gồm có hai giai đoạn 3 và 2 năm, không bắt buộc, cũng được tổ chức chu đáo, với một học trình gần giống với Trung-học cấp 1 tại nước ta. Nhưng truyền thống của Anh còn sâu đậm lắm: thề dục ngang với trí + đức dục. Sách vở in rất đẹp, bán thật đắt, do các nhà xuất bản danh tiếng Âu Mỹ đảm nhận, như Mc Graw Hill, Mac Millan, Nelson v.v... Cho nên học phí Trung-học cao từ gấp 5 đến gấp 10 trường ta.

Hiện nay có hai Đại học ở Tân-gia-ba. Một cái là Đại học Singapore và một cái là Đại học Nanyang. Đại học Singapore do người Anh lập từ 1930, có một thời vang danh Đông Nam Á về y-khoa, canh-nông, thương-mãi. Khi Tân-gia-ba dành độc lập, Mã-Lai-A đã cắt một phần của Đại học này sang lập Đại-học Kuala-Lumpur và Penang. Hiện Đại-học Singapore, với 3.000 sinh viên, đang cô bành trưởng lại. Bằng chứng là họ đang xây một khu Đại-học mới, lớn bằng bốn lần Khu Đại-học Thủ-đức, để đào tạo nhân tài. Bằng chứng nữa là họ đã gọi người đi học khắp các nơi để về làm nhân viên giảng huấn mới, bổ sung cho lớp cũ, trong tương lai 5 năm. Đại-học Nanyang, hoàn toàn của người Trung-hoa, mới lập cách đây hai năm. Số sinh viên chừng 650 người, nhưng cơ sở tân kỳ và đồ sộ lắm. Họ chuẩn bị phát-triển mạnh.

Muốn vào Đại-học, học sinh phải chuẩn bị từ 2 đến 3 năm. Đó là số năm của Trung-học cấp 2 của ta.

Người Tân-gia-ba, theo truyền thống gò bó của Anh, quan niệm rằng không phải ai cũng vào được Đại-học, và ngành giáo dục cao cấp này chỉ dành cho thành phần ưu tú. Cho nên giai cấp Đại học, từ sinh viên đến giáo sư, rất được biệt đãi sau giai đoạn tuyển chọn gắt gao đó. Chính vì vậy, sĩ số sinh viên rất thấp và mỗi giáo sư chỉ có quyền dạy 10 sinh viên mà thôi. Tỷ lệ giáo sư/sinh viên đó thuộc vào hàng cường quốc.

Song song với Đại-học còn có các trường Cao-đẳng chuyên-nghiep, dùng đào luyện các sinh viên kém ưu tú hơn. Ví dụ trường Cao-đẳng Bách-khoa là điển hình nhất.

Hoạt động văn hóa gồm có sân đường, thư viện (rất nhiều), lí viện, viện bảo tàng, viện khảo-cổ, viện nghệ-thuật (cổ điển và tân tiến), viện âm nhạc. Ngoài ra còn có phòng triển lãm, vườn Bách thảo (danh tiếng từ trước đến nay), hồ cá, vườn Bách thú, hội quán thanh-niên. Tất cả những thứ đó cân bằng với các rạp hát, quán ăn, khách sạn, thương xá.

Giáo-dục, văn-hóa, y-tế hợp nhau làm sạch xã-hội. Cộng-Hòa Tân-gia-ba là nước duy nhất ở Đông-Nam-Á không có người ăn xin, không có người bệnh tật lê la ngoài đường, cũng như không có sự cách biệt quần áo quá lớn ở đô thị. Thêm vào đó còn có kỷ-luật, trật-tự, vệ-sinh. Chừng đó đủ làm ngoại bang kinh nể rồi.

Kết luận.

Với nền ngoại giao cởi mở, Tân-gia-ba chắc chắn sẽ thu hút bốn-phương đề qui vào một mối lợi duy nhất cho nước mình. Đó là điểm đầu tiên khiến ta thấy Tân-gia-ba giống với Thụy sĩ. Với ba nhóm dân có tập tục, ngôn ngữ, văn hóa khác nhau, Tân-gia-ba vẫn duy trì được sự đoàn kết và thống nhất để sinh-tồn. Đó là điểm thứ hai khiến ta thấy nước này giống với Thụy-sĩ. Với một diện tích bé nhỏ, không có tài nguyên thiên nhiên nào trừ nước và đất, Tân-gia-ba đã xây dựng kinh tế phồn thịnh của mình trên nền tảng kỹ-nghệ và thương-mãi. Đó là điểm thứ ba khiến ta thấy nước này giống với Thụy-sĩ. Điểm giống nhau cuối cùng là cơ cấu tổ chức của Tân-gia-ba theo đường lối xã-hội dân chủ Tây Âu,

mà các nước Anh, Thụy-sĩ, Thụy-điền đã thực thi trong suốt thế-kỷ này. Đó là một trong mấy đường lối làm cho người dân hạnh-phúc, ấm no. Hạnh phúc, ấm no đó hiện đang được bảo-vệ triệt để ở Tân-gia-ba, qua các chương-trình Kiến-thiết, Kế-hoạch-hóa gia đình và an-ninh xã-hội.

Trông người rồi gẫm đến ta. Bao giờ chúng ta mới khởi sự tái thiết và kiến thiết ?

Trước khi dừng bút tác giả cảm tạ Hiệp-hội IGU và UNESCO đã bảo trợ viếng thăm Cộng-hòa Tân-gia-ba và G. s. Doi Jin Bee (Đại học Singapore) và ông Tan Wee Kim (công ty Esso) cùng các vị khác đã giúp tài liệu và hướng dẫn tác giả tìm hiểu thủ-đô cùng các vùng nông thôn của nước nhỏ nhất thế giới này.

TRẦN KIM THẠCH

Công dụng nổi
thể hiện

hemocalcium
B12

TRỊ SUY YẾU, CHẬM LỚN
KÉM ĂN, THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SIFAPP SINGAPORE

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÈMOCALCIUM B 12

TRỊ : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC-BIỆT** cho loại Kỳ Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* *

KỶ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI XUẤT 19% MỘT NĂM (THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827
— Chi-Nhánh Thị-Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96.251
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cánh ĐT : 36

— Chi - Nhánh Banmêthuôt, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Sađéc, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT : 24
— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, Gia Long ĐT : 92
— Chi-Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20
— Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49, Phan Thanh Giản ĐT : 93
— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21.077

Trả lời các bạn đọc hỏi về YOGA

Sau khi bài « Kinh nghiệm tập Yoga » đăng trên Bách Khoa số 373 (15-7-72) một số độc-giả đã viết thư yêu cầu tôi giúp ý kiến để vượt qua một số khó khăn mà những người mới tập Yoga gặp phải.

Thay vì trả lời từng cá-nhân một, tôi xin lựa những câu hỏi có tính chất chung, liên quan đến nhiều người để giải đáp ngay trên Bách-Khoa. Dưới đây là những câu hỏi và giải đáp :

— *Mỗi asana tập mấy lần ? Cách thở thế nào ?*

Về một phương-diện nào đó, có thể gọi Yoga là thể-thao tĩnh. Tĩnh bề ngoài nhưng bên trong rất động. Bên ngoài giữ thân-thể bất động ở một tư-thế nào đó, nhưng bên trong khí lực di chuyển, vận động mạnh mẽ. Do đó, mỗi asana không tập nhiều lần. Chỉ một lần. Mục-đích nhằm đạt đến là : đúng tiêu-chuẩn và lâu (lâu đến một mức độ nào đó thôi).

Thí-dụ : asana Paschimotthanasan, tiêu-chuẩn là cúi cho trán đụng cổ chân và có thể cho đầu lọt qua hai cổ chân.

Về thở, trong quá-trình tập luyện thì tập các asana song song với việc luyện hơi thở và lối thở sẽ thay đổi dần dần từ lối thở thông thường, ngắn, cạn, chuyển sang lối thở Yoga, rất sâu, rất dài, rất nhẹ v.v...

Trong lúc tập asana, hơi thở của mình tiến đến đâu thì cứ theo đó mà thở.

Hơi thở thường gồm 2 giai-đoạn : hít vô, thở ra ; nhưng hơi thở Yoga gồm 4 giai-đoạn : hít vô, giữ hơi trong phổi, thở ra, giữ phổi trống.

Khi tập asana, lấy hơi thở làm đơn-vị thời-gian đo asana lâu hay mau. Lúc đầu thực-hiện 1 asana, thở xong 1 hơi thở thì tập qua asana khác ; dần dần, thở 2 hơi, đến 3 nơi là tối đa.

— *Mỗi asana nên cách nhau bao lâu,
hay có thể cứ hết asana này là qua ngay asana khác ?*

Đặc-điểm của Yoga, khác các môn thể-thao khác là tập xong không mệt. Lý-do là khi tập Yoga, khí-lực vận-dụng đều ở nguyên-vẹn trong cơ thể chứ không phung phí ra ngoài, do đó đầu tập một loạt mười mấy asana, người vẫn không thấy mệt, bởi vậy tập xong asana này thì tập sang asana khác, khỏi phải dành một thời gian nghỉ mệt.

— *Ngồi kết-già quá khó, làm sao có thể ngồi được ngay từ đầu để luyện hơi thở, vận khí?*

Người Việt-Nam đã quen ngồi xếp bàn từ thuở nhỏ, nhờ đó có thể tập ngồi kết-già dễ hơn người Tây-phương. Tuy nhiên nếu từ lúc đầu đau quá ngồi không được thì ngồi bán già, rồi dần dần gân cốt nhuyễn, sẽ ngồi toàn già.

— *Khai mở các luân-xa như thế nào?*

Sách nào chỉ dẫn Yoga cũng có nói ít nhiều đến luân-xa (chakra), và hệ-thống nadi. Trong một điện-lộ (circuit électrique) có những dây dẫn điện và những điện-trì (piles). Điện-trì là những nơi tập trung điện. Trong hệ-thống prana của con người, các luân-xa cũng giống như các điện-trì. Luân-xa là nơi tập-trung prana.

Người không tập Yoga, các luân-xa cũng như các nadi bị nghẹt cho nên prana lưu thông trong người yếu-ớt, do đó sinh ra bệnh hoạn. Mục-đích trực tiếp của công phu tập các asana và luyện hơi thở là khai-thông các luân-xa và các nadi để prana vận chuyển thông suốt trong con người.

Về cách khai thông các luân-xa, những sách chỉ dẫn về Yoga nói rõ ; ở đây, trong phạm vi trả lời một câu hỏi, tôi xin trình bày đại lược như sau :

Trong con người có 6 luân-xa, tuần tự như sau : (1) Ajna (giữa 2 mắt) — (2) Vishouda (yết hầu) — (3) Anahata (gần tim) — (4) Manipoura (rún) — (5) Svadisthana (đạn điền) — (6) Mouladhara (gần hậu môn).

Còn một luân-xa thứ 7 ở trên đỉnh đầu là Sahassara nhưng luân-xa này không trực-tiếp liên-hệ đến 6 luân-xa kia.

Chỉ thực-hành tập luyện khai thông các luân-xa sau khi bạn đã làm chủ được cách thở Yoga, tức là một hơi thở gồm 4 giai-đoạn. Cách tập như sau :

Ngồi kiết già, lưng, cổ, đầu thẳng. Lần lượt tập trung tư-tưởng vào các luân-xa ; khi tư-tưởng tập-trung vào một luân-xa, bạn thở 4 giai-đoạn :

(1) Khi hít vô, tưởng tượng Prana theo với hơi thở đến tại luân-xa ấy,

(2) Khi nín hơi, tưởng tượng Prana vào tràn trề trong luân-xa ấy,

(3) Khi thở ra, tư-tưởng di-động qua luân-xa kế đó,

(4) Khi nín hơi, tư-tưởng tập trung đúng vào luân-xa kế đó để rồi tiến hành chu-kỳ của hơi thở kế tiếp.

Lúc đầu đây chỉ là một vấn-đề tưởng tượng, nhưng với công phu luyện

tập, tưởng tượng sẽ dần dần biến thành thực tế. Các nhà tâm-lý học đều công-nhận sức mạnh của tưởng tượng, có khả-năng từ vô tạo ra hữu. Khi prana tăng gia đến mức độ trở thành một luồng khí vận chuyển qua các nadi trong người chúng ta thì sự vận chuyển ấy, chúng ta cảm thấy rõ, không còn là tưởng tượng nữa.

— *Lúc đầu tập thở cách nào ?*

Lúc đầu thở như thường, nghĩa là hơi thở gồm 2 giai-đoạn : thở ra và thở vô. Công-phu luyện tập nhằm thở thật nhẹ đồng thời kéo dài hơi thở, hơi thở ra dài hơn hơi thở vô.

Trong quá-trình tập luyện, cố gắng kéo dài hơi thở mỗi khi một ít và xác nhận sự kéo dài này bằng con số đếm thầm trong trí. Không khi nào ráng quá sức, nhưng khi đã đạt đến một con số nào đó thì nắm vững con số đó rồi tăng lên chứ không cho giảm xuống.

Khi hơi thở đã khá nhẹ và khá dài, tiến qua luyện hơi thở 4 giai-đoạn.

— *Muốn tìm hiểu biết rõ về Yoga nên đọc sách nào ?*

Phía sau cuốn « YOGA » của Ô. Trần-Văn-Kha có kê những sách tác-giả đã tham khảo, các bạn có thể lựa một vài cuốn để đọc. Khi hiểu được nội-dung căn-bản của Yoga rồi thì tiến hành tập ngay, rồi trong quá-trình luyện tập, bạn sẽ thấy rằng bạn được hướng dẫn từ bên trong, hết giai-đoạn này đến giai-đoạn khác và sự hướng dẫn xuất phát từ trong người bạn là thích hợp với bạn hơn bất cứ sách nào. Người Yoga tin rằng sự hướng dẫn ấy là của một ông sư-phụ (gourou) nằm trong người họ. Sự tin tưởng này không có gì là mê-tín, dị đoan cả. Trong bài « Kinh nghiệm tập Yoga » đã đăng trên Bách Khoa số 373 tôi gọi đó là « âm thức » trong con người và đó là một thực-tế không thể phủ-nhận.

XUÂN QUANG

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Anh CAO QUẢNG VĂN sẽ làm lễ thành hôn cùng Chị NGUYỄN THỊ THU và Hôn lễ sẽ cử hành tại Đàlat ngày I-II-1972.

Xin chân thành chúc mừng tân-lang và tân-giai-nhân trăm năm hạnh phúc.

LÊ - NGỘ - CHÂU

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

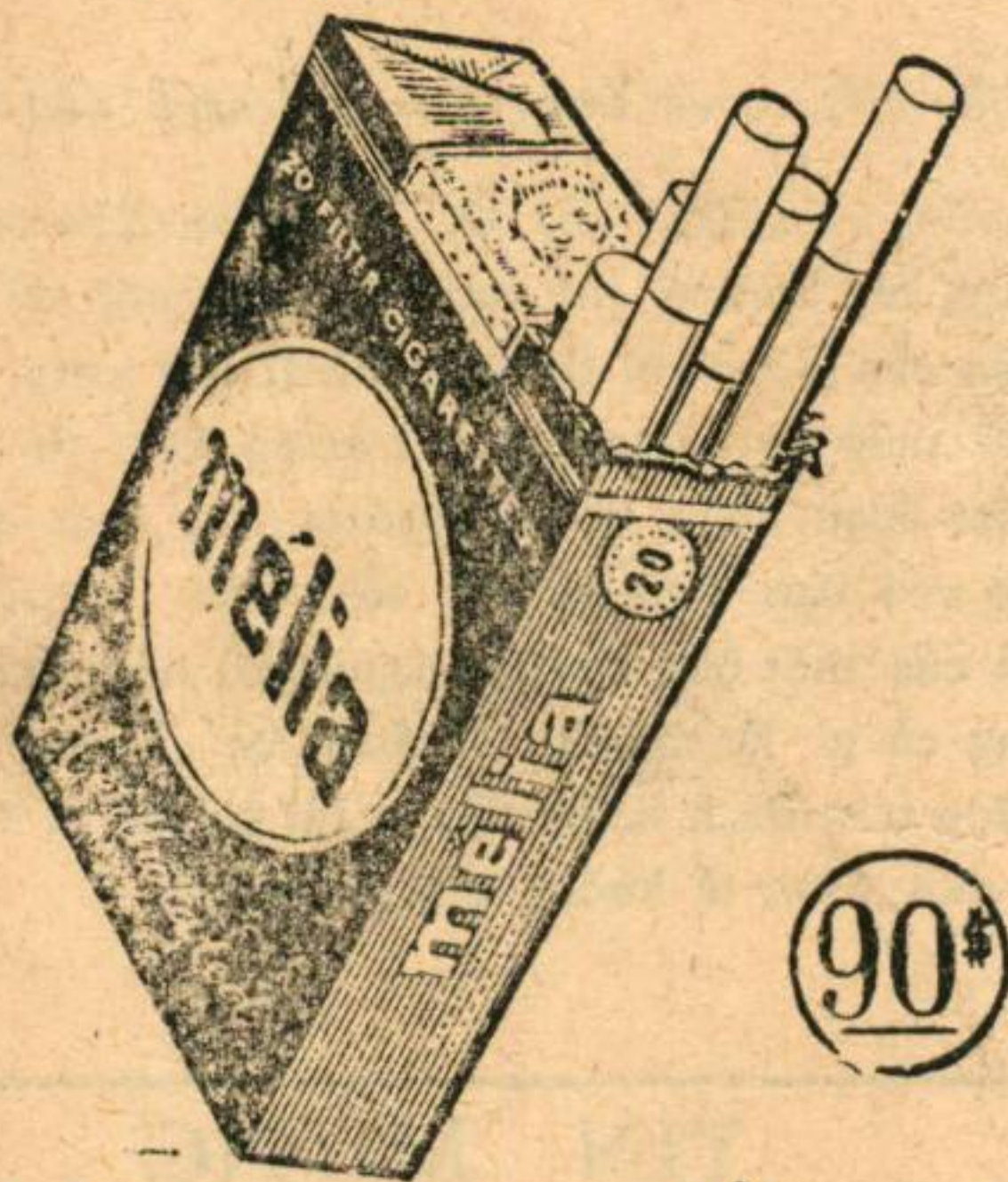
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số : 2 701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DẠI

Thượng hảo hạng

Thơm mát - mát cổ? thơm dịu

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

đã cho phát hành tại khắp các tiệm sách :

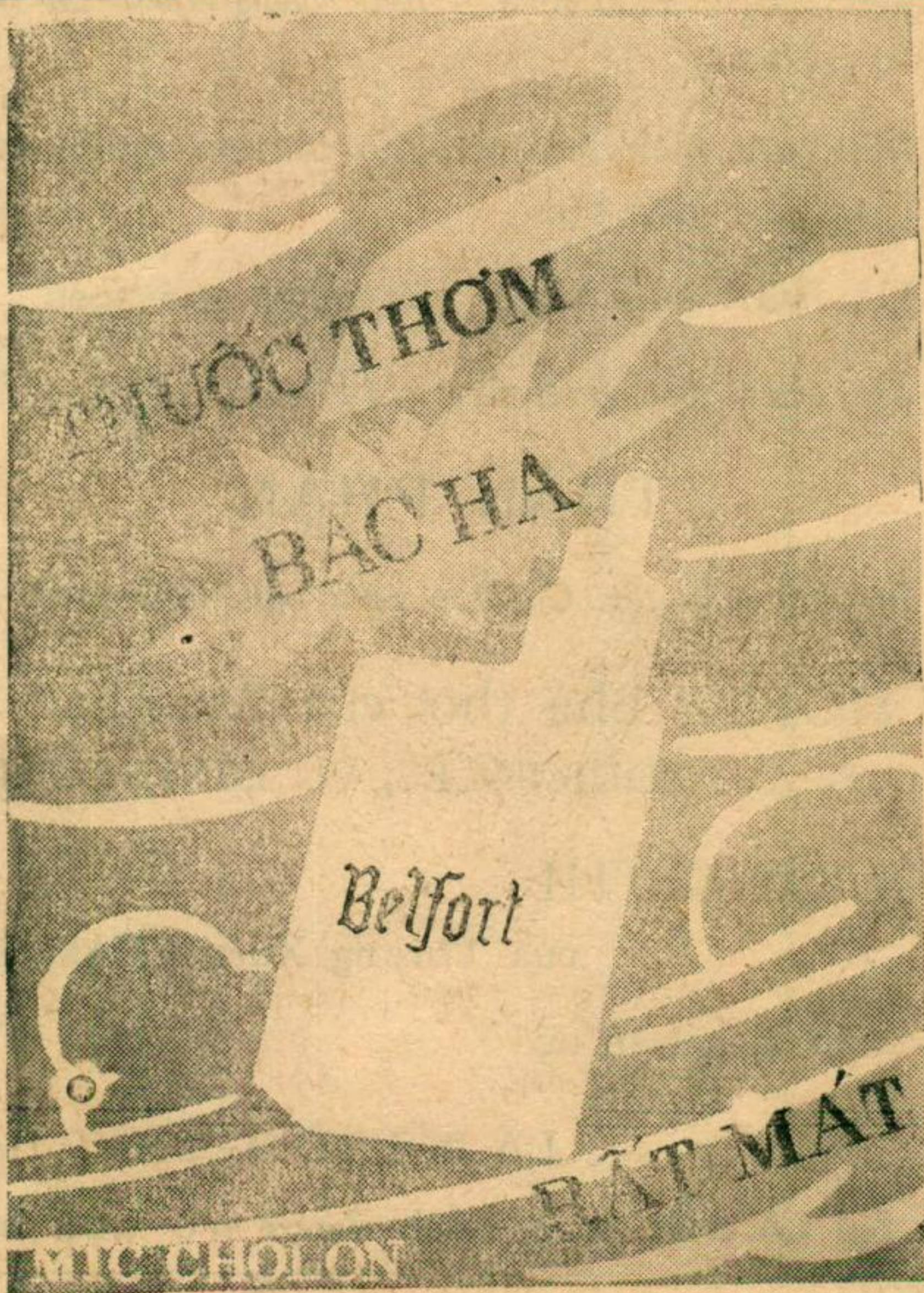
CÚI ĐẦU

Tập truyện của DOÃN QUỐC SỸ

In toàn bản đặc biệt

Giá 220đ.

Các bạn độc giả ở xa xin gửi bưu phiếu về cho Doãn Quốc Sỹ
338/60B Thành Thái Saigon 5 sẽ nhận được sách gửi bảo đảm đến
tận nhà.



Bạn đọc hãy tìm mua ngay :

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LÚA TUỔI HỌC TRÒ

Bác sĩ ĐỖ-HỒNG-NGỌC viết cho các em về :

Cận thị — Viễn thị — Loạn thị — Sưng má ông địa
— Nhức đầu — Mụn — Lang en — Bón — Trĩ — Thủ
dâm — Kinh nguyệt — Mệt mỏi — Nghi ngại — Giấc
ngủ — Bệnh mau quên — Bệnh biếng học — Đi «khám»
bác sĩ v.v...

Một cuốn sách thật cần cho các em muốn sự học
của mình tiến bộ.

LA NGÀ xuất bản.. 270 trang... giá 300đ.

- *Tập thơ tái bản lần III của Hoài-Khanh*

THÂN PHẬN

In toàn giấy tốt. Ca-Dao xuất bản. Giá 350đ.

- CHOPIN, nhà thơ của Âm-nhạc
của GUY DE POURTALES, VŨ ĐÌNH LƯU dịch

- ĐƯỜNG THI

của Trường Xuân PHẠM LIỄU

Bốn cuốn sách trên do

LÁ BỐI TỔNG PHÁT HÀNH
đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Mưa đầu mùa

Chiếc xe ngừng lại trước khách sạn. Quang quay đầu lại, hỏi Hoài :

— Chiều mày lên sở tao rồi cùng đi hay mày tính sao ?

Hoài đứng xuống đường, với tay lấy chiếc túi Air Vietnam trong giỏ xe, đeo lên vai. Chiếc túi nhỏ và nhẹ đựng đưa dưới sợi dây dài.

— Đề coi... Ờ, tao sẽ ghé đăng sở mày. Chắc phải khoảng gần 6 giờ. Chịu khó chờ tao một chút nhé.

Quang gật đầu, nhìn qua chiếc cổng khách sạn. Có hai chiếc xe gắn máy để ở sân ngoài. Phía trong vắng tanh.

Quang tần ngần một chút rồi nhắc lại đề nghị lúc nãy :

— Hay là... mày cứ ghé về đăng nhà tao đi. Tụi mình ở trên lầu.

Hoài đập nhẹ vào cánh tay bạn :

— Thôi mà, mày cứ bắn khoản hoài. Kỳ này nhà đông người, phiền thấy mẹ. Tao ở đây cho khỏe, sở trả tiền mà, tội gì. Tối mày lên đây nằm với tao cho vui. Nhớ chờ tao chiều nay nhé.

Chàng đẩy cánh cửa sắt, bước vào trong sân. Quang sang sở, giờ tay chào rồi phóng xe đi. Tiếng máy xe khuất dần phía xa. Và cùng một lúc, tiếng máy xe khuất đi, Hoài bỗng nghe vang lên, rõ mồn một, tiếng đế giày của mình gõ trên mảnh sân tráng xi-măng. Những âm thanh khô, đều đặn ấy như nổi hẳn lên trên cái nền

yên tĩnh của buổi trưa và làm cho sự yên tĩnh đó, vụt một cái, tỏa ra, bao trùm lấy chàng, trải rộng ra khắp một vùng chung quanh. Khách sạn này nằm trên một con đường nhỏ, lọt vào giữa một khu phố vắng. Buổi trưa, suốt con đường chạy dài, không có chiếc xe nào, không có một người nào. Trong cái thành phố ngày đêm tràn ngập những tiếng động, những sinh hoạt xô bồ, một khu phố, dù là khu phố nhỏ, và dù là vào giữa trưa, bị bỏ rơi lại trong sự yên tĩnh, quanh quẽ như thế này, kẻ cũng là điều lạ. Hay có lẽ chính vì thế mà ông Duyệt đã thích nó và ân cần giới thiệu với chàng cái địa chỉ khách sạn, hôm chàng nhận công-vụ-lệnh vào trình diện ông ta ?

Chàng đứng chờ ở quầy. Thấp thoáng có bóng người phía trong. Có lẽ người ta đã trông thấy chàng, nhưng đang mắc một việc gì đó, chưa ra ngay được. Chàng gõ gõ một cách lơ đãng những ngón tay trên mặt quầy, quan sát chung quanh. Hàng hiên dài, chạy hút vào phía trong, ngăn đôi hai dãy phòng dưới nhà. Chiếc cầu thang uốn vòng dẫn lên tầng lầu thứ nhất. Chiếc quầy hình một vành móng ngựa cắt đôi, giam lại ở bên trong một cái bàn nhỏ, hai cái ghế và một kệ gỗ đựng những cuốn sổ, những giấy tờ vút lộn xộn. Trên mặt quầy, chơ vơ một máy điện thoại màu trắng, để sát tường. Và dán trên tường, ngay phía trên máy điện

thoại, là một mảnh giấy có hai giòng chữ : *Mỗi phòng ở không quá hai người » và « xin trả lệ phí khi kêu điện thoại : 30 đ. »*

Chàng nghe có tiếng chân người lại gần. Một người đàn ông trung tuần, cao, ốm, nước da đen sạm và hai hàng chân mày rậm như chồi xề. Gã bước vào trong quây, ngồi xuống ghế, với tay lấy cuốn sổ lớn bìa đen trên kệ. Trước đó, gã đã chào chàng bằng một nụ cười, một nụ cười nhạt nhẽo, vô-duyên, thứ nụ cười mà người cay nghiệt một chút sẽ sẵn sàng gọi là *« cười cầu tài »*. Nhưng Hoài vốn là người dễ tính và chàng chỉ nghĩ rằng cái cười đó vừa có ý nói *« chào ông »*, vừa có ý nói *« Xin lỗi ông nhé, tôi mắc chút việc, ông chờ có lâu không ? »*

Khi gã đàn ông cất tiếng nói và đưa tay nhận chiếc thẻ căn cước của Hoài, giọng nói của gã là một giọng nói khô, lạnh, không một chút vồ vập, ân cần, không một chút cảm xúc :

— Ông ở mấy ngày ?

— Chắc chừng hai ngày. Ông cho tôi phòng trên lầu.

Và chàng nói tiếp khi gã ngừng tay ghi sổ, ngược lên ngó chàng. Chàng đoán ra câu gã định hỏi qua cái nhìn đó.

— Tôi ở một mình.

* *

Chàng nằm soãi trên giường. Những hạt nước còn bám trên da

thịt, se se, dễ chịu. Chiếc quạt trần quay chậm chậm, khoan thai. Chàng đốt một điếu thuốc lá. Nhìn ra cửa sổ, cách một khoảng trống (phòng chàng ở cuối dãy, ngăn với dãy bên kia bằng một khoảng hành lang có cầu thang đi xuống phía sân sau) là cửa sổ một phòng khác, kéo màn đỏ che kín. Ngoài trời nắng có vẻ dịu lại, nhưng chắc không khí vẫn nóng hâm hấp. Nằm trong căn phòng xa lạ, một mình, cách biệt với những tiếng động chung quanh, da thịt vừa tắm xong, mát mẻ, thư thái, chàng có cảm tưởng như những ý nghĩ bức dọc bận rộn trong đầu tan biến đi đâu hết. Chàng nhắm mắt, nghe tiếng chiếc quạt trần quay nhẹ nhẹ, đều đặn, như hòa theo tiếng thở của chính mình, tỏa ra mơ hồ trong căn phòng, lẫn với những sợi khói thuốc mỏng. Và đầu óc chàng dần ra, nhẹ đi, bình bằng, trống không, trong một trạng thái nửa thức nửa ngủ. Chàng buông lỏng cánh tay ra phía ngoài thành giường để tàn thuốc lá không rớt xuống mặt nệm. Và cái trạng thái lơ mơ, nửa thức nửa ngủ đó vờn vờn trong chàng, cho đến khi một ý nghĩ vụt trở lại với đầu óc chàng, thì đó là ý nghĩ về Dũng.

Buổi sáng nay, lúc lên máy bay, chàng vừa hơi bức mình, vừa mừng rỡ. Chàng đã thu xếp để chuyển đi công tác này (đem một số hồ sơ biệt phái của nhân viên về trung-ương để hoàn tất khẩn cấp thủ tục trình xét) vừa vận ăn khớp với ngày giỗ đầu của Dũng, và chàng dự tính về sớm được một hoặc hai ngày. Nhưng vì một vài trở ngại về phương tiện

chuyện vận, chàng phải nán lại và chỉ có thể về Saigon đúng vào ngày giỗ (ngày hôm nay). Ngày giỗ đầu của Dũng. Như thế là bạn chàng đã xa chàng đúng một năm. Khi viết thư cho Quang tuần trước, ngòi bút chàng đã khựng lại ở hai chữ « giỗ đầu ». Hai chữ rất bình thường được viết ra giấy bỗng nhiên đem đến cho chàng một cảm xúc bất ngờ, đến độ làm chàng gấn như sững sờ. Dũng đã chết, và một năm đã trôi qua. Một năm trời, cũng khá nhiều thay đổi, thay đổi của chính chàng và chung quanh chàng. Một công việc mới, thuyền chèo đi tỉnh xa. Tin Ngọc sắp lấy chồng. Tin Quang đổi sở làm. Những bạn bè của Dũng, như thế, đều đã có thay đổi. Trừ chính Dũng. Dũng vẫn nằm nguyên ở đó, trong nghĩa trang, và năm nguyên như thế suốt một năm trời. Có thay đổi chăng, có lẽ là những xương thịt đã rã ra. Có thay đổi chăng, có lẽ là bên cạnh, và phía trước ngôi mộ của Dũng, đã có một hàng dài những ngôi mộ mới khác.

Ngày giỗ đầu của Dũng. Một năm đã qua. Và mùa mưa đã trở về. Dũng chết vào đầu mùa mưa năm ngoái. Khi cơn mưa đầu mùa ào ạt đổ xuống thành phố, Hoài và Dũng ngồi với nhau trong một quán cà phê nhỏ ở góc con đường về nhà Dũng. Và như mọi năm trước, hai người bạn lại cãi nhau về trận mưa đầu mùa. Lần này, đến lượt Dũng khẳng khẳng cho rằng trận mưa đó, trận mưa đang đổ xuống, đúng là trận mưa đầu tiên suốt từ đầu năm,

mở đầu cho mùa mưa đã tới. Và Hoài cãi lại, vì chàng « mang máng nhớ rằng » tuần trước dường như đã một trận mưa nhỏ ở miệt Gia-định. Câu chuyện vớ vẩn, nhưng cũng làm đề tài cho một cuộc tranh luận nhỏ, vui vẻ hơn là gay go, vì có lẽ đó đã trở thành một thói quen đối với hai người : Bất chợt, một đề tài vớ vẩn, một tin tức, một nhận xét vu vơ nào đó được gọi đến, được bắt lấy, trở thành một câu chuyện kéo dài, trong đó có thể có những ý-kiến bất đồng, tương phản, nhưng luôn luôn kết thúc một cách êm ả nào đó, hoặc là bỗng nhiên, đang tranh luận, một đề tài khác vụt hiện tới, và câu chuyện xoay một cách tự nhiên sang phía đó, hai người bạn cùng quên lửng luôn câu chuyện cũ, — hoặc là một trong hai người nảy ra một đề nghị nào đó, và người kia tức khắc đồng ý, — hoặc là, đang trong cuộc tranh luận, một cô gái xinh xinh đi ngang qua, hai người bạn nhìn nhau tủm tỉm cười, kín đáo và thăm lạng hội ý về một khía cạnh nào đó...

Hoài nhớ lại hôm ấy, không biết đang cãi nhau về trận mưa đầu mùa, một đề tài nào khác bỗng hiện đến, và chỉ vài phút sau, chàng không sao nhớ lại được cái khúc rẽ đích xác của câu chuyện. Chàng chỉ có thể hình dung lại khuôn mặt Dũng cúi xuống ly cà-phê, khuôn mặt vô tư, tươi, đẹp, mái tóc chải khéo, hơi xõa xuống trán một chút. Có thể là Dũng đang buồn một chuyện gì đó, nhưng cái vẻ tươi trẻ khỏe mạnh cổ hủ trên khuôn mặt Dũng làm chàng khó

có thể nhận ra, dù là trong một thoáng, nỗi buồn đó. Đạo ấy, thật ra, cuộc sống êm ả, và cả chàng lẫn Dũng, cũng như những bạn bè khác, ít khi có những nỗi buồn nặng nề. Gặp mặt nhau và ở bên nhau, dù không để làm gì rõ rệt, dù chỉ dẫn nhau đi lang thang, vào một rạp ciné này, sang một quán cà phê nọ, những giờ phút ấy trôi qua một cách hồn nhiên, vui vẻ, ấm áp quá. Khi người ta là bạn thân của nhau, người ta chỉ cần gặp nhau, nói những mẩu chuyện vớ vẩn, nhìn nhau hội ý về một điều gì đó, hay ngồi im lặng bên nhau, hút thuốc lá v.v..., là đủ để thấy thấm đẫm vào mình tất cả cái cảm giác ấm áp, thân mến, dễ chịu ấy.

Hoài nhớ lại, buổi chiều tối hôm đó, khi cơn mưa đã ngớt, và đã có thể đứng dậy rời khỏi quán, có một lúc chàng hỏi Dũng:

— Kỳ này cậu đi bao giờ về?

Và Dũng trả lời:

— Làm sao biết được... Nhưng có thể là cuối tháng... Lính lương xong, kiếm cách dù về ít ngày.

Dũng không giữ lời hứa. Dũng đi và chết sau đó nửa tháng, đúng nửa tháng. Dũng chỉ trở về và cùng đi với chàng bằng một chiếc quan tài, đến nghĩa trang. Sáng hôm đó trời cũng đổ mưa to, nhưng chắc chắn không còn là cơn mưa đầu mùa nữa.

Và như thế, Dũng đã xa chàng đúng một năm. Mùa mưa đã trở về. Nhưng không biết ở thành phố này, cơn mưa đầu mùa đã đổ xuống chưa. Nơi thành phố xa xôi của Hoài, mưa

đã tầm tã suốt tuần qua.

Trong căn phòng vắng lặng buổi trưa, Hoài nghe thấy rõ tiếng thở dài của mình buột ra khỏi lồng ngực, lan đi, lẫn vào bầu không khí yên tĩnh. Tiếng thở dài buột ra, nhưng lồng ngực chàng lại nặng trĩu xuống, như có một bàn tay vô hình đè lên, làm chàng tức thở. Chàng nằm im lặng, lắng nghe cảm giác nặng nề đó lan đi khắp thân thể, chìm chàng vào trong nỗi xúc động ngây ngất, nỗi xúc động mạnh mẽ, sâu xa và đau đớn đến nỗi chàng thấy ngạc nhiên. Từ ngày Dũng chết đi, đã lâu chàng mới lại bắt gặp nỗi xúc động mạnh mẽ đó, dâng lên trong lòng chàng như một đợt sóng buồn. Nỗi xúc động tươi và nguyên vẹn, như thể Dũng vừa chết ngày hôm qua và chàng vừa nhận được tin cách đó vài phút.

Chàng nhắm mắt lại. Hai mí mắt chàng cộm cộm. Cảm giác nặng nề không buông tha đầu óc, thân thể chàng. Nhưng mặc dù khó chịu, chàng không muốn tìm cách xua đuổi nó. Chàng lắng nghe, theo dõi từng đợt sóng xúc động ở tận đáy sâu tâm hồn. Và chàng muốn nuôi dưỡng sự buồn phiền, xót xa ấy, như thể bằng nó, chàng nuôi lại, sống lại với hình ảnh của chàng và bạn chàng, một ngày nào đã xa vắng, càng lúc càng xa vắng chàng hơn, xa mãi và sắp mất hút trong dĩ vãng. Chàng sợ hãi cái cảm giác mất hút ấy. Chàng cố gắng níu kéo, nuôi nấng những hình ảnh cũ, chống chọi lại với sự phai nhạt lặng lẽ của chúng.

Khi Hoài và Quang ngừng xe trước cửa, trong nhà có vẻ đã khá đông người. Hoài thoáng thấy bóng Long đang ngồi ở bàn. Có tiếng reo của Liên, đứa em gái nhỏ của Dũng :

— A, anh Quang ! A, có cả anh Hoài nữa. Anh Hoài đến, ba ơi !

Hoài bắt tay Long và cúi chào ông Hiệu. Trong nhà còn có mấy người lạ mặt, chàng đoán là người trong họ của Dũng. Họ hàng Dũng rất đông nên tuy chơi với nhau lâu, chàng không sao biết mặt hết. Chàng ngồi xuống ghế, đáp lại câu hỏi của ông Hiệu :

— Thưa bác cháu vừa về sáng nay. Kẹt máy bay thành ra không sao về sớm được.

Long nói :

— Tao nghe thằng Quang nói mày thu xếp đi công tác đúng vào ngày hôm nay ?

Mấy người cùng cười. Không khí gian nhà, những câu nói trao đổi, tiếng chỉ chóc của mấy đứa trẻ cãi nhau..., tất cả toát ra một vẻ nhộn nhịp, gần như vui vẻ (hay đó chính là một bầu không khí vui vẻ nhưng tại Hoài không muốn nhận ra như thế ?) Những cảm giác nặng nề buổi trưa chưa thoát hẳn ra khỏi chàng. Chàng nhìn sang phía bên trái, nơi đặt bàn thờ. Chiếc ảnh bán thân của Dũng nằm phía sau đĩa trái cây, bị che phủ một phần bởi những cành hoa huệ trắng. Hai bên tấm ảnh là đôi bạch lạp cháy leo lét, ánh lửa bị những ngọn đèn thấp sáng quanh nhà làm át đi, trở thành bé nhỏ, mờ nhạt một cách

quạnh quẽ. Những sợi khói mỏng từ những cây nhang bay lên, quẩn quýt quanh tấm ảnh như muốn che phủ đi khuôn mặt của Dũng, đầy khuôn mặt đó khuất ra phía sau những tiếng động ồn ào trong nhà, phía sau những người đang ngồi quây quần quanh bàn ăn, trên đó bày sẵn từ lúc nào những bát đĩa, đồ ăn linh đình. Hoài không thể ngăn được cái cảm tưởng đang dự một bữa tiệc như-bất-cứ-một-bữa-tiệc-nào-khác. Và cái cảm tưởng đó làm chàng bức bối, khó chịu.

Bà Hiệu từ trong nhà bước ra, hỏi thăm chàng mấy câu về công việc làm v.v..., rồi lại vội vã vào trong sửa soạn tiếp bữa ăn. Ông Hiệu có lẽ đang muốn nói với chàng một điều gì đó, nhưng có một người trong họ lên tiếng hỏi ông về chiếc xe Honda vừa mua, ông lại phải quay sang trả lời.

Long đưa mời Hoài một điều thuốc. Hắn cho chàng biết sắp đi vùng 4. Câu chuyện xoay sang hướng đó. Quang xen vào bằng một vài tin tức chiến sự mới nhất. Và cứ như thế, mọi người trao đổi những mẩu chuyện tầm phào, vô thưởng vô phạt, thỉnh thoảng điểm một câu nói đùa, tiếp theo đó, một vài tiếng cười ròn, vui vẻ..., cho đến lúc bà Hiệu dọn nốt những món ăn cuối lên bàn và yêu cầu bắt đầu bữa tiệc.

Ông Hiệu ép chàng một chén rượu và lời mời đặc biệt của ông, như thường lệ, khiến Hoài không thể từ

chối. Bữa ăn được mở đầu bằng những chén rượu đó.

Bà Tư (một người trong họ của Dũng) hỏi Hoài về tình hình an ninh dưới tỉnh chàng đang ở. Không khí ồn ào vì những tiếng nói riu rít không ngớt đến độ bà cụ phải nhắc lại lần thứ hai câu hỏi, Hoài mới nghe ra và trả lời. Rồi ông Hiệu lại đầy đĩa gọi sang phía Hoài, mời chàng. Ông nói:

— Đề xa thế này sợ anh không nhìn thấy.

— Dạ thưa được, bác đề mặc cháu.

Ông Hiệu gấp một miếng gọi. Và thoáng một chút vẻ trầm ngâm bỗng hiện lên trên mặt ông. Hoài bắt gặp đôi chân mày của ông hơi nhíu lại. Và chàng nghe thấy tiếng ông nói sau đó, giọng bình thường, nhưng hình như nhịp độ câu nói chậm đi một chút:

— Món này là món ruột của thằng Dũng đây.

Hoài không chắc mình có nhớ đúng hay không, nhưng chàng có cảm tưởng đây là lần đầu tiên từ lúc chàng bước vào nhà, tên Dũng được nhắc đến. Và cái tên bỗng được nhắc đến đó làm chàng cảm thấy như vừa bước hăng một bước. Giữa bầu không khí nhộn nhịp, xô bồ của bữa tiệc, giữa những tiếng người cười nói xôn xao, cái tên được thốt ra không khác nào một giọt nước rơi xuống từ trần nhà, ọt vào trong cổ áo Hoài làm chàng thấy lạnh lạnh. Chàng không kịp nhìn

quanh để bắt gặp phản ứng của những người khác. Nhưng hình như cũng chỉ có mình chàng có cái cảm giác kỳ cục ấy. Mọi người gần như không ai lưu ý tới câu nói bất ngờ của ông Hiệu. Những tiếng nói vẫn tiếp tục, xôn xao chung quanh. Hoài kín đáo nhìn ông Hiệu. Khuôn mặt ông sau câu nói, như chợt chìm đi, lắng xuống trong một nỗi buồn âm thầm, lặng lẽ. Với câu nói và cái tên đưa con được nhắc đến, ông tự cho phép mình quên khu ấy đi bầu không khí ồn ào vây quanh mình, đề lùi ra, rút vào trong nỗi buồn riêng. Và Hoài kín đáo đuôi theo ông, tách ra khỏi những tiếng động, nhập vào một thế giới khác. Trong phút giây bất ngờ đó, ông Hiệu không đề ý đến ai và ông cũng không biết rằng Hoài đang bí mật đề ý đến ông, theo dõi ông, như thể đang đứng giữa đám đông nhộn nhịp, ông chợt lùi lại, đi ra một góc vắng vẻ, và Hoài lặng lẽ, rón rén theo chân ông, tiến đến chỗ khuất nẻo ấy. Ở đó, chỉ có ông cụ và chàng, cùng với hình ảnh của Dũng mà cả hai đang tìm kiếm, đuôi bắt, níu kéo. Bỗng dưng chàng thấy thương ông cụ một cách xót xa, chàng như đọc thấy trước mắt nỗi cô đơn, đau đớn của ông cụ, và chàng cảm thông nỗi cô đơn đau đớn ấy, cũng như chàng đã từng, bao nhiêu lần, chia xẻ một cách âm thầm nỗi cô đơn, đau đớn toát ra trong những tiếng thờ dài của bà Hiệu, những tiếng thờ dài không thể kìm lại được mỗi khi bà cụ nhớ đến Dũng, hoặc dự một câu chuyện có

liên quan, nhắc nhở về đứa con trai đã mất...

Hoài nhìn ông Hiệu và cảm thấy như những ánh đèn điện rực rỡ chung quanh thắp sáng gian nhà bỗng dưng tắt đi hết. Và giữa khoảng bóng tối mênh mông, chỉ còn leo lét cháy hai ngọn bạch lập trên bàn thờ của Dũng, hai ánh nến long lanh như đôi mắt Dũng trong tấm ảnh đang nhìn chàng, đôi mắt ấm áp, thân yêu của những ngày tháng cũ.

Nhưng giây phút tách biệt lặng lẽ, thăm kín của Hoài và ông Hiệu không thể kéo dài lâu hơn. Long cất tiếng hỏi Hoài một câu gì đó, và chàng phải bỏ ông cụ, quay sang, suy nghĩ để trả lời. Câu chuyện lại tiếp tục. Bữa tiệc lại tiếp tục, tiếp tục riêng đối với chàng. Và chàng nghe tiếng bà Hiệu hỏi:

— Anh Hoài có ngủ nhà anh Quang tối nay không?

Chàng hơi ngần ngại. Nhưng Quang đã trả lời hộ chàng. Chính Quang cũng có vẻ ngập ngừng. Hình như Quang vẫn còn hơi băn khoăn, ngượng ngùng. Quang nói:

— Dạ ở nhà cháu hôm nay... mấy hôm nay, có gia đình ông bà bác dọn về ở chung, đông con nít, thành ra hơi bất tiện... Hoài nó ở khách sạn.

Về ngượng ngùng, băn khoăn trên mặt Quang bỗng nhiên gợi Hoài nhớ đến một điều gì đó. Chàng suy nghĩ một chút và hiểu ra ngay: Hồi ấy, mỗi lần Dũng về phép, chàng và Quang vẫn thường ngủ chung ở đây với

Dũng, trong chính căn nhà này, ở gian ngoài này, trên chiếc giường này đã bỏ đi để thay bằng một chiếc giường mới khác.

oOo

Hoài đứng vịn tay vào thanh sắt tròn, nhìn xuống phía sân sau. Một ngọn đèn ống vẫn thắp sáng (có lẽ thắp suốt đêm). Nhưng mọi người có lẽ đã đi ngủ hết. Không một tiếng động chung quanh chàng. Chàng nhìn đồng hồ tay: đã đến giờ giới nghiêm. Cả khách sạn làm như chỉ có mình chàng còn thức. Dù có còn ai thao thức như chàng chưa ngủ được chăng nữa, chắc cũng không tội gì đứng ngoài hành lang vào giờ này. Bầu trời tối đen, không có gì đáng ngắm. Và không khí chỉ hơi bớt oi nồng đi một chút, so với ban ngày.

Như thế là đêm nay chàng ngủ một mình ở khách sạn. Quang vừa cho biết lúc tối là hẳn phải đưa bà mẹ đi có việc sáng sớm mai nên không thể đến ngủ chung với chàng được. Và chàng, Quang và Long chia tay nhau khi rời quán cà phê phía đầu đường. Chàng đi bộ một mình về khách sạn.

Đêm khuya thật tĩnh mịch và dễ chịu. Chàng dựa lưng vào thành tường, tận hưởng từng hơi thuốc se se trong cổ họng, và từng ngọn gió nhẹ thỉnh thoảng phớt qua. Đầu óc chàng nhẹ nhàng, thoải mái. Men rượu không để lại một chút dư vị khó chịu nào, có lẽ vì chàng uống quá ít.

Chàng nhăm tính trong đầu chương trình làm việc ngày mai. Phải thanh toán nốt những công việc còn đọng lại, và sau đó, còn phải đi mua vài thứ đồ cần thiết, trong đó có một hộp màu vẽ, mua dùm ông cụ Duyệt. Chàng nghĩ mình còn được rảnh rang ít nhất là một buổi chiều mai và một tối mai. Sáng ngày kia chàng phải ra phi trường sớm.

Chàng trở vào phòng, đem những giấy tờ liên quan đến công việc ra kiểm điểm lại, sắp xếp theo một thứ tự thuận lợi cho chương trình buổi sáng mai. Rồi chàng tắt đèn, vặn nhỏ chiếc quạt trần, nằm hút nốt điếu thuốc lá. Chàng không thấy mệt mỏi, cũng không thấy buồn ngủ. Hồi đó, chàng vẫn thi đua với Dũng về tài thức khuya.

Những ý nghĩ của chàng lại trở về với Dũng. Chàng nhớ lại bữa tiệc buổi chiều. Sau khi ăn xong, ông Lai, chú họ của Dũng, kéo Quang và chàng ra ngoài sân. Ông ta mở đầu câu chuyện một cách thẳng thắn, tự nhiên. Đại khái, ông ta đề nghị với chàng một công việc làm ăn, một *áp-phe* có liên quan đến sở của chàng. Và lời nói chuyện của ông ta khiến chàng bắt buộc phải nghĩ rằng khi ông ta lôi cả Quang vào câu chuyện, thì mục đích ông ta không phải là đề hỏi ý kiến của Quang như ông ta nói, mà chỉ là để có một nhân chứng không cần thiết lắm, làm chứng rằng *áp-phe* mà ông ta đề nghị với Hoài không có tính cách gì bí mật, bất chính cả, mặc dù thật ra nó không được hợp pháp cho lắm.

Trong câu chuyện, chàng ừ ừ ào ào cho qua và khất ông ta một cách khéo léo, lầy cớ còn phải thăm dò lại những yếu tố liên hệ. Lời trả lời nước đôi đó không ngờ lại được ông ta tán đồng một cách nồng nhiệt. Ông ta cho rằng chàng tế nhị, cần trọng, và những đức tính này rất thích hợp và cần thiết cho công việc. Ông ta trao cho chàng một tấm thiệp và dặn đi dặn lại phải liên lạc để ông ta biết kết quả càng sớm càng tốt.

Giờ đây, trong đêm khuya, một mình trong căn phòng vắng vẻ, ôn lại câu chuyện buổi chiều, bỗng dưng Hoài thấy lợm giọng. Chàng không thể ngăn được cái cảm tưởng chua chát, khó chịu, thấy rằng ngày giỗ đầu của Dũng, ngày mà chàng thuộc lòng trong trí nhớ, đặt lên một tầm mức quan trọng đặc biệt, cái ngày đó đã bị khai thác, lạm dụng một cách trơ trẽn. Chàng không hiểu mình có quá đáng chăng? Có lẽ có. Nhưng cảm tưởng chua chát nhất định không chịu rời bỏ chàng. Và chàng phải cố gắng hết sức để xua những ý nghĩ bực bực ra khỏi đầu óc.

Ngày giỗ đầu của Dũng, như thế, đã qua. Chàng đã về kịp thời để cùng những người thân của Dũng họp mặt trong dịp kỷ niệm đầu tiên để nhớ đến người đã chết. Nhớ đến Dũng? Có lẽ mỗi người đã có một lối riêng để nhớ đến Dũng chăng? Trong đó có cả cái lối bàn chuyện *áp-phe* của ông chú họ họ. Trong đó có cả cái giây phút lặng lẽ tách rời của ông Hiệu. Những lối nhớ đến Dũng như thế mà có thể trộn lẫn với

nhau được sao ? Chàng thấy mình bỗng đứng trở thành khinh bạc một cách tàn nhẫn. Đàng lẽ chàng không nên có cái cách suy luận mỉa mai như thế. Những ngày tháng qua hình như đã làm chàng thay đổi đi nhiều thì phải. Hồi đó chàng sống và nghĩ hồn nhiên, dễ chấp nhận, dễ tha thứ. Chàng và những bạn bè chàng không thù hằn ai, khinh miệt, mỉa mai ai một cách cay cú bao giờ. Từ hồi Dũng chết, và từ hồi chàng bỏ đi làm xa đến giờ, chàng bỗng tiêm nhiễm một vài lẽ lối sống và suy nghĩ không biết do đâu, và không lấy gì làm tốt đẹp cho lắm. Chàng thấy tâm hồn chùng xuống trong một nỗi buồn mênh mang, khi vừa kiểm điểm thấy những điều đó. Hình như sờ dĩ chàng xót xa nhớ Dũng, là vì qua hình ảnh đã mất của bạn chàng, chàng mơ hồ bắt gặp lại, hình ảnh của chính chàng một ngày nào xa xăm, hình ảnh dễ thương và đẹp đẽ của một mùa tuổi trẻ đã phai nhòa. Bạn chàng đã bỏ chàng ra đi, đã cách xa chàng, và những dấu tích hằn đề lại trong ký ức chàng mỗi ngày một bị đe dọa bởi thời gian, bởi lãng quên, cũng như tâm hồn chàng thuở ấy, mỗi ngày một bị đe dọa bởi cuộc sống đầy phiền muộn, đầy mỉa mai, chua chát.

oOo

Khi chàng thức giấc, chiếc quạt trần vẫn quay nhẹ nhàng, đều đặn, căn phòng vẫn chìm trong bóng tối. Chàng nằm im lặng một lát. Và chàng hiểu ra cái gì đã đánh thức chàng dậy. Đó là tiếng mưa rào rạt bên ngoài. Tiếng mưa đổ mạnh liệt, che

lấp cả tiếng những cánh quạt quay. Những hạt mưa thì nhau tạt vào bức màn cửa sổ, và những ngọn gió thổi mạnh làm tấm màn tung bay phần phật. Nếu mưa tiếp tục một lúc, chỉ một lúc nữa thôi, nước sẽ hắt vào đến giường chàng, và chàng dù có ngủ quên, cũng sẽ bắt buộc phải thức dậy, không còn phải vì nghe tiếng mưa nữa, mà là vì nước ướt hết mình mẩy.

Chàng ngồi lên, nhích đến phía đầu giường, ngồi dựa lưng vào tường. Chàng chưa muốn đóng cửa sổ vội. Tiếng mưa rào rạt, những hạt mưa tới tấp tạt vào, và những ngọn gió phũ phàng lạnh lẽo, tất cả như toát ra một vẻ gì quyến rũ đối với chàng.

Không biết mưa bắt đầu đổ xuống từ lúc nào ? Chàng giơ tay, nghiêng mặt xem đồng hồ, không thấy gì hết, Chàng gài một chiếc thuốc lên môi, bật hộp quẹt. Ánh lửa lóe lên, soi bóng chàng trên bức tường bên cạnh, cái bóng lớn, choán hết cả nửa bức tường, lung linh nhảy múa. Chàng nhìn đồng hồ. Gần sáng. Nấp bật lửa dậy lại, cái bóng biến mất, và trong căn phòng tối đen, chỉ còn đốm lửa nhỏ trên đầu chiếc thuốc lá.

Chàng nhớ lại những đêm mưa ngày cũ, khi Dũng còn sống, hai người bạn ngủ chung với nhau, cùng thức giấc nửa khuya, lồm cồm bò dậy, rón rén ra pha một phin cà phê, ngồi hút thuốc lá, nghe tiếng mưa ào ạt, và ngắm từng giọt cà phê nhỏ xuống đáy ly. Đêm khuya, mọi người trong nhà ngủ cả, chàng và Dũng rì rầm nói chuyện (những chuyện cà

kê dê ngỗng, không đầu không đuôi) và cùng thức luôn cho đến sáng, với cả phê nóng và những điều thuốc lá.

Mưa đang dào dạt ngoài kia, mỗi lúc như một to hơn. Có lẽ đây là cơn mưa đầu mùa chẳng? Chàng không biết được. Chàng đã xa thành phố từ mùa nắng. Và Dũng cũng chẳng còn nữa để mà cãi lại chàng. Đêm đã gần tàn. Một mình chàng, với cơn mưa đang hắt vào căn phòng xa lạ, làm ướt sũng tấm màn cửa sổ, làm át đi tiếng những cánh quạt trần đang quay đều đều.

Chàng đứng dậy, tiến ra phía công tắc điện, lần mò trong bóng tối, vặn tắt chiếc quạt. Gió ngoài trời đã nổi lên quá nhiều, chiếc quạt trở thành vô ích.

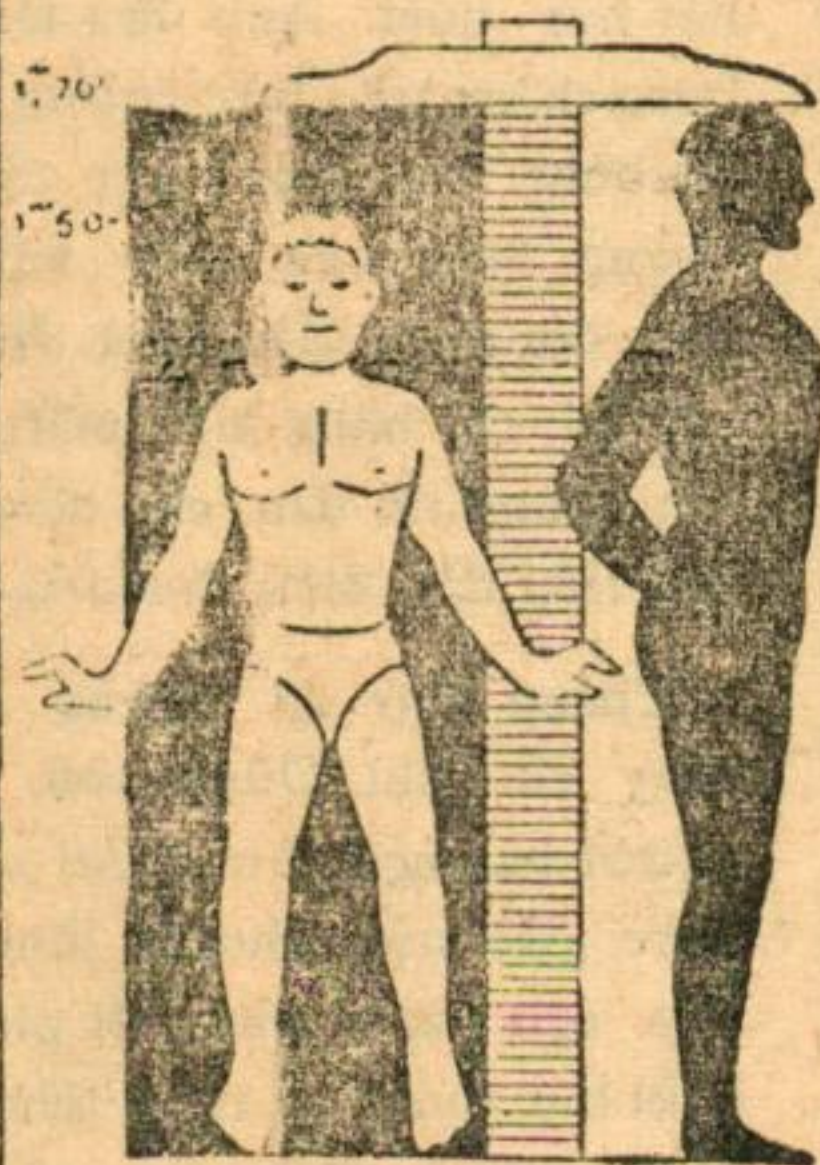
Những cánh quạt quay chậm dần và ngừng lại. Có lẽ chúng đã ngừng hẳn lại. Chàng không còn nghe tiếng rì rì đều đặn nữa. Chỉ còn tiếng mưa rơi dào dạt, tiếng gió hú ngoài trời, tiếng bức màn bay phấp phật, và tiếng thở dài của chính chàng.

6-1972

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

CADAΟ mới xuất bản

I.— *Tủ sách những bậc thầy âm nhạc*

1) BEEHOVEN MỘT PHIẾN TÀI TÌNH THIÊN CỔ LUY

của J. VV. N. SULLIVAN, Hoài Khanh dịch và giới thiệu

« Đây là cuốn sách hay nhất về âm nhạc tôi chưa hề đọc bao giờ... một cuốn sách mà tôi muốn thấy vài triệu người yêu âm nhạc tìm đọc (... a book I should like to see read by a few million music lovers) Clifton Fadiman ».

2) CHOPIN NHÀ THƠ CỦA ÂM NHẠC

của GUY DE POURTALES, Vũ Đình Lưu dịch.

« Tác phẩm viết về cuộc tình khổ đau quá khứ giữa Chopin và nữ sĩ George Sand và cũng nói đến vẻ lãng mạn của bốn chữ vinh quang, mê say, đau khổ và cô đơn của Chopin.

Chopin đã đi khỏi mặt đất từ lâu, nhưng âm nhạc của người được coi là *Tiếng Hát Thiên Nga* gọi lại cho trần gian một cái gì vô về khôn tả ».

3) MOZART, CUỘC ĐỜI VÀ NGHỆ THUẬT

của PERCY M. YOUNG, Hoài Khanh dịch.

« Mozart là một nhạc sĩ vĩ đại ; nhưng ông cũng là một vĩ nhân nữa. Một vĩ nhân là một kẻ chiến đấu... Ông vượt thắng trên thiên kiến, có thể là thiên kiến của xã hội hay âm nhạc. Nhưng trong việc làm như vậy ông đã tự giết chết đời mình. Câu chuyện của đời ông là một bi kịch ».

4) TCHAIKOVSKY CUỘC ĐỜI VÀ NGHỆ THUẬT

của PERCY M. YOUNG, Hoài Khanh dịch

« Và Kappie cho chạy giao hưởng khúc của Tchaikovsky, âm nhạc ấy đối với tôi là một trong những giao hưởng khúc vĩ đại nhất của âm nhạc mà bất kỳ linh hồn kẻ nào cũng chưa hề được tưởng tượng ra, và những âm thanh như thế đến từ nơi nào, và làm thế nào chúng đã đi vào đầu óc một người mà một lần có một đứa bé đang bú núm vú phải thồn thức với những giòng lệ, Thượng Đế biết chứ tôi không hề biết ».

(Trích ở chương XVI trong cuốn *TÌNH YÊU VÀ MÀU DA* của ALAN PATON, Hoài Khanh dịch và giới thiệu).

2.— *Tủ sách Phi Châu và Da Đen*

1) TÌNH YÊU VÀ MÀU DA

của ALAN PATON, Hoài Khanh dịch và giới thiệu.

Chú ý: Từ nay Ca dao nhận gửi sách cho bạn đọc các tỉnh muốn mua lẻ. Xin liên lạc với Hoài Khanh, Hộp thư 2287-Saigon.

Nhớ một phương

Trời ơi ! Đã nhớ về phương ấy !
Một chút môi cười chưa điểm trang.
Tóc nghiêng sợi nhỏ buồn Đông Á.
Chớm nở lòng ai nắng mới sang ?
Ta quảy mùa trăng theo bước ngựa.
Qua sông vớt mấy lá thu vàng.
Đem về đốt lửa truyền tin đến.
Đôi mắt ngày xưa không điểm trang.
Nhớ ơi ! Màu áo ! Chiều ! Kim Tuyến !
Trắng nuốt bàn tay thơm quế hương
Ở đây tóc ngắn còn năm cũ.
Phương đã rơi đầy trời một phương.
Sông xa sương phủ áo tà đôi.
Chờ mấy mùa — em gởi nụ cười ?
Thành nội có còn nguyên lụa trắng ?
Ngọt từng bông sứ nở trên môi.

Qua vườn bông vải

Qua vườn bông vải nghe chim.
Trắng hoa lá nhớ người em thuở nào.
Mười năm sách vở ra sao ?
Rừng mây tóc rũ ta xao xuyến lời.
Hắn em đêm ngủ cầu trời ?
Biết ai kinh sử gá lời trăm năm.

Thơ Vũ-Hữu-Định

TRÊN ĐƯỜNG VỀ LÂM ĐỒNG

tặng Tống-Châu-Ân

Lê Miên Trường

Lên rừng nắng trải đồi nghiêng
trong lo âu cũng ngạc nhiên bồi hồi
áo rừng màu vẫn còn tươi
thịt da núi vỡ nhưng mùi rừng thơm
đọc đường hun hút cao hơn
lên cao cao mãi nỗi buồn đang xa
đến khi sương lẫn bóng tà
thì ta cũng đã quên ta khốn cùng

TỚI ĐẠI NINH TÌM NHÀ BẠN

tặng Nguyễn Đình Dzu

Đi trong phố núi cùng mây
Đi trong gió núi sương đầy trước sau
Chẳng hay nhà bạn nơi nào ?
Mắt theo phong cảnh tới đầu bãi sương
Đời ta mấy bận lên đường
Một giây oan nghiệt còn vương trời đời.

tháng 10-72

Ngày ở trại tiếp cư Đà-nẵng

Thơ PHẠM-TÂN HẦU

NHỮNG VÌ SAO QUÊ NHÀ

Ngủ đi em mộng cho mau
Mai đời ta cũng chìm sâu thế này
Bề dâu ắt đã chia bày
Ru em, anh sợ buồn đầy ca-dao

•

Ngủ đi em, mộng ngàn sao
Sáng soi thay đĩa dầu hao quê nhà

BÉ THƠ CŨNG LUY

Lãnh từng bữa gạo hai lon
Đong xem đời cũ có còn chút vui
Bé ơi ! sao mãi khóc vui
Nhai mau kẹo hạt ngậm ngùi nỗi gai

Thơ Vũ-Phan-Long

ÔI TRẦN-TẾ-XƯƠNG

Làng thôn rày đã nên gò
Sâm hoa cỏ áy sông đò xác trôi
Đồn xa đóm hỏa châu rơi
Còn vang sóng mạ xanh ngời dưới trăng

PHƯỢNG

Bốn bề binh lửa vây quanh
Phổ thôn kẻ biệt cây cảnh chim xa
Con đường hàng phượng nảy hoa
Hội hè du mục giấc đà hồ phai
Lòng dâng tiếng phượng quan hoài
Thanh bình mùa cũ còn lai láng tình
Nhớ về đồng lúa bình minh
Nhớ thành sơn nhật cúi mình trong sương
Nhớ dòng sông dưới tà dương
Vội bao nhánh lục ngậm hương chia xa
Nhớ mái tóc nhớ làn da
Nhớ người còn đứng đã ra đi rồi
Đăm đăm bóng phượng khung trời
Hồn xưa vãng sự ai ngời nhớ ai

Sách mới

— Luật và mẹo chính tả của Phan Quang An do Nam Châu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 11 chương : Nguồn gốc tiếng Việt, các Luật hỏi ngã, chuyển âm, các mẹo và những phụ âm cuối, phụ âm đầu v.v... Giá 150 đ.

— Sông nước Cồ-Chiên tập thơ của Mặc Khải, do Thiêng Đức xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 54 trang gồm 15 bài thơ của nhà thơ lão thành yêu nước Vũ Hạnh giới thiệu « Đi vào một cõi thơ mới » và Truy Phong kết thúc bằng « Thơ và người Thơ ». Bản đặc biệt.

— Xuôi theo mặt trời tập thơ của Bùi nhật Ủy, do Hoa-Thời Ly-Loạn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm đầu tay của tác giả gồm 24 bài thơ.

— Yêu truyện phim và phân cảnh của Đỗ Tiến Đức phỏng theo tiểu thuyết « Yêu » của Chu Tử, Nhóm Phim Nghệ thuật xuất bản gửi tặng. Sách dày 146 trang và rất nhiều hình ảnh trong phim và cả lúc thực hiện phim. Giá 300 đ.

— Chuỗi ngọc trường sinh của Thùy-Hương do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang thuộc loại « Hoa đỏ ». Bản đặc biệt. Giá bán thường 90 đ.

— Cánh gió của Kim Hải do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang, thuộc loại « Hoa tím ». Bản đặc biệt. Giá bán thường 120 đ.

— Ngục thất giữa rừng già của Minh Quân và Mỹ Lan, do Minh Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in đẹp, nội dung hấp dẫn, dày 192 trang. Giá 140 đ.

— Quảng-Bình quê tôi các số 2, 3 đặc san do Hội Ái-Hữu Quảng-Bình xuất bản và gửi tặng. Mỗi số dày trên dưới 100 trang khổ 21 x 26 gồm những bài biên khảo, hồi ký, tiểu sử nhân vật v.v..., liên quan đến tỉnh Quảng-Bình, nhiều bài giá trị.

— Câu hỏi giáo khoa Triết Luận lý và Đạo đức lớp 12 ABCD của g.s Nguyễn Xuân Hoàng do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 152 trang đề giá 200 đ. Nội dung gồm tất cả các câu hỏi giáo khoa thuộc phần Luận lý và Đạo đức học các lớp Đệ nhất. Sau mỗi chương còn có phần trích văn.

— Câu hỏi giáo khoa Triết phần Tâm lý học lớp 12 ACD của g.s. Nguyễn Xuân Hoàng do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dài 164 trang ghi giá 200 đ. Nội dung gồm 17 chương, mỗi chương có nhiều Câu hỏi thể hiện chính xác đề tài của phần giáo khoa. Ngoài ra còn có 200 câu Trích văn, trích dẫn những câu thơ danh của các triết gia, khoa học gia nổi tiếng thường dùng làm đề tài trong các kỳ thi.

Cáo lỗi

Truyện dài « VÀO ĐỜI » của nhà văn Nguyễn-Mộng-Giác, vì lý do riêng, phải tạm gác lại một vài kỳ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả Bách Khoa về sự ngưng bất thường này và chúng tôi hy vọng sẽ đăng lại Vào đời tiếp theo thật sớm trên những số Bách Khoa sắp tới đây.

Ban chủ trương BÁCH KHOA

Đã phát hành :

LỬA RỪNG

Truyện dài của VŨ HẠNH
Nguyễn-Dinh-Vượng xuất bản

Một chuyện tình đầy khổ đau, một tấm lòng yêu quê hương sâu hơn rừng thẳm, lớn hơn núi cao, cuộn cuộn như dòng thác lũ, hừng hực bùng sôi như đám lửa rừng ngút cháy.

tìm đọc PHẠM THIÊN THƯ

ĐOẠN TRƯỜNG VÔ THANH

đề biết thực chất quyền Hậu Thúy Kiều — một tác phẩm đã gây dư luận sôi nổi ngay từ khi còn là bản thảo.

- Phạm Thiên Thư là « tên lưu manh » ? hay là « thiện tài » ? đáng « đem xử tử » ? hay « đáng ca ngợi » ?... như những dư luận trái ngược mà báo chí đã tung ra của hai phái trí thức ghét mà yêu.
- NỀN HỒNG xuất bản — bản thường 4 trăm — bản đặc biệt giá một ngàn — phát hành toàn quốc.

SUỐT MẤY THẾ KỶ QUA

— Hàng trăm triệu thanh thiếu niên NAM, NỮ, ở khắp các quốc gia trên thế giới, đã phải giở lệ khóc thương cho mối tình tan vỡ, trong 2 tác phẩm :

GRAZIELLA và PAUL ET VIRGINIE

do LAMARTINE và BERNADIN DE SAINT PIERRE sáng tác

— Muốn tìm biết, những mối tình đó ra sao ? Thê thảm như thế nào ?

Xin các BẠN hãy tìm đọc :

GRAZIELLA (mối hận đầu)

PAUL ET VIRGINIE (sống thác vì tình)

do « SÔNG-HỒNG » xuất bản — « SÔNG-MŨI » tổng phát hành

THỜI SỰ KHOA HỌC

Trà, café và cúm

Sài gòn vừa phải chịu một trận dịch cúm khá phiền nhiễu. Hiện giới y-tế ở đây chưa có một con số chính thức nào về tỉ số dân ở Sài gòn bị cúm. Chỉ biết đa số các gia đình đều có hơn phân nửa người trong nhà bị nóng, sốt, sổ mũi và ho dai dẳng. Có gia đình bị siêu-vi-trùng cúm chiếu cố tận tình, không bỏ sót một người nào trong nhà. Các nhà thương, nhất là các nhà thương chuyên trị bệnh con nít, đầy nghẹt các thân chủ tí hon tới khám vì bị nóng và ho. Người lớn vì sức chịu đựng cao hơn thường chỉ tới phòng mạch đề xin toa về dùng. Các vị bác sĩ được dịp đếm bạc của thiên hạ bằng thích!

Thật ra bệnh cúm hay cảm, như chú g ta đều biết, là do loại siêu-vi-trùng gây nên. Và hiện nay chưa có một loại trụ-sinh nào có tác dụng trên các loại siêu-vi-trùng này cả. Việc chữa trị bệnh cúm chỉ có mục đích giảm bớt các triệu chứng khó chịu do bệnh gây nên và tránh các sự nhiễm trùng có thể xảy ra cho bệnh nhân cùng lúc với bệnh cúm.

Để chống lại các cơn sốt trong bệnh cúm, thường người y-sĩ hay cho bệnh nhân dùng loại Aspirine, một loại thuốc có tính chất giải nhiệt. Một số người cũng hay uống trà hay café vì tin rằng hai loại này cũng làm hạ nhiệt và làm vượng tim. Thường nhất là việc uống thuốc Aspirine với một ly nước trà nóng.

Tuy nhiên một số các y-sĩ ở bên

Anh, xứ mà dân chúng rất thích dùng trà, tỏ ra nghi ngờ về điều sau này. Theo họ thì chất *Caffeine* có ở trà và café làm cho nhiệt độ cơ thể tăng lên thay vì hạ xuống. Dùng chung với Aspirine nó chỉ làm mất tác dụng giải nhiệt của loại thuốc này mà thôi. Cơ chế của tác dụng này của chất *Caffeine* chưa được xác định rõ, các nhà nghiên cứu cho rằng nó kích thích sự phóng-thích các chất kích-thích-tổ-tạo-nhiệt trong cơ thể.

Dù sao thì muốn cho chắc ăn, khi bị cúm người ta chỉ nên uống Aspirine với nước lã. Tiếc thay cơn dịch cúm đã đi qua ở Sài gòn!

Những phát-kiến mới về kỹ thuật ghép tim

Từ khi bác sĩ Christiaan Barnard của Nam-Phi bắt đầu kỹ-nguyên ghép tim cho con người vào tháng chạp năm 1967 đến nay, trong 5 năm đã có tất cả 197 trường hợp ghép tim trên thế giới. Trong số này chỉ có 28 người hiện còn sống sót: người « thọ » nhất là ông Ralph Trout, năm nay 36 tuổi, kể luôn cả 3 tuổi rưỡi ông sống được nhờ quả tim mới của người khác.

Ông Trout được ghép tim ở trung-tâm y-khoa Stanford bên Mỹ, nơi có các chuyên-viên lỗi lạc về khoa này. Trong cuộc hội-thảo quốc-tế lần thứ tư về khoa ghép các cơ-quan ở người, các chuyên-viên tại trung-tâm Stanford đã nhấn mạnh về vai trò quan trọng của « phản-ứng thái-hồi-trề » của cơ thể người nhận, đối với một

cơ-quan lạ. Nếu phản-ứng thải-hồi tức-thời xảy ra trong vòng 3 tháng sau khi mổ thì loại phản-ứng-tế này chỉ xảy ra trong vòng 2 đến 3 năm sau. Hệ-tổng miễn-nhiêm của cơ thể tác dụng vào các mạch máu ở tim làm cho chúng trở nên dày và cứng hơn, như trong bệnh cứng-động-mạch-vành rất thường có ở xã-hội Tây-phương.

Chính nhờ dựa vào điều hiểu biết mới mẻ này mà các chuyên-viên ở Trung-tâm Stanford đã áp dụng một phương-pháp trị-liệu thích ứng cho các bệnh nhân gút tim của họ. Phương-pháp đó rất giản-dị vì đã có từ lâu như dùng để trị bệnh cứng-động-mạch-vành : thức ăn ít chất béo, ít chất *cholestérol*. Kết quả đã chứng minh cho lý-thuyết của họ : trong số 28 người sống sót trên thế-giới, đã có 19 người là bệnh nhân của Trung-tâm Stanford.

Tuổi các cổ vật

Phương-pháp cổ-diện vẫn được dùng để xác định tuổi các cổ-vật-thạch-hóa là phương-pháp đo chất carbon-phóng-xạ ($C. 14$) ở các mẫu-vật thu nhặt được. Phương-pháp này do Bác-sĩ Libby phát minh ra từ năm 1948 và đã được coi là một bước tiến quan trọng trong ngành khảo cổ. Nhưng phương-pháp của Bác-sĩ Libby có bất tiện là không thể dùng để xác định tuổi các vật hóa-thạch trên 50.000 năm, vì sau khoảng thời gian này thường số carbon-14 đã tan biến hết. Những phương-pháp xác định khác, cũng dùng phương-pháp phóng-xạ,

(như potassium / argon 40) bất hạnh thay, lại chỉ chính xác khi mẫu-vật có số tuổi trên một triệu năm. Thành ra có một khoảng trống giữa số tuổi 50.000 năm và 1 triệu năm không có phương pháp nào để xác định tuổi các vật hóa-thạch. Mà khoảng thời gian đó lại rất quan trọng trong tiến trình lịch sử của loài người.

Một nhà hóa học người Mỹ đã lấp được khoảng trống đó. Trong lúc cố gắng xác định tuổi các hóa-thạch ở dưới đáy biển tại viện hải-dương-học Scripps, Jeffrey Bada đã phát minh ra một phương pháp mới để xác định tuổi các vật hóa-thạch trong khoảng vài trăm ngàn năm. Phương pháp của Bada dựa trên sự biến đổi từ dạng *tả-triển* sang dạng *hữu-triển* của các amino-acids trong cơ-thể các sinh vật chết. Trong một sinh vật còn sống các amino acids bao giờ cũng ở dạng *tả-triển*. Khi sinh vật chết đi, các amino acids này từ từ đổi sang dạng *hữu-triển* và Bada đã dựa vào tỉ-số giữa số phân-tử còn giữ dạng *tả-triển* và số phân-tử đã biến thành dạng *hữu-triển* để tính ra tuổi các hóa-thạch.

Những kiểm chứng đầu tiên chứng tỏ phương pháp amino acid của Bada rất chính xác. Hơn nữa nó lại tốn ít thời giờ (vài tiếng đồng hồ) và rất ít mẫu vật để thử. Người ta hy vọng nó sẽ quan trọng không thua gì phương pháp $C.14$ trong thời gian trước đó.

TỪ DIỆP

Thời sự thế giới

Trong tháng 10 vừa qua nhiều biến chuyển quốc-tế đã dồn dập xảy ra. Sự kiện đáng được chú ý nhất có lẽ là những chuyến đi của ông Henry Kissinger, Cố-vấn An-ninh của Tổng-Thống Nixon. Tuy các chuyến đi và các hoạt động không ngừng của ông Kissinger chưa mang lại được kết quả cụ thể nào, nhưng người ta đã tỏ ra có nhiều hy vọng thấy chiến-tranh kết thúc ở Việt-nam.

Sau Phi-luật-tân, lại đến lượt Nam-Hàn ban hành lệnh thiết-quân-luật và tính chuyện tu chỉnh Hiến-pháp khi các cuộc tiếp-xúc với Bắc-Hàn vẫn được xúc tiến.

Tại Trung-Đông người ta thấy Ai-Cập lại một lần nữa trở cờ : Thủ-tướng Aziz Sidky sửa soạn trở lại Mạc-tur-khoa đề xin vũ khí. Và như vậy Nga sẽ trở lại vùng Trung-Đông với một sách-lược mới.

Tại Âu - châu, Na - uy, trong một cuộc trưng-cầu dân-ý, đã quyết định không gia nhập Thị-trường Chung khiến khối Âu-châu 10 nước chỉ còn có 9. Và vấn đề gia nhập Thị-trường Chung lại một lần nữa được đặt ra.

Những hoạt động ngoại giao của ông Kissinger

Trong tháng 10 vừa qua, cuộc bầu cử Tổng-Thống Hoa-kỳ càng tiến lại gần thì người ta thấy ông Henry Kissinger, Cố-vấn của Tổng - Thống Hoa - kỳ, càng hoạt - động ráo riết. Người ta vừa được tin ông bay sang Paris họp mặt với Xuân - Thủy ngày

16-10 thì người ta đã thấy ông lui sang Saigon vào chiều ngày 18-10. Và ông đã ở lì Saigon trong năm ngày liền. Trong thời gian lưu lại ở Saigon ông Kissinger đã tới gặp Tổng-Thống Thiệu tới 6 lần, cả thảy 15 giờ đồng hồ.

Các báo chí trên toàn thế-giới đã đua nhau đưa ra giả - thuyết là Mỹ đang gây áp-lực với Nam-Việt để ký kết một thỏa - hiệp ngưng bắn trước ngày bầu cử. Nhưng thật ra cho tới khi ông Kissinger trở về Hoa-thịnh-đốn người ta vẫn chưa thấy hòa bình « ép uồng » này ra đời. Ngược lại về cả phía Mỹ lẫn phía Nam-Việt người ta đã nhấn mạnh việc không chấp nhận đình-chiến tại chỗ, ngưng chiến da beo, chính-phủ ba phe. Và hơn nữa vấn đề Việt-Nam không còn là một đề tài tranh cử tại Hoa-kỳ nữa nên phe Dân-chủ không thể dùng vấn đề này để hạ ông Nixon. Vậy thì ông Kissinger sang Saigon để làm gì ? Một nhân vật thân cận của Tổng-Thống Mỹ như ông Kissinger, ngay cả khi ở Hoa-thịnh-đốn mỗi khi đi ăn cơm tiệm mà còn phải mang máy truyền tin đi theo để tiện liên lạc với Tổng-Thống, thì nay sao lại có thể ở Saigon luôn trong 5 ngày được. Lưu lại Saigon trong một thời gian lâu như thế, tất ông phải thảo luận hoặc xúc tiến những chuyện gì thực quan trọng. Hơn nữa lần này ông không mang tướng Haig đi theo mà lại mang ông William Sullivan. Ông Sullivan đã làm việc tại Sứ quán Mỹ ở Saigon

lâu năm và đã giữ chức Đại-sứ tại Vạn-tượng nên hiện là một chuyên-viên về vấn-đề Đông-Dương. Chính ông Sullivan đã bắt mối với Bắc-Việt đề tồ chức hòa-hội Paris. Sự hiện diện của ông Sullivan là một dấu hiệu hòa-bình sắp trở lại, hay ít nhất chiến tranh cũng bước vào giai-đoạn mới. Trong 5 ngày ở Saigon, ông Kissinger cũng đã sang thăm chớp nhoáng Tổng-Thống Lon Nol. Cùng một lúc ông Sullivan cũng sang thảo luận với các giới chức Lào ở Vạn-Tượng, và giới chức Thái ở Vọng-Các.

Sau đó cả Hoàng-thân Souvanna Phouma và Thống-chế Kittikachorn đều tuyên-bố là sắp có hòa-bình. Ngay tại Hoa-thịnh-đốn khi ông Nixon tiếp Ngoại-trưởng Nhật Ohira, người ta cũng chú ý đến sự hiện diện của Tướng Haig, phụ-tá của ông Kissinger. Và chính ông Nixon cũng nói với Ohira là người ta đang tiến dần tới hòa-bình.

Sau khi lường giá các dữ-kiện, người ta chỉ còn cách phỏng đoán là có một sự thay đổi nào đó sắp xảy ra trong chiến cuộc Việt-Nam và một giải-pháp chung cho toàn thể Đông-Dương có thể được thực hiện.

Đại-Hàn thiết-quân-luật

Ngày 17-10 vừa qua, Tổng-Thống Phác-Chánh Hy đột ngột ban hành lệnh thiết-quân-luật, giải tán Quốc-hội và đình chỉ hiến-pháp. Người ta không hiểu tại sao ông Phác lại đi tới quyết định này khi mà tình hình trong nước không có một sự việc gì quan-trọng xảy ra.

Thật vậy, tình-hình chính-trị nội-bộ đã được hoàn toàn ổn cố từ khi Tướng Phác-Chánh-Hy nắm chính-quyền. Cộng-sản cũng không còn là mối đe dọa cho Đại-Hàn nữa vì không những về kinh-tế và quân-sự Đại-Hàn đủ mạnh để phe Cộng-sản không còn dất đứng, mà Bắc Cao lại còn muốn thương thuyết với miền Nam để đi tới thống nhất lãnh thổ.

Hơn nữa ông Phác-Chánh-Hy cũng không phải là con người thích độc-tài. Nếu muốn độc-tài thì ông đã độc-tài từ 8 năm về trước khi ông còn là một lãnh-tụ quân-sự nắm gọn hết quyền bính trong tay.

Trong khi đó hai Hội Hồng-Thập-Tự Bắc và Nam-Hàn vẫn tiếp tục nhóm họp phiên thứ ba trong 3 ngày từ 24 tới 26-10 để thảo-luận vấn-đề liên-lạc giữa các gia-đình bị chia đôi.

Ông Phác-Chánh-Hy đã yêu cầu dân chúng thận trọng trước âm mưu can thiệp của một nước thứ ba, nên người ta phỏng đoán rằng các quyết định vừa rồi của ông là hậu-quả của sự thiết lập ngoại-giao giữa Trung-Cộng và Nhật. Là một người Cao-ly thuần túy có lẽ ông Phác-Chánh-Hy vẫn tiếp tục coi Nhật và Trung-Cộng là mối đe dọa chính cho độc-lập của Hàn-quốc.

Ai-cập trở lại thàn Nga

Sau khi đuổi cổ-vấn quân-sự Nga về, chính-phủ Ai-cập phải đối phó với vấn-đề thiếu vũ-khí. Thật vậy, Nga đã rút về không những vũ-khí mà còn tất cả các cơ sở dụng cụ, máy móc.

Trong cả mùa hè 1972, Ai-cập đã nhiều lần về văn Mỹ đề xin viện trợ quân-sự, vì theo Tướng Sadek, Tổng-trưởng Quốc-phòng, thì quân đội Ai-cập chỉ còn có đạn dược dư dùng trong 10 ngày nếu chiến tranh bùng nổ. Ông Sadek cũng đã sang Nam-tư và Tiệp-khắc nhưng đâu đâu người ta cũng đều từ chối.

Về phía Hoa-kỳ ông Nixon không muốn vấn đề Trung-Đông trở thành một đề tài tranh-cử nên cố gắng né tránh các đòi hỏi của Ai-cập.

Không làm sao được, Ai - cập lại phải quay về Nga. Thủ - tướng Ai Az'z Sidky sửa soạn sang Mạc-tư-khoa đề xin giúp đỡ. Và Nga chỉ chờ dịp này là trở lại củng cố địa vị mình ở Trung-đông. Hiện thời Nga đang viện trợ cho Syrie, cho cả hai chính phủ Nam và Bắc Yemen, và cho phe giải-phóng Pales.ine. Do đó Ai-cập chỉ là một thành phần nhỏ của sách-lược Nga tại Trung-Đông. Nga muốn giữ vững Trung-Đông để kiểm soát Địa-trung-hải và án ngữ trước khối Bắc Đại-tây-dương.

Thị-trường Chung Âu-châu đang gặp khó khăn

Đầu năm nay 4 nước mới xin gia nhập khối Thị - trường Chung Âu - châu. Từ 6 nước, khối này đã trở thành một lực lượng quy tụ 10 quốc-gia kinh-tế hùng mạnh. Nhưng khi các nước hội viên mới tổ chức trưng-cầu dân-ý để quyết định về việc gia nhập, thì khối Thị-trường Chung bắt đầu vấp phải nhiều khó khăn. Trong cuộc trưng-cầu dân-ý vừa qua, dân Na-uy bằng 53,6% phiếu chống và

46,4% phiếu thuận đã quyết định không gia nhập Thị-trường Chung.

Tuy Na-uy trao đổi thương mại với khối Thị - trường Chung nhiều nhất nhưng vẫn không chịu gia nhập khối này vì tinh - thần quốc-gia còn được dân Âu - châu đặt quá nặng. Tại Âu-châu người ta vẫn chưa chịu đi tới một sự hợp-tác quốc-tế chặt chẽ. Ngay ở Anh - quốc, các thành phần chống đối Thị - trường Chung cũng đòi tổ-chức trưng-cầu dân-ý, tuy phương thức tham-khảo ý-kiến cử-tri này không phù-hợp với truyền thống đại-nghị Anh.

Tuy gia nhập Thị-trường Chung có lợi nhiều hơn có hại, nhưng người Âu-châu hãy còn nhìn tổ-chức này bằng con mắt hoài nghi. Họ cho rằng trong khối này các đại-cường Anh, Pháp, Đức sẽ thống-trị Âu-châu dưới hình thức hợp-tác kinh-tế.

Các lãnh - tụ Na - uy rất dỗi kình tâm về sự thiếu thông-cảm của dân chúng. Chính - phủ Na-uy của Thủ-tướng Trygve Blatteli đã từ chức và trao quyền cho phe thiểu-số tại Quốc-hội cho đến khi Quốc-hội được bầu lại.

Tại Paris, Tổng-Thống Pháp đã mở một hội-nghị thượng-đỉnh quy tụ 10 quốc-gia hội-viên Thị-trường Chung để tìm cách vá víu tổ chức này. Nhưng nếu các lãnh-tụ Âu-châu đồng ý tấn công đồng mỹ-kim thì họ lại bất đồng ý-kiến trong việc hàn gắn khối Thị-trường Chung.

TỪ-MINH

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nhà văn tìm cái chết

Các nhà văn khi muốn chấm dứt cuộc sống đã chọn những phương pháp thực khác biệt: Nhất Linh dùng độc dược, Tam Ích dùng sợi dây thắt cổ, Hemingway xưa kia ngậm súng sẵn rồi bóp cò, Yokio Mishima mổ bụng, Kawabata ngậm ống « ga » cho ngạt thở. Tại Pháp nhà văn Henry de Montherlant, 76 tuổi, có chân trong Hàn-lâm-viện Pháp, tác giả của rất nhiều tiểu thuyết và kịch phẩm nổi tiếng, đã bắn một phát súng sáu vô miêng đề kết liễu cuộc đời ngày 21-9-72 vừa qua, sau nhiều tháng sức khỏe suy nhược. Có nguồn tin còn cho rằng ông đã bị hư một mắt từ trước, nay mắt còn lại bị hư luôn, nên ông không muốn sống nữa và đã « ra khỏi cuộc đời một cách đường hoàng » như các nhân vật trong những tiểu thuyết và kịch phẩm của ông.

Một cây bút phê bình và tiểu thuyết Pháp khác nữa, có chân trong Hàn-lâm-viện Pháp, là Pierre-Henri Simon, 69 tuổi, cũng lìa trần vào hạ tuần tháng 9-72. Pierre-Henri Simon đã cộng tác với nhật báo Le Monde như một cây bút điểm sách thường xuyên từ 1961, và ông đã viết đều đặn trong 11 năm 7 tháng « đọc sách bắt buộc và mỗi năm, chạy đua với đồng hồ mà phê bình chừng gần 200 tác phẩm của kẻ khác ». Có điều đặc biệt là trước khi già từ cuộc sống, nhà phê-bình của nhật báo « Le Monde » còn cần thận trao lại cho tòa soạn một bài điểm sách cuối cùng

cùng một lá thư già từ độc giả.

Nobel Văn chương 1972

Giải Nobel văn chương năm nay được trao cho một nhà văn Công giáo Tây Đức, Chủ tịch Hội Văn bút Tây Đức, là Heinrich Boell, năm nay 54 tuổi.

Theo bản tin của một hãng thông tấn ngoại quốc thì Heinrich Boell vốn là một binh sĩ trong trận Đệ-nhi Thế-Chiến và cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông phản ánh nổi tuyệt vọng sâu xa của tác giả qua kinh nghiệm sống dưới thời Quốc-xã của mình.

Năm nay Viện Hàn-lâm Thụy-điền đã tặng giải Nobel Văn chương cho toàn bộ tác phẩm của Heinrich Boell vì đã góp phần làm phục hưng Văn chương Đức.

Trong diễn-từ mà nhà văn Nga-sô Soljenitsyne định đọc hôm lãnh giải Nobel Văn chương năm 1970 — Bách-khoa có thuật lại trong số trước (379 — Thời sự văn nghệ) — ông cũng có cảm ơn Heinrich Boell là người đã hết lòng giới thiệu những tác phẩm của ông cho phía các quốc-gia Tây-phương hiểu rõ.

Đây là nhà văn Đức - quốc thứ 7 được tặng giải Nobel Văn chương, 6 nhà văn trước là: Theodor Homsen (1902), Rudolf Eucken (1908), Paul Heyse (1910), Gerhart Hauptmann (1912), Thomas Mann (1926), Nelly Sachs (1966).

Từ « Thiên hạ đại sự » đến « Việc từng ngày »

« Thiên hạ đại sự » là nhan đề cuốn sách Thế-giới-sử toàn-biên, Việt-sử đối-chiếu của 2 tác giả: Vũ Tiến Phúc sưu khảo và Lam Giang hiệu đính, do Khởi Hành xuất bản. Theo các tác giả thì đây là Thiên hạ đại sự dưới nhãn quan người Việt: « Những sự việc xảy ra trên đất Việt đáng được cho người Việt biết đến trước, rồi mở rộng nhãn quan nhìn sang Trung-hoa, các nước Á Phi lân cận, các nước Á Phi khác, các nước Âu Mỹ, những nước khác ở phương xa ».

Cuốn sách chia làm 12 phần, mỗi phần đều có ghi một vài trang « Nhãn quan đại cương » về từng thế-kỷ một, hoặc từng 5 thế kỷ một, hay từng thiên niên kỷ một vào những năm trước Tây-lịch kỷ nguyên. Sau những trang « nhãn quan đại cương » là những sự việc trọng đại xảy ra tại VN hay tại các nước trên thế-giới được ghi theo từng năm một... và theo thứ tự các nước như các tác giả đã phác họa trên đây. Cuốn sách rất có lợi cho việc tìm hiểu và tra cứu của mọi người.

Nhưng người đọc liên tưởng ngay đến công trình của ô. Đoàn Tnêm trong nhiều năm nay, về việc ghi lại những sự việc xảy ra từng ngày một, tại Việt-nam và tại các quốc-gia trên thế-giới. Sau cuốn « 20 năm qua, việc từng ngày » ông ghi lại từ năm 1945 đến năm 1964, ông ghi tiếp việc từng ngày trong từng năm một và đã có

xuất bản những năm 1965, 1966, 1967, 1968, 1969...

Mỗi cuốn đều có phần « Trích yếu » mà soạn giả đã phân-loại ra các mục: Chánh trị, Quân sự, An ninh, Hành chánh, Kinh tế Tài chánh, Văn hóa Xã hội và Quốc tế, nên rất dễ tra cứu. Tiếc rằng mấy năm nay ngành xuất bản mỗi ngày một xuống dốc, Cơ sở Phạm Quang Khai gần như ngưng hoạt động, nên « Việc hàng ngày » các năm 1970, 1971 đã hoàn thành mà chưa in được. Mong rằng khi tình trạng chung sáng sủa hơn, các cuốn sách trên đây sẽ lại được xuất bản để làm công cụ tra cứu trong việc viết lách của mọi người.

Hoài Khanh và nhà xuất bản Ca-đao

Tuy việc xuất bản lúc này đang bế tắc và rất nhiều nhà xuất bản đã ngưng hoạt động trong những tháng vừa qua mà người ta vẫn thấy Hoài Khanh, chủ trương nhà xuất bản Ca-đao, từ Biên-hòa tất tả về Saigon để sửa soạn cho ra một lúc 4 cuốn sách về cuộc đời và nghệ thuật của các nhạc sĩ: Beethoven, Chopin, Mozart và Tchaikovsky cùng 1 cuốn sách dịch trong « Tủ sách Pô-châu và Da đen ».

Được hỏi tại sao anh dám in ra lắm sách thế, Hoài Khanh trả lời: « Tôi cũng biết xuất bản lúc này là liều lĩnh, nhưng thấy hay quá, mê quá, nên không thể không in ra được ». Anh cũng tỏ ý buồn rầu là anh âm thầm làm việc mà có một số anh em cầm bút không hiểu anh, vẫn theo đuổi phá anh hoài.

May là Hoài Khanh cũng còn một niềm an ủi là « *Thân phận* », tập thơ của anh, in lần thứ 3, mà có 2 nhà phát hành đòi mua hết và anh đã dành cho nhà Lá Bối. Thơ mà bán chạy được như vậy là một chuyện hi hữu rồi.

Rừng dậy men mùa

Đó là tên một tập thơ của Đông-Trình, một nhà thơ quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa, sắp được phát hành vào đầu tháng 11 này. Đông-Trình là một nhà giáo ở Đà-nẵng. Trong một bức thư ngỏ gửi các thân hữu và các em học sinh để giới thiệu tác phẩm của mình, tác-giả « *Rừng dậy men mùa* » đã viết như sau :

« Từ lâu nay, song song với công việc dạy học, tôi có sáng tác được ít nhiều bài thơ, đã lần lượt đăng tải trên các tạp chí *Việt, Đối Diện, Bách Khoa, Ý Thức*. Những bài thơ xuất hiện rời rạc, chập chập và cơ hồ lạc lõng giữa một bối cảnh văn hóa bạc nhược mà trong đó, mỗi người làm thơ đều tự tấn phong mình là thi sĩ sáng giá.

« Gần đây, một số học sinh và thân hữu trong giới văn nghệ đã thăm hỏi, tác động và khích lệ tôi nên thu góp những bài thơ — đã hoặc chưa đăng báo — in thành một tập xuất bản.

« Xuất bản thơ ? — Thú vị vô cùng, nhưng với mục đích nào ? Từ lâu nay tại miền Nam, người ta in thơ với nhiều mục đích khác nhau : Để tỏ tình khi vừa yêu một người. Để tuyệt tình khi bị một người phản bội. In thơ để kiếm một chỗ ngồi trên chiếu văn học (dù chiếc chiếu hoa

cạp điều ấy đã rách bươm). In thơ để dự giải Tổng-thống hay giải Văn bút. In thơ để tạo thành tích văn hóa hầu vận động một chỗ làm tại hậu phương. Và sau cùng, có người in thơ không để làm gì hết, tôi gọi là những người-in-thơ-chơi...

« ... Cho tên, tôi in thơ chắc chắn không phải để tự tấn phong mình, vì tôi vốn quan niệm rằng trong ý nghĩa sâu sắc mà người làm văn nghệ có ý thức phải chấp nhận là người làm thơ và người làm ruộng không có gì khác nhau. Trên ruộng cấy cấy bom đạn, đồng bào tôi gieo hạt giống, trên vùng đất văn hóa trổ đầy trái độc, tôi cấy niềm tin ».

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Phạm Cnu Sĩ (t ơ), Lý Thiện Ngộ (ho), Lê Nguyên Ngử (thơ), Trần Dza Lữ (thơ), Thạch Trung (thơ), Phù Tang (thơ), Bùi Nhung (thơ), Dư Liên Khoa (thơ), Nguyễn Ngụy Neon (Trường người dưới nguyệt), Phạm Thanh Chương (thơ), Hồ Ngý Nghiễm (thơ), Joseph Nguyễn - Vũ Thương-Hoài (Rời ng ỹ tháng mỗi mòn), Trần Nhật Tuấn (thơ), Mai Tàn (thơ), Lan Huệ Em (thơ), Điền Nguyên (thơ), Hoàng Việt Sơn (thơ), Nguyễn Ngọc Định (thơ), Bùi Bá Bồng (thơ), Lương Hoài (thơ), Bùi Hữu Miên (thơ), Lê Vũ Hùng (thơ), Vũ Hưng Thanh (thơ), Vương Anh Lạc (thơ), Như Anh (Ngộ nhận, thơ), Nguyễn-mura Thành-phố (thơ), Võ Văn Lê (thơ).